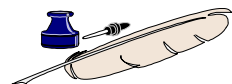


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 Số 176 - Năm thứ 16, tháng 12-2003

Xã luận

MỸ SA LẦY ?

Không ai có thể phủ nhận rằng các hoạt động khủng bố đã gia tăng rõ rệt tại Iraq. Các vụ phục kích ngày càng nhiều và càng gây thiệt hại cho liên quân Mỹ và đồng minh. Dư đảng Saddam Hussein đã chứng tỏ vẫn còn khả năng kháng cự. Không những thế, các hoạt động khủng bố còn lan rộng một cách đẫm máu sang Saudi Arabia và Thổ Nhĩ Kỳ. Rõ ràng tổ chức Al Qaeda vẫn còn khá mạnh.

Tất cả những sự kiện này hỗ trợ lập trường cho rằng Mỹ đang sa lầy tại Iraq và trong cuộc chiến đấu chống khủng bố.

Lập luận căn bản là Mỹ đã sai lầm khi ưu tiên dùng bạo lực để giải quyết những mối nguy về an ninh ; chính sách này gây căm thù trong giới tín đồ Hồi Giáo và đóng góp nuôi dưỡng các lực lượng quá khích ; số lượng quân khủng bố bị tiêu diệt không bằng số lượng mà các lực lượng cực đoan tuyển dụng được nhờ sự căm thù này. Lập luận này không phải thiếu cơ sở. Mỹ sẽ rất sai lầm nếu tin rằng sức mạnh có thể giải quyết tất cả. Muốn thắng các lực lượng cực đoan và khủng bố thì phải triệt tiêu trước hết các mầm mống của chúng, nghĩa là các ổ tuyên truyền và huấn luyện của khuynh hướng Hồi Giáo toàn nguyên mà một số đông vẫn còn được công khai hoạt động ngay cả tại các quốc gia có lập trường chính thức là chống khủng bố. Điều này đòi hỏi quyết tâm, nhưng đòi hỏi trước hết sự thuyết phục về các giá trị cơ bản của một nền văn minh lấy tiến bộ, sự phồn vinh và con người tự do làm nền tảng. Hình ảnh một ê-kíp Bush thuần túy Thiên Chúa Giáo và ngoan đạo không đóng góp vào cố gắng thuyết phục này. Ở một mức độ nào đó nó còn cung

cấp cho phe Hồi Giáo toàn nguyên lý cơ của một cuộc thánh chiến bảo vệ Hồi Giáo.

Tuy nhiên không nên để cho những chi tiết che lấp toàn bộ, cây che khuất rừng. Lập trường chống Mỹ không thể khiến một người bình thường cho nổ bom giết hại những thường dân Hồi Giáo. Đó chỉ thuần túy là hành động tự sát điên dại của những kẻ tuyệt vọng. Thực tế là các thế lực khủng bố và cực đoan đã suy giảm rõ rệt. Trước ngày 11-9-2001 chúng có cả một sào huyệt chính thức tại Afghanistan, có tiếng nói công khai và có thể đánh phá khắp nơi. Ngày nay các phụ tá chính của Bin Laden đã bị tiêu diệt, Al Qaeda phải lẩn trốn và chỉ đánh phá được tại các nước Hồi Giáo. Điều này rất quan trọng vì sau một thời gian bọn khủng bố sẽ thành kẻ thù của chính các nước Hồi Giáo và các tín đồ Hồi Giáo. Saddam Hussein chỉ còn là một người trốn chạy mà ước vọng lớn nhất là sống sót. Thay đổi chế độ nào cũng rất khó, nhất là một chế độ độc tài toàn trị, cho nên Iraq không tránh khỏi một thời gian hỗn loạn. Nhưng cũng đừng nên quên là trong thời gian sáu tháng Hoa Kỳ đã tạo ra được một lực lượng quân đội và công an gần 200.000 người, ngày càng tăng khả năng bảo đảm trật tự an ninh. Mối nguy lớn nhất của Hoa Kỳ không phải là đám tàn quân Al Qaeda và Saddam Hussein mà chỉ là sự chao đảo của chính dân chúng Mỹ.

Mặt trận Iraq rất quan trọng. Nó đang trở thành mặt trận giữa hai triết lý chính trị, dân chủ thế quyền và độc đoán thần quyền. Sự thành bại của nó ảnh hưởng lâu dài trên tương lai thế giới. Dù có tình cảm nào, những người dân chủ cũng không thể mong Hoa Kỳ thất bại trong trận đánh quyết định này.

Thông Luận

Hai phiên tòa, một thực tại

Trong vòng hai tuần lễ hai vụ án chính trị khôì hài kế tiếp nhau. Ngày 12-11-2003, người quyết tử quân Trần Dũng Tiến bị xử 10 tháng tù. Ông Tiến bị bắt giam ngày 22-1-2003, nghĩa là từ 10 tháng trước, như vậy ông sẽ ra về ngay sau phiên xử. Ngày 28-11-2003, đến lượt ba người cháu của linh mục Nguyễn Văn Lý bị mang ra xử : bà Nguyễn Thị Hoa bị xử 4 tháng và 6 ngày tù ; ông Nguyễn Vũ Việt và ông Nguyễn Trức Cường, mỗi người 32 tháng tù. Như vậy bà Hoa sẽ ra về ngay sau phiên xử vì án tù của bà cũng là thời gian bà đã bị giam giữ, hai ông Cường và Việt bị bắt giam ngày 13 và 18-6-2001, nghĩa là cũng đã trên 30 tháng, nên cũng sẽ ra về trong vài ngày tới.

Hai phiên tòa này khôì hài dưới nhiều khía cạnh.

Khôì hài vì tội danh đã được sửa đổi một cách tùy tiện. Trước đó họ bị buộc tội "gián điệp", một tội có thể bị tử hình, sau đó họ chỉ bị buộc tội "lợi dụng các quyền tự do dân chủ", một tội danh có thể chỉ bị cảnh cáo hoặc phạt vạ. Hai mức độ nghiêm trọng rất khác nhau này cho thấy ngành tư pháp của Việt Nam đã sai lầm lớn trong lúc luận tội, và những người có thể sai lầm như vậy thì lấy tư cách gì để xét xử công dân ? Tội "gián điệp" dĩ nhiên là lỗi mắng vì họ không hề liên hệ với một nước ngoài nào, nhưng tội "lợi dụng các quyền tự do dân chủ" thì quả là lối bịch. Vì có quyền tự do dân chủ nào đâu ở Việt Nam mà lợi dụng, làm sao có thể lợi dụng một cái không hề có ?

Khôì hài vì các án tù trùng hợp với thời gian các bị cáo đã bị giam giữ. Nếu đúng là một tình cờ thì phải nói những tình cờ quả là hi hữu, vì xảy đến cho bốn người trong thời gian hai tuần lễ. Thật ra đây chỉ là một biện pháp dùng tòa án để chính thức hóa những vụ bắt người trái phép. Nhà nước chạy tội phạm pháp.

Cho dù có khôì hài đến thế nào, chúng ta cũng phải mừng cho họ vì tất cả đã được trả tự do. Lần này mọi người có thể cười một cách tự nhiên.

Tại sao lại có biện pháp hòa dịu này ? Phải chăng nhà nước cộng sản Việt Nam đã nhận thấy sự thô bạo quá đáng của mình đối với các công dân và thay đổi cách ứng xử ? Nếu đúng là như vậy quả là đáng mừng, nhưng các sự kiện không cho phép kết luận một cách lạc quan như thế. Ngôn ngữ lưỡi gươm trích thượng vẫn còn nguyên vẹn, chính quyền cộng sản đã không chứng tỏ một thiện chí hòa dịu nào. Đây chỉ là một sự miễn cưỡng, đánh không được thì tha, nhưng với thái độ hằn học của kẻ muốn đánh mà không được.

Tại sao đánh không được ? Đó là vì tình hình thế giới đã không như đảng cộng sản tiên liệu. Mỹ đã không sa lầy tại Iraq như Hà Nội mong đợi và vẫn tích cực gây áp lực về nhân quyền. Nghị quyết của quốc hội Mỹ về vụ đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là một thí dụ. Một nghị quyết về nhân quyền khác đang được bàn cãi. Các tổ chức nhân quyền trên thế giới cũng gia tăng các vận động chống đàn áp. Nhưng có lẽ yếu tố quyết định nhất là sự chia rẽ ngay trong nội bộ đảng cộng sản. Tuy không một cấp lãnh đạo cộng sản nào bênh vực dân chủ, nhưng một

số ngày càng đông đánh giá đợt đàn áp bắt đầu từ năm 2002 này là sai lầm, nó không trấn áp được ai mà chỉ làm cho chế độ chịu nhiều thiệt hại về ngoại giao lẫn kinh tế. Vì thế Hà Nội đã xuống thang, nhưng xuống thang lúng túng, không nằm trong một tầm nhìn dài hạn nào.

Tình trạng này sẽ đưa đất nước đi đến đâu và có hậu quả nào cho đảng cộng sản ?

Để trả lời câu hỏi này, trước hết phải nhìn rõ một sự kiện mà không ai, kể cả những cấp lãnh đạo cộng sản thủ cựu nhất, có thể chối cãi, đó là chế độ chính trị tại Việt Nam không thể tiếp tục như hiện nay, **phải thay đổi**, và chỉ có thể thay đổi về hướng dân chủ. Nhưng thay đổi vào lúc nào và sẽ diễn ra như thế nào là một vấn đề khác.

Nếu ban lãnh đạo cộng sản tiếp tục ngoan cố chống dân chủ như hiện nay thì xã hội Việt Nam vẫn tiếp tục hòa nhập dần dần với thế giới, do các phương tiện truyền thông ngày càng hiện đại và các trao đổi ngày càng gia tăng giữa Việt Nam và thế giới. Đảng cộng sản sẽ tiếp tục phải làm những nhượng bộ lúng túng trong khi xã hội Việt Nam ngày chín muồi hơn cho một thay đổi nhưng vẫn bị từ chối. Cuối cùng thay đổi vẫn đến, nhưng đến với thế "tức nước vỡ bờ", nghĩa là đột ngột và không kiểm soát được. Nạn nhân chính sẽ là đảng cộng sản và những người lãnh đạo.

Giải pháp thứ hai là thay đổi có chủ ý và chuẩn bị. Giải pháp này đòi hỏi Đảng Cộng Sản Việt Nam phải đối thoại với mọi thành phần dân tộc, trước hết là với những người dân chủ để tìm một giải pháp dân chủ hóa hợp tình hợp lý. Được như vậy dân chủ sẽ đến sớm hơn, trong ổn định và trật tự, Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn bảo đảm được một chỗ đứng hợp pháp trong sinh hoạt chính trị, ngay cả khi không còn giữ được chính quyền. Nếu phân tích một cách thông minh thì đây là giải pháp duy nhất mà ban lãnh đạo cộng sản phải chọn lựa.

Chỉ có hai phương thức để cai trị, một là cai trị bằng bạo lực, hai là cai trị bằng đồng thuận. Thực tại cho thấy là đảng cộng sản không còn tiếp tục cai trị bằng bạo lực được nữa, cứ phải tiếp tục nhượng bộ một cách bối rối, nhưng vẫn không chịu chấp nhận đối thoại để tìm đồng thuận.

Hai vụ án vừa qua, và có lẽ những vụ án sắp tới đối với Nguyễn Vũ Bình, Phạm Quế Dương, Trần Khuê và Nguyễn Đan Quế, nói lên một thực tại : ban lãnh đạo cộng sản Việt Nam vẫn ngoan cố muốn cai trị bằng bạo lực mặc dù không còn khả năng. Sự sụp đổ của chế độ có thể chưa xảy ra ngay trong lúc này nhưng sẽ không tránh khỏi, và khi xảy ra sẽ rất bi đát cho đảng cộng sản.

Đối với những người dân chủ, được sự chuyên chở của xu hướng thời đại thời cũng chưa đủ, cuộc đời nào cũng cần được chuẩn bị. Nói cách khác, muốn có dân chủ phải có một kết hợp dân chủ đồng đảo và được tổ chức một cách gắn bó. Nếu không thì sự sụp đổ không tránh khỏi của đảng cộng sản sẽ chỉ nhường chỗ cho hỗn loạn và dân chủ cũng sẽ đến sau một thời gian rất dài, với nhiều đổ vỡ, trong khi chúng ta đã quá chậm trễ so với thế giới và không còn thì giờ để mất. Càng không thể chịu đựng thêm những đổ vỡ khác.

Nguyễn Văn Huy

Mơ ước sẽ thành đòi hỏi

LTS : Ngày 20-11-2003, tổ chức Ký Giả Không Biên Giới – Reporters Sans Frontière – đã triệu tập một buổi mít-tinh quốc tế tại Trung Tâm Văn Hóa Canada, 5 rue de Constantine, 75008 Paris. Buổi gặp gỡ quan trọng này, với mục đích bênh vực những người mắc nạn vì tự do ngôn luận và báo chí, đã quy tụ hơn 300 quan khách chọn lọc thuộc giới báo chí, văn nghệ sĩ, chính trị và kinh doanh, cùng với các tổ chức tranh đấu cho dân chủ thuộc các quốc gia châu Âu, châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh. Sáu đại diện của các tổ chức dân chủ này đã được mời phát biểu ý kiến để nói lên những nét đặc thù của cuộc đấu tranh cho dân chủ tại mỗi quốc gia.

Ký Giả Không Biên Giới là một trong những tổ chức yểm trợ tích cực nhất các cuộc vận động dân chủ trên thế giới. Năm 1997, nhân dịp Hội Nghị Thượng Đỉnh được tổ chức tại Hà Nội, tổ chức Ký Giả Không Biên Giới đã gây sôi nổi trong dư luận thế giới khi họ đột nhập vào trại Thanh Cẩm, nơi giáo sư Đoàn Viết Hoạt đang bị giam giữ. Chính Robert Ménard, sáng lập viên và giám đốc tổ chức Ký Giả Không Biên Giới, đã cùng với ký giả truyền hình nổi tiếng Patrick Poivre d'Arvor thực hiện cuộc đột nhập này. sau đó họ đã phỏng vấn nhiều người dân chủ Việt Nam và đưa lên hầu hết các đài truyền hình trên thế giới những hình ảnh này. Trong tháng 10-2003, Robert Ménard và Patrick Poivre d'Arvor cũng đã lập lại thành tích này tại Trung Quốc.

Trong cuộc mít-tinh này, do hai ông Robert Desbiens, giám đốc Trung Tâm Văn Hóa Canada, và Robert Ménard điều hợp, ông Nguyễn Gia Kiểng, đại diện Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, đã có bài phát biểu sau đây.

Xin cảm ơn Trung Tâm Văn Hóa Canada và Ký Giả Không Biên Giới.

Xin cảm ơn ông Robert Desbiens và Robert Ménard đã tổ chức cuộc họp mặt quan trọng này và cho tôi cơ hội để lên tiếng bênh vực những người dân chủ Việt Nam.

Việt Nam chia sẻ với Trung Quốc, nhưng còn hơn cả Trung Quốc, kỷ lục đáng buồn về số ký giả bị cầm tù, bị quản chế hoặc bị sách nhiễu hàng ngày chỉ vì đã phát biểu một cách ôn hòa lập trường dân chủ. Sự thô bạo đối với những người dân chủ của chính quyền cộng sản Việt Nam chỉ thua Cuba. Riêng trong ba năm qua đã có 15 nhà văn, nhà báo bị bắt, phần lớn vẫn còn đang bị giam giữ.

Những người sử dụng Internet đã được đặc biệt chiếu cố. Mười người hiện nay đang còn bị giam giữ. Đó là những người có bạn bè ở nước ngoài để thông báo số phận của họ. Không ai biết con số những người dùng Internet bị bắt giam là bao nhiêu. Người ta cũng không thể đếm được con số những người bị sách nhiễu và trù dập, những máy vi tính bị tịch thu, những đường điện thoại bị cắt, những trương mục Internet bị xóa bỏ. Sáu trong số mười người dùng Internet đã bị giải tòa và kết án. Đó là những bản án rất nặng, từ 4 năm đến 13 năm tù, mỗi án tù kèm theo ba năm quản chế.

Trong tất cả các trường hợp, nội dung các bài viết, điện thư hoặc tham luận, không hề được công bố. Các bản cáo trạng chỉ đánh giá chúng là có nội dung phản động và chống nhà nước. Trong một vài trường hợp, khi các bản cáo trạng đề cập đến nội dung các bài viết thì chỉ chứng tỏ rằng các bị can hoàn toàn vô tội.

Thí dụ như trường hợp của luật gia Lê Chí Quang. Bản cáo trạng kết tội anh đã lợi dụng cơ hội nhà nước yêu cầu nhân dân góp ý trong dịp sửa đổi hiến pháp để đề nghị đa nguyên chính trị. Anh cũng bị buộc tội là đã vu cáo nhà nước cộng sản dùng nhà tù để đối xử với những người khác chính kiến. Nhưng bản án bốn năm tù và ba năm quản chế dành cho anh đã chứng tỏ hùng hồn là Lê Chí Quang không hề nói quá sự thực.

Phạm Hồng Sơn, một bác sĩ và doanh nhân trẻ xuất sắc,

đã bị xử phạt năm năm tù và ba năm quản chế chỉ vì đã dịch và phổ biến trên mạng Internet một tài liệu có tính giáo dục phổ thông dưới tựa đề "Thế nào là dân chủ?". Sơn cũng bị buộc tội đã có dự định lập một trang Web với mục đích - xin trích dẫn đúng những từ ngữ của bản cáo trạng - "giáo dục tuổi trẻ Việt Nam về các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội".

Trường hợp Nguyễn Khắc Toàn, một cựu sĩ quan quân đội cộng sản, lại càng khó tưởng tượng. Anh bị kết án 13 năm tù và ba năm quản chế chỉ vì đã trao đổi một số điện thư. Tòa án đã trở trên đến độ nhìn nhận đó chỉ là những thư tình, gửi cho một phụ nữ sinh sống tại Pháp mà anh muốn làm bạn đời. Những điện thư đó chỉ có tội là đã chứa đựng một số lời lẽ đả kích chính quyền, đặc biệt về cách đối xử với đồng bào nông thôn kéo nhau về Hà Nội để khiếu kiện những oan ức.

Tôi đặc biệt xin lưu ý quý vị về trường hợp của ký giả Nguyễn Vũ Bình, bị bắt giam từ hơn một năm nay mà gia đình không hề biết tin tức. Tôi cũng xin lưu ý quý vị về trường hợp đại tá Phạm Quốc Dương, nhà văn, nhà báo, nhà sử học, từng là chủ nhiệm tạp chí *Lịch Sử Quân Sự*, và giáo sư Trần Khuê, nhà nghiên cứu văn học. Cả hai ông Phạm Quốc Dương và Trần Khuê đã bị bắt giam từ một năm nay mà không ai biết họ bị buộc tội gì.

Tôi cũng xin thông báo với quý vị rằng nước chúng tôi hiện nay có người tù chính trị bị giam giữ lâu nhất thế giới, đó là giáo sư và ký giả Nguyễn Đình Huy, đã bị cầm tù 29 năm trong gần 30 năm qua kể từ khi chế độ cộng sản được thiết lập trên toàn cõi Việt Nam. Hiện ông vẫn còn đang bị giam giữ, dù tình hình sức khỏe rất nghiêm trọng. Xin cảm ơn tổ chức Ký Giả Không Biên Giới đã nhận giáo sư Huy làm người tù chính trị tiêu biểu. Một người tù đặc biệt khác mà dư luận thế giới đã biết là bác sĩ Nguyễn Đan Quế, cũng là bạn của tôi. Quế đã ở tù ba lần dưới chế độ cộng sản, tổng cộng 20 năm, và hiện vẫn còn bị giam giữ, gia đình không có tin tức. Quế bị bắt lần cuối cùng cách đây 8 tháng tại một quán Cà phê-Internet.

Một điều đáng lưu ý trong các vụ bắt giam và xét xử

hiện nay và trước đây là đa số đã bị cáo buộc là có liên hệ với tôi. Tuy nhiên tôi chưa hề được một cơ quan pháp lý nào tiếp xúc để làm chứng về sự vô tội của các bị cáo và về sự trong sáng của các liên hệ giữa họ và tôi, kể cả trước tòa án. Tôi đã công bố lập trường này và hôm nay, tại đây và trước quý vị, tôi khẳng định một lần nữa. Nhưng chắc chắn là chính quyền Hà Nội sẽ làm ngơ trước đòi hỏi của tôi vì một lý do giản dị là không có gì cần làm sáng tỏ cả. Các bị cáo hoàn toàn vô tội. Họ bị bắt vì chính quyền muốn bắt họ chứ không phải vì họ đã vi phạm điều luật nào.

Sự tùy tiện của các vụ án chính trị còn được phơi bày rõ ràng ở các tội danh. Tùy theo bối cảnh chính trị và các áp lực, những người dân chủ Việt Nam có thể bị cáo buộc các tội danh rất khác nhau. Cho tới năm 2002 họ bị kết tội *tuyên truyền chống nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, một tội danh có thể khiến các bị cáo bị xử tù từ 3 đến 12 năm tù. Sau đó, nhận định rằng dư luận thế giới có thể bị hoàn toàn thu hút vào cuộc chiến tranh chống khủng bố và đây là cơ hội bằng vàng để thắng tay đàn áp, những người đối lập bị kết tội *gián điệp*, một tội có thể bị kết án tử hình, mặc dầu không có một nước ngoài nào được nêu danh cả và trên thực tế các đương sự chỉ liên lạc bằng Internet với những người Việt Nam khác, họ cũng chỉ trao đổi với nhau những ý kiến về các vấn đề của đất nước. Gần đây, trước áp lực của dư luận và nhận thấy tội danh gián điệp quá lộ liễu, chính quyền cộng sản Việt Nam lại đổi tội danh của những người dân chủ bị bắt giam thành "*lợi dụng các quyền tự do dân chủ để gây thiệt hại cho quyền lợi hợp pháp của nhà nước*", một tội danh mơ hồ mà án phạt có thể thay đổi từ cảnh cáo đến 12 năm tù, cho phép nhà nước tuyên án một cách tùy tiện theo từng đối tượng.

Internet bị kiểm soát một cách chặt chẽ. Cả một cục công an khoa học với hàng trăm chuyên viên và kỹ sư tin học, cầm đầu bởi một viên tướng tốt nghiệp Ecole Nationale Supérieure des Télécommunications tại Pháp, làm việc toàn thời gian để thiết lập những tường lửa, soạn thảo các chương trình phát hiện các thư từ và tài liệu trao đổi có nội dung "phản động", nghĩa là chứa đựng những từ ngữ cấm kỵ như "tự do", "dân chủ", "đàn áp", "tham nhũng", v.v. Tất cả các servers đều bị sao chép và lưu trữ, một đội ngũ thanh tra chuyên đọc các thư từ để phát hiện những trao đổi đáng ngờ vực. Tất cả những công ty cung cấp dịch vụ Internet đều phải làm việc với công an. Ngay cả những người chủ các quán Cà phê-Internet cũng phải khai báo cho công an những khách hàng có đáng dấp khả nghi, khi chính họ không phải là công an. Xin lưu ý quý vị là cho tới nay tất cả những người sử dụng Internet bị bắt giữ đều đã do các công ty cung cấp dịch vụ Internet tố giác. Họ đọc thư của khách hàng, trong khi hiến pháp Việt Nam qui định rõ thư từ cá nhân phải được bảo vệ sự kín đáo.

Về thư từ và điện thoại thì không phải nói. Thư gửi những trí thức đối lập không đến với người nhận, chúng bị công an đọc và lưu giữ làm chứng cứ buộc tội khi cần. Các đường điện thoại bị cắt một cách tùy tiện và hoàn trả tiền đăng ký. Khi điện thoại không bị cắt vì chủ nhân chưa được

đánh giá là đối tượng quan trọng, các cuộc điện đàm bị nghe lén và thu băng. Cũng may là còn có các máy điện thoại di động được bán tự do - kinh tế thị trường bắt buộc - nhưng những người dân chủ Việt Nam bị khánh tận vì phải thay điện thoại di động hàng tuần. Công an khoa học làm việc một cách rất hiệu lực.

Thời gian phát biểu không cho phép tôi đi thêm vào chi tiết. Tôi xin phép được kết luận bằng cách lưu ý quý vị về hai điểm đặc biệt quan trọng trong đợt đàn áp đang diễn ra tại Việt Nam.

Một là, trái với những gì đã xảy ra trước đây, lần này trong nhiều trường hợp, các tòa án được sử dụng làm dụng cụ đàn áp. Những phiên tòa này không phải là những phiên tòa mà chỉ là những xúc phạm đối với công lý, những hành động khủng bố bằng tòa án. Luật sư chỉ được gặp thân chủ vào giờ chót, trong một thời gian ngắn ngủi. Trong trường hợp Lê Chí Quang, thay vì bào chữa, luật sư còn xác nhận bị can có tội. Các phiên tòa đều xử kín, thẩm phán đọc một bản cáo trạng đã được cấp lãnh đạo cộng sản qui định trước. Nước Cộng Hòa Pháp không thể làm ngơ trước sự kiện tòa án được sử dụng làm dụng cụ đàn áp này, bởi vì chính Pháp đã giúp Việt Nam xây dựng hệ thống tòa án. Ở đây là vấn đề danh dự của nước Pháp. Tôi rất lấy làm tiếc là cũng vào thời gian này năm trước, ông bộ trưởng tư pháp Pháp đã đến Hà Nội dự lễ kỷ niệm ngày khánh thành Tòa Nhà Luật Pháp, do Pháp xây dựng tặng cho Việt Nam để đánh dấu sự hợp tác về luật pháp giữa hai nước, vào đúng giai đoạn mà các vụ án chính trị thô bỉ đang diễn ra.

Hai là, trận chiến Internet có tầm quan trọng quyết định đối với Việt Nam. Một mặt, nhà nước cộng sản Việt Nam, do nhu cầu kinh tế, bị bắt buộc phải chấp nhận dụng cụ Internet. Mặt khác, thanh niên Việt Nam rất đam mê với Internet và tin học nói chung. Hiện đã có trên hai triệu người sử dụng mạng Internet và con số này sẽ còn tiếp tục gia tăng, họ ngày càng thông thạo các kỹ thuật vượt tường lửa và giữ bí mật những trao đổi. Các tiến bộ về kỹ thuật Internet là đồng minh của họ. Những cố gắng rất tốn kém của nhà nước Việt Nam để kiểm soát mạng Internet ngày càng xuất hiện như một cuộc chiến đấu tuyệt vọng. Điều này giải thích sự hung bạo của chính quyền đối với những người bị bắt giữ. Đối với thanh niên Việt Nam, cũng như thanh niên Trung Quốc, Cuba và thanh niên mọi quốc gia chịu ách độc tài, Internet không những là dụng cụ trao đổi và học hỏi mà còn là phương tiện để vượt thoát khỏi thực trạng đáng buồn của cuộc sống hàng ngày. Hệ thống đại học và cao đẳng của Việt Nam sản xuất ra mỗi năm trên nửa triệu thanh niên tốt nghiệp. Gần 2/3 các thanh niên này không tìm được việc làm, ngay cả những việc làm không phù hợp với trình độ của họ. Họ đang bế tắc, và bế tắc trong kèm kẹp.

Cho tới nay đa số thanh niên Việt Nam đã tìm lãng quên trong mộng mị. Nhưng nếu cứ tiếp tục du hành trên mạng Internet và mơ mộng những gì rất bình thường ở những nước khác thì chẳng bao lâu họ sẽ ý thức rằng những mơ

THỐI BÙNG NHỮNG NGỌN LỬA TỰ DO !

The Economist

"Làn sóng dân chủ thứ ba" lướt qua thế giới kể từ những năm 1970, nhưng vẫn chưa thấm nhập được ở các vùng Đông Á, Trung Á, Bắc Phi và Trung Đông, những nơi đang có hàng tỷ người phải sống chịu đựng dưới các chế độ áp bức. Có phải thời cơ đã đến cho sự thay đổi ?

Tổng thống Hoa Kỳ George Bush mới đây đã tái khẳng định rằng, thành quả dân chủ đạt được ở Iraq chính là chất xúc tác cho những cao trào đại chúng đứng dậy chống lại các chế độ áp bức đang thao túng hầu hết cả vùng Trung Đông. Tiếp ngay sau đó, ngoại trưởng Colin Powell cũng đã đồng thanh chỉ trích mạnh mẽ những mưu toan của chế độ chính trị thần quyền Iran đang hùng ngấn cản ước nguyện tự do của người dân xứ này. Ông Powell nói rằng việc có vô số những người dân Iran hân hoan chào mừng nhà tranh đấu cho nhân quyền, bà Shirin Ebadi - người đã vinh quang nhận được giải Nobel Hòa Bình năm nay - trong chuyến hồi hương của bà là một bằng chứng hiển nhiên cho thấy sự khao khát muốn thay đổi chế độ của nhân dân Iran.

Mặc dù Trung Đông quả thực là một vùng đất đang bị bóng đêm độc tài trùm phủ, bên cạnh nó còn có những đòi hỏi dân chủ chính đáng của hàng tỷ người ở nhiều nơi khác trên thế giới vẫn đang bị vùi dập thô bạo. Vào thứ Tư ngày 12 tháng 11, chế độ cộng sản Việt Nam đã kết án tù ông Trần Dũng Tiến, một nhà tranh đấu cho dân chủ đã 78 tuổi đời. Cùng ngày, tập đoàn quân phiệt Miến Điện đã ngang nhiên bác bỏ những lời khuyến cáo của tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Kofi Annan trước sự việc tập đoàn này cố tình lơ, không phục hồi các quyền chính trị và tiếp tục quản thúc lãnh tụ dân chủ của Miến Điện, bà Aung San Suu Kyi.

Trong năm qua, bước tiến của những làn sóng tranh đấu cho các quyền tự do cơ bản của con người cơ hồ bị chậm lại. Tuy thế, văn bản tường trình hàng năm vào tháng Bảy vừa qua của một tổ chức dân chủ Hoa Kỳ - Freedom House - đã tổng kết cho thấy rằng có nhiều người dân trên thế giới ngày hôm nay được hưởng tự do, hơn hẳn so với bất cứ một thời điểm nào trong quá khứ, kể từ khi cơ quan này bắt đầu tiến hành công việc khảo sát cách đây 30 năm. Năm 2002, trong khi có 11 nước mà ở đó nhân dân vẫn còn phải chịu đựng sự mất mát các quyền hành xử chính trị và tự do dân sự, nhân dân của 28 nước khác đã được hưởng những quyền này do sự cải thiện đến từ phía các chính quyền. Nhiều

quốc gia hiện nay vẫn còn bị mắc nạn độc tài, dân chủ bị sỉ nhục hết sức trơ trẽn khi những kẻ nắm quyền hô hào tổ chức những cuộc bầu cử một cách rất tốn kém, trong lúc đó lại thẳng tay đàn áp mọi bất đồng chính kiến. Tuy vậy một cách khả quan, có tới 65% dân số thế giới hiện nay đã được sống trong những đất nước tự do hoặc bán tự do, tăng từ 53% vào năm 1972.

Samuel Huntington, một nhà khoa học chính trị thuộc trường Đại học Harvard lý luận rằng thế giới đã bắt đầu kinh qua "làn sóng dân chủ thứ ba" vào những năm giữa thập niên bảy mươi, với kết quả rõ nét nhất là sự cáo chung của nền độc tài Bồ Đào Nha (hai làn sóng dân chủ đầu tiên đã đến vào đầu thế kỷ thứ 19 và sau cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai). Sự sụp đổ của Liên bang Xô viết đã dẫn đến sự ra đời của những nền dân chủ toàn vẹn hoặc bán dân chủ ở các nhà nước chư hầu (dầu vậy dân chủ đã không xảy đến với những nước ở Trung Á). Hầu hết các nước Châu Mỹ La Tinh cũng đã chuyển hóa từ độc tài sang dân chủ vào cùng thời điểm, ngoại biệt trường hợp đáng chú ý của Cuba.

Trong 2,2 tỷ người phải còn đang sống ở những nước không có tự do, và hầu như hai phần ba của con số này thuộc về Hoa Lục, những cuộc thăm dò hàng năm của cơ quan Freedom House suốt 30 năm qua cho thấy những bước cải tiến dọ dẫm trong hoạt động kinh tế thị trường cũng như chút nới lỏng miễn cưỡng về tự do ngôn luận đã nâng các nước này lên được hàng xếp loại kế chót. Điểm đáng lưu ý là người dân ở Hồng Kông, vùng đất "được có chính sách đặc biệt" của Hoa Lục, mặc dù được hưởng tự do hơn nhưng vẫn không ngừng tranh đấu cho quyền tự do thực sự, và luôn đề kháng mạnh mẽ trước những toan tính của Bắc Kinh nhằm tước dần những quyền đã đạt được của họ : điển hình là vào tháng 7 vừa qua, nhà đương cục đã phải rút lại dự luật cấm khuynh đảo chính quyền sau khi nửa triệu người dân Hồng Kông rầm rộ xuống đường biểu tình phản đối.

Ngọn đuốc của tự do cũng đang bắt đầu tỏa sáng ở các vùng nằm phía dưới sa mạc Sahara Phi Châu, nơi đã hầu như bị nằm gọn trong tay của các lãnh chúa sau khi chế độ thuộc địa chấm dứt. Lesotho và Senegal đã được coi là những nước tự do sau khi đã tổ chức thành công các cuộc bầu cử công bằng, và Kenya - một trong những nước với

 ước đó hoàn toàn có thể thực hiện được và phải được thực hiện. Mơ ước lúc đó sẽ trở thành đòi hỏi. Và sẽ là khởi điểm của một cuộc đấu tranh để thay đổi cuộc sống và xã hội. Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang, Nguyễn Khắc Toàn chỉ là những dấu hiệu của cả một thế hệ trẻ đang bắt đầu thức tỉnh. Và khi tuổi trẻ đã thức tỉnh thì tất cả sẽ phải thay đổi bởi vì Việt Nam là một quốc gia rất trẻ, 2/3 dân chúng trong nước ở dưới tuổi 30.

Chính vì thế mà tôi rất hân hoan khi tổ chức Ký Giả

Không Biên Giới đặc biệt chú ý bảo vệ quyền sử dụng Internet. Internet là một vũ khí giải phóng, nó có khả năng và sức mạnh chọc thủng và đập đổ những bức tường cô lập và bưng bít, chiến lũy của các chế độ độc tài.

Trong cuộc đấu tranh hiện nay cho một thế giới tự do, cảm thông và bao dung, không có trận chiến nào quyết định hơn.

Xin cảm tạ sự chú ý của quý vị.

Nguyễn Gia Kiểng

nền kinh tế lớn nhất châu Phi - đã được công bố là nước bán tự do sau khi ứng cử viên thuộc khuynh hướng cải cách được tín nhiệm vào chức vụ tổng thống. Nhưng bên cạnh đó có một ít nước đang bị đi chệch hướng, như trường hợp của Cộng Hòa Togo Tây Phi. Gnassingbé Eyadéma, viên tướng nhiều quyền hành của nước này mới đây vẫn ngồi lại ở ngôi vị tổng thống (đã bám giữ ngôi vị này từ năm 1967) trong một cuộc đầu phiếu sai quy cách.

So với tình hình chung, Trung Đông cho đến nay chỉ có được những dấu hiệu tiến triển rất hiếm hoi. Người dân Palestine, tuy sống trong những vùng tự trị kề cận với Isarel - nước dân chủ duy nhất trong vùng Trung Đông - nhưng không có được sự tự do như công dân ở Israel được hưởng. Bahrain thì đã tổ chức bầu cử Nghị viện vào năm ngoái, tuy nhiên cơ quan này lại bị nhiều giới hạn về quyền lực. Chế độ quân chủ độc đoán (absolute monarchy) Saudi Arabia mới đây đã có hứa hẹn sẽ tổ chức bầu cử ở các địa phương vào năm tới. Nhưng vai trò của nước này trong việc trừ khử những tay khủng bố Hồi giáo cực đoan lại cũng có thể để qua đó dễ dàng che đậy các hành động đàn áp đối với những nhân vật tranh đấu bất bạo động cho tự do. Trong lúc đó, ở Iran, người dân đã bầu cho Muhammad Khatami - một nhà canh tân dè dặt - làm tổng thống, nhưng lực lượng đại biểu tăng lữ thủ cựu đứng đầu là Ayatollah Ali Khamenei vẫn đang chiếm nhiều ảnh hưởng.

Hiện trạng có nhiều nước không dân chủ còn sót lại thuộc Hồi giáo đã đưa đến những lập luận cho rằng Hồi giáo và dân chủ kỵ nhau. Vừa qua, quả thực nhóm đối kháng PSA lớn nhất ở Malaysia đã tiết lộ những kế hoạch để biến nước này thành một nhà nước Hồi giáo, và còn gọi đó là một hình chế đối lại với nền dân chủ phương Tây, một nền dân chủ mà theo nhóm này sẽ dẫn đến "sự suy đồi xã hội và bất công lan tràn".

Tuy nhiên, ông Bush và nội các của ông lý luận rằng không thể có một biện hộ nào để xem Hồi giáo và dân chủ là không thể hòa hợp với nhau được. Nước Senegal, nơi mà tín đồ Hồi giáo chiếm đa số, đã chứng minh tính dân chủ qua những cuộc bầu cử tự do. Nước Hồi giáo Turkey đã là một thể chế dân chủ muôn thuở và đang sẽ tiếp tục giữ vững hướng đi với cuộc chiến thắng bầu cử của đảng Hồi giáo ôn hòa vào tháng 11 vừa qua (dầu vậy hồ sơ của nước này cũng đã có ít vết do những sai sót về nhân quyền). Rõ ràng hơn nữa là những nước chủ yếu theo Hồi giáo ở châu Á, từ Bangladesh đến Indonesia, cho đến nay đều là những nước tự do và dân chủ.

Các học giả ngay từ những ngày đầu của làn sóng dân chủ thứ ba đã nhận xét rằng những quốc gia thời bấy giờ đã được hưởng các quyền tự do căn bản thường có nhiều dân số theo đạo Tin lành. Những năm kế tiếp sau đó, làn sóng của tự do đã tràn đến với những nhà nước (states) trong đó có nhiều dân số theo đạo Công giáo, từ châu Mỹ La Tinh đến các quốc gia ở phía đông và nam của châu Âu. Ông Bush không đơn độc khi hy vọng rằng làn sóng tự do thứ ba, sau cùng đang vỗ đến bờ của Hồi giáo Trung Đông.

Theo *The Economist*

Nguyễn Văn Hiệp chuyển ngữ và biên tập

Thơ

Nguyện cầu mùa Giáng Sinh

*Viết cho những chiến sĩ dân chủ can trường
trong nước và những người thân của họ*

Hàng năm cứ đến mùa Giáng Sinh

Đi đâu ở đâu

Dẫu bất cứ nơi nào trên trái đất

Đang hè hay đông giá rét

Người ta với nhau lại thịnh soạn mừng đón tung bừng

Dù không ai bảo ai

Ài cũng tự biết ấy là ngày của một người

Vì mọi người phải chịu hy sinh

Chuộc mọi lỗi lầm nhân thế

Ý niệm bác ái của loài người về Chúa

Trong vị tha cũng từ ấy nảy mầm

Đã hơn hai ngàn năm Thiên Chúa giáng trần

Vẫn không ít những trần gian lầm lạc

Vẫn không ít những luật chơi tội ác

Nhân lên, nhân đến không cùng

Tội ác loài người, tội ác trần gian

Xin Chúa quyền năng thứ tha tội ác

Hôm nay đây

Đang lúc chúng ta đón mừng nô nức

Xin hãy đừng quên

Vì mọi người chúa đã hy sinh

Và cũng không được phép quên

Vì mọi người

Chúa phải trải qua đoạn đường khổ đau thánh giá

Mà nhỏ chút lòng nhân với đồng loại mình

Những kiếp người nghèo đói khốn cùng

Trong đó sự giàu sang sung sướng của chúng ta

Cũng đã góp phần làm nên nguyên nhân đáng kể

Làm người Việt Nam yêu chuộng công lý, yêu chuộng tự do

Ngoài nhìn về đất nước thân yêu

Quê hương bất thường tủi nhục

Bước tha phương dẫu nhiều vất vả

Cũng đừng bỏ quên những cuộc đời lao lung

Đang đấu tranh trong bàn tay tội ác bạo quyền

Cũng chỉ vì mọi người mà phải hy sinh

Phải trải qua đoạn đường khổ đau đầy ải

Xin cảm ơn những tấm lòng nhân ái

Xin cảm ơn những mẫu đời can trường dân chủ tự do

Xin cảm ơn những người vợ, những bà mẹ, những người cha

Những trẻ thơ đã phải chịu nhiều thiệt thòi mất mát

Nhân mùa Giáng Sinh về

Chúng ta hãy cầu nguyện cho họ và gia đình

Được an lành trong vòng tay chở che của Chúa

Và cũng không quên xin đáng quyền năng đầy tha thứ

Hướng bạo quyền tội ác Cộng Sản Việt Nam

Can đảm nhận thấy tội lỗi của mình

Mà sớm tìm về con đường làm ăn chân chính

Nhân danh Cha và con và Thánh thần

Amen

Sông Lô (Laatzen, Đức)

Một minh chứng rõ ràng về sự cần thiết của văn hóa tổ chức :

CANADA THAY ĐỔI LÃNH ĐẠO TRONG ÊM THẮM

Tôn Thất Thiện

Trước đây, trên mặt báo này (*Thông Luận*, các số tháng 12-2002, tháng 4-2003 và tháng 6-2003), tôi đã có dịp đề cập đến các vấn đề thay đổi (về) văn hóa, và nhấn mạnh rằng sự thay đổi đó là điều kiện thiết yếu của một cuộc hiện đại hóa sâu rộng, để cho xã hội có thể phát triển nhanh chóng hòng theo kịp trào lưu tiến hóa của nhân loại. Đó là một quan điểm dễ chấp nhận, không cần bàn luận nhiều. Điểm cần bàn luận là : thay đổi những gì, và làm sao ? Gần đây, anh Nguyễn Gia Kiểng đã làm sáng tỏ thêm vấn đề với nhận xét rằng một thay đổi lớn cần làm nằm trong lãnh vực tổ chức, vì thiếu văn hóa tổ chức là một khuyết điểm lớn của Việt Nam. ("Tiến tới một văn hóa tổ chức", *Thông Luận*, tháng 5-2003).

Từ nhận xét chúng ta là một trong những nước nghèo nhất thế giới, phát triển chậm hơn đa số các nước trong vùng vốn đã hơn chúng ta rất xa, mà khoảng cách giữa họ và chúng ta lại dài ra chứ không ngắn lại, và trong khi họ đang thẳng tiến về tương lai thì chúng ta vẫn còn bị cột chân trong sợi dây xích độc tài tham nhũng và không thể đi xa, anh Kiểng kết luận : "*Khuyết điểm trầm trọng nhất để giải thích tình trạng hiện nay là chúng ta thiếu một văn hóa tổ chức*".

Thế nào là một "văn hóa tổ chức" ?

Theo anh Kiểng : "*Văn hóa tổ chức là những kiến thức về bản chất và cuộc sống của một tổ chức. Nó cũng là một cách suy nghĩ và ứng xử trong khuôn khổ của một tổ chức, khiến con người không quên vai trò thành viên có nhiệm vụ bảo vệ và phát triển tổ chức mình*".

Ở một đoạn khác, anh nói : "*Chính vì thiếu văn hóa tổ chức mà chúng ta không thấy có nhu cầu tham gia một tổ chức và nếu có thì cũng thiếu phản xạ tổ chức, không thể chịu đựng những hệ lụy của tổ chức, không hiểu sự phức tạp của tổ chức, và cũng không cần thấu hiểu thêm. Chính vì thiếu văn hóa tổ chức mà người Việt Nam chưa có được một tổ chức đối lập dân chủ có tầm vóc, mà không hiểu tại sao, cho nên thường đưa ra những giải thích hời hợt và xúc phạm đối với những người đấu tranh cho dân chủ*".

Thiếu văn hóa tổ chức đã thể hiện trong sự phân tán của xã hội Việt Nam trong quá khứ cũng như hiện nay. Sự phân tán sâu rộng, lan tràn này, mà người ngoại quốc thường mỉa mai gọi là "bệnh quốc gia của người Việt Nam" (Vietnamese national disease), đã khiến cho dân tộc Việt hầu như tê liệt, không vươn lên được vì không tụ hội được quanh một chính quyền đủ mạnh - nghĩa là có sự hậu thuẫn của toàn dân đoàn kết góp toàn lực - để phát triển quốc gia, thực hiện những mục tiêu lớn mang lại lợi ích cho mọi người.

Những nhận xét của anh Kiểng rất đúng, nhưng khá trừu tượng, cần được trình bày một cách cụ thể hơn. Tôi

đang suy nghĩ về vấn đề này thì, may thay, cơ hội hiện ra ngay trước mắt tôi. Đảng Tự Do Canada đã họp đại hội để chọn một lãnh tụ mới trong tháng 11 này, và những diễn biến liên quan đến đại hội này là chứng minh cụ thể của sự cần thiết có một văn hóa tổ chức.

Chính trường Canada

Ở đây tưởng cần nhắc đến một số chi tiết về chính trường Canada để hiểu rõ vấn đề. Canada là một liên bang gồm 10 đơn vị tuy mang tên Tỉnh (Province), nhưng thực sự là tiểu bang. Mỗi tỉnh có chính phủ riêng, và chung cho Canada có một chính phủ liên bang. Canada theo chế độ đại nghị, và cứ 5 năm thì có tổng tuyển cử để chọn Hạ Nghị Viện quốc hội. Ngoài Hạ Viện còn có một Thượng Nghị Viện, nhưng cơ quan thực sự quyết định là Hạ Nghị Viện. Đảng chiếm đa số lập chính phủ, và lãnh tụ của đảng này đương nhiên là thủ tướng liên bang.

Lãnh tụ và thủ tướng hiện tại là Ông Jean Chrétien, thuộc Đảng Tự Do (Parti Libéral). Ông Chrétien đã ở địa vị này trong ba nhiệm kỳ, gần 15 năm. Cũng như nhiều chính phủ khác trong lịch sử, vì ở địa vị cầm quyền quá lâu, trong những năm gần đây, ông Chrétien và một số bộ trưởng cùng một số nhân sự trong chính quyền đã trở nên tự cao, bất cần, bị dính vào một số xì-căng-đan, hoặc có những hành vi lạm quyền, làm cho dư luận xôn xao. Vì năm tới đây sẽ bầu lại Hạ Viện, nhiều người trong đảng sợ rằng tình trạng này sẽ làm cho đảng mất phiếu, đã lên tiếng đòi ông Chrétien phải ra đi để một người khác có uy tín hơn đứng ra lãnh đạo đảng để đảng có nhiều khả năng thắng cử hơn. Người có uy tín nhất trong đảng hiện nay là ông Paul Martin. Ông Martin là cựu bộ trưởng tài chính được tiếng là người tài ba vì đã chỉnh đốn được tài chính của Canada. Trong những năm qua, không những ông đã giữ cho ngân sách không bị thâm lỗng, mà còn thặng dư thêm. Ngoài ra, ông còn có tiếng là liêm khiết.

Những người ủng hộ ông Martin nghĩ rằng ông Chrétien nên nhường chỗ cho ông Martin càng sớm càng tốt, để có đủ thì giờ chuẩn bị. Nhưng phía ông Chrétien, không có dấu hiệu gì cho thấy ông sẽ chịu như vậy. Trái lại, có nhiều cử chỉ, hành vi của ông cho thấy rằng ông quyết định ngồi đến hết nhiệm kỳ, vào tháng 2 năm tới. Do đó, có sự xích mích lớn giữa hai phe.

Kinh địch từ lâu

Tưởng cũng nên nói ở đây rằng hai ông Chrétien và Martin đã kinh địch với nhau từ lâu rồi, và gần đây sự kinh địch đó lại càng lộ liễu. Năm 1990 đã có va chạm giữa hai ông, lúc đó đều là ứng cử viên tranh chức lãnh tụ Đảng, để thay thế ông Pierre Trudeau, là đảng trưởng và thủ tướng định rút lui chính trường. Trong cuộc thi đua này, ông

Chrétien thắng, và vì, dưới sự lãnh đạo của ông, đảng Tự Do đã thắng luôn ba cuộc tổng tuyển cử, nên ông vẫn ngồi vững ở ngôi vị thủ lĩnh đảng và thủ tướng Canada. Trong khi đó, ông Martin chỉ giữ chức bộ trưởng tài chính. Ông đành phải kiên nhẫn chờ cơ hội. Sau 13 năm đợi chờ, cơ hội nay đã đến. Và ông ta cho thấy rõ rằng ông nhất quyết không để lỡ cơ hội này.

Cách đây một năm ông Martin đã biểu hiện rõ ý định muốn làm đảng trưởng đảng Tự Do, nghĩa là làm thủ tướng. Đàn em ông bắt đầu vận động cho ông. Như thế là thách thức ông Chrétien. Ông này tất nhiên rất khó chịu, và yêu cầu ông Martin đình chỉ những cuộc vận động đó. Ông Martin từ chối, tháng 6-2002 ông bị ông Chrétien đẩy ra khỏi nội các của ông. Như vậy ông Martin lại càng rảnh tay để vận động. Nhiều người, kể cả một số dân biểu đảng Tự Do được coi là "thuộc phe Martin", đã lớn tiếng đòi ông Chrétien phải chấp nhận sớm một hội nghị để chọn lãnh tụ Đảng, nghĩa là mở đường cho ông Martin chính thức thay thế ông Chrétien. Lẽ dĩ nhiên ông Chrétien cương quyết từ chối điều vừa nói. Trước thái độ này, phe Martin càng gia tăng cường độ tấn công phe Chrétien. Giữa hai ông Chrétien và Martin có sự căng thẳng, liên hệ giữa hai ông được báo chí mô tả là "gay gắt, kịch liệt và công kích lẫn nhau". Nhưng hai ông quyết định không để sự căng thẳng này gia tăng đến mức độ phải tranh chấp công khai.

Nếu theo dõi tin tức trên báo chí hàng ngày, ta sẽ có cảm tưởng rằng Đảng Tự Do sẽ bị rạn nứt vì sự xung đột, cấu xé nhau, giữa hai phe Chrétien và Martin. Không phải chỉ có hai ông này, một số nhân vật khác trong đảng cũng muốn đứng ra tranh chức vụ đảng trưởng. Có cả bảy từ 6 đến 7 người ở trong tình trạng này, nhưng cuối cùng chỉ còn hai người là ông John Manley, bộ trưởng tài chính, và bà Sheila Copps, bộ trưởng văn hóa, tuyên bố đứng ra tranh cử. Cảm tưởng chung của người theo dõi tin tức trên tivi, radio và báo chí là sẽ có một cuộc cãi cọ, đánh đấm gắt gao giữa những người thuộc các phe kịch liệt nhau trong dịp tổ chức đại hội chọn lãnh tụ Đảng Tự Do, được ấn định từ 13 đến 15-11-2003. Đây là thời điểm mà, sau nhiều lần thối thác và tuyên bố chỉ rời chức vị thủ tướng khi mãn nhiệm kỳ vào tháng 2 năm tới, ông Chrétien chấp nhận, sớm hơn dự luận chờ đợi.

Đại hội êm thấm

Trái với những sự phỏng đoán, đại hội chọn lãnh tụ Đảng Tự Do Canada đã diễn ra vô cùng êm thấm. Trong một bài diễn văn đọc trước đại hội, ông Chrétien đã nhắc đến ông Martin với những lời lẽ rất là nồng nhiệt, ca ngợi những đức tính, tài năng, thành quả của ông này, và tuyên bố sẽ ủng hộ ông ta trong chức vị mới. Bà Sheila Copps, ứng cử viên cuối cùng xin rút tên, tuyên bố cần phải đoàn kết và kêu gọi những người ủng hộ bà nên "hết mình" ủng hộ ông Martin. Về phần ông Martin, trong bài diễn văn đọc tại đại hội, không hề có một lời đả kích nặng nề nào, hay nói không tốt về ông Chrétien; nội dung bài diễn văn của ông gần như đã được dùng để tăng bốc ông Chrétien hết lời. Đại hội Đảng Tự Do đã kết thúc trong khung cảnh đoàn

kết, tương bình và vui vẻ, trái với những dự đoán bi quan của báo chí và truyền thông trước đó.

Mặc dù vậy, điều cần được nhấn mạnh là trong bài diễn văn đọc trước đại hội, ông Martin cũng đã dành khá nhiều thì giờ để trình bày lập trường và ý định của ông, và lập trường và những ý định này rất khác lập trường và những gì mà ông Chrétien đã làm. Rõ ràng là với ông Martin trong chức vị đảng trưởng và thủ tướng, Đảng Tự Do và đường lối lãnh đạo nước Canada sẽ có một sự chuyển hướng rất rõ rệt mà không ai lên tiếng chống đối.

Về phía ông Chrétien, ông cũng tuyên bố quyết định sẽ cho ngưng họp quốc hội vào cuối tháng 12 này, và sẽ trao quyền cho ông Martin khi quốc hội họp lại vào ngày 12 tháng giêng năm tới. Như vậy, đối với ông Martin, tuy thời giờ có hơi ngắn để chuẩn bị tổng tuyển cử, nhưng ông không có phần nản, trách móc gì ông Chrétien vì ông công nhận đó là đặc quyền của ông này trong vị thế thủ tướng. Trên nguyên tắc, ông Chrétien vẫn còn chính thức là thủ tướng cho đến ngày trao quyền cho ông Martin, nhưng sau cuộc hội kiến với ông Martin ngày 18-11 vừa qua, ông Chrétien chấp nhận chuyển giao chức vụ thủ tướng cho ông Martin vào ngày 12-12 sắp tới đây. Như vậy ông Martin có bốn tháng để chuẩn bị tổ chức tổng tuyển cử, dự trù vào ngày 1-4-2003, và ông Chrétien cũng tránh mang tiếng xấu là nhỏ nhen và cố bám quyền, vì làm như vậy là thiếu lịch sự với ông Martin, và nhất là gây thiệt hại cho Đảng Tự Do trong cuộc tuyển cử sắp tới.

Hệ luật tổ chức

Đại hội trên đây là một biểu diễn ngoạn mục về văn hóa tổ chức. Những người lãnh đạo và đảng viên Đảng Tự Do đã hết sức tranh đấu để được bầu vào chức vị mình muốn, và làm hết sức để cho quan điểm, lập trường mình thắng, nhưng họ đã tôn trọng một số hệ lụy về thể thức tranh đấu và của tổ chức, đặc biệt là nếu mình không chiếm được đa số để thắng, thì phải chấp nhận quyết định của đa số, tôn trọng người đã được lựa chọn và hết mình hợp tác với người đó, chịu kiên nhẫn để đợi chờ một cơ hội khác thuận lợi hơn, cho dù có khi phải đợi chờ khá lâu - 15 năm như trường hợp ông Martin. Và hệ luật này cũng áp dụng cho các đảng đối lập. Các đảng này - Đảng Bảo Thủ (Conservative Party), Đảng Liên Hiệp (Alliance Party), Đảng Tân Dân Chủ (New Democratic Party), Khối Québec (Bloc Québécois) - cũng đã kiên nhẫn chờ đợi từ 13 năm qua, và chắc sẽ còn phải chờ thêm từ 10 đến 15 năm nữa (nghĩa là sau hai hoặc ba nhiệm kỳ của ông Martin). Nhưng không vì vậy mà họ tỏ bày tỏ sự bất mãn bằng cách rút ra khỏi quốc hội, hay dùng tất cả mọi thủ đoạn, dù là dè tiện, để phá rối và làm tê liệt mọi hoạt động của quốc hội.

Dân chủ là vậy, và điều cần nhấn mạnh ở đây là nhờ Canada có một văn hóa tổ chức: thành viên của Đảng Tự Do đã nghiêm chỉnh tôn trọng những hệ lụy của tổ chức, sự tôn trọng này đã bảo đảm cho đảng được tồn tại, phát triển và thực hiện được sứ mạng của mình.

Tôn Thất Thiện (Ottawa, tháng 11-2003)

Paris : Hội thảo 50 năm Điện Biên Phủ Nhiều câu hỏi chờ được trả lời

Chính quyền Hà Nội đang có kế hoạch rất quy mô để khuếch đại trận Điện Biên Phủ trong năm 2004, trong đó có những cuộc hội thảo "khoa học". Tại Paris, trong hai ngày 21 và 22-12-2003, tại phòng họp lớn của Trường quân sự Pháp (Ecole militaire), Trung tâm nghiên cứu lịch sử quốc phòng (CEHD) đã cùng Viện lịch sử quân sự ở Hà Nội tổ chức hội thảo về Điện Biên Phủ, với các chủ đề : diễn biến trận đánh, bối cảnh chính trị và quốc tế, lịch sử, nhân chứng, truyền thông, tưởng nhớ, nghiên cứu, hồ sơ...

Phía Pháp có hơn 40 nhà nghiên cứu lịch sử, nhà văn, nhà báo, làm truyền hình, hơn 10 nhà ngoại giao từng ở Sài Gòn, Hà Nội, Paris, Genève hồi ấy, đặc biệt là có hơn 30 cựu chiến binh từng ở chiến trường Việt Nam và Điện Biên Phủ (theo ban tổ chức, có 9 vị tướng và đô đốc), và điều rất lý thú là có 12 sinh viên quân sự và học sinh trung học.

Phía Việt Nam cử sang năm vị gồm một thiếu tướng và bốn nhà nghiên cứu. Điều làm cho cả hội trường sững sốt là trong số những người này không có ai từng có mặt trong trận Điện Biên Phủ ! Được hỏi, thiếu tướng Trịnh Vương Hồng trả lời : "50 năm trước tôi còn là học sinh tiểu học!". Và giáo sư trưởng đoàn Phan Huy Lê - người duy nhất trong đoàn nói được tiếng Pháp - chỉ còn biết tỏ lời "đáng tiếc" là phía Việt Nam không có ai là cựu chiến binh Điện Biên Phủ đi dự cả ! Vì sao ? Giáo sư mỉm cười bí ẩn !

Một bí ẩn khác là trong chương trình in rất trang trọng từ hai tháng trước có ghi tên giáo sư Trần Đức Cường sẽ trình bày vào chiều ngày 22-12-2003 một bài nghiên cứu nhan đề : "Điện Biên Phủ, nỗi ám ảnh trong cuộc chiến tranh của Hoa Kỳ". Nhưng đến chiều ngày 22 vừa qua không thấy diễn giả đâu cả, ban tổ chức đành phải bỏ một tiết mục ! Giáo sư Phan Huy Lê trả lời cho phóng viên của đài RFI, cô Thanh Hà, về sự biệt tăm này có thể là do vấn đề visa (!). Thật là bí hiểm, đây là một vị đã được lựa chọn cẩn mật để đem chuông đi đánh giữa thủ đô nước Pháp mà lại bị nhỡ tàu bay ! Hay sự quán trên đường Boileau quá bận nhiều việc khác ! Thật là tội nghiệp !

Ngoài bốn người đến từ Hà Nội, còn có bốn cán bộ của sứ quán Việt Nam, giáo sư xã hội học Nguyễn Đức Nhuận (Đại học Paris 7), nhà làm kinh tế Nguyễn Khánh Hội và đặc biệt hơn nữa là nhà báo Bùi Tín.

Do những chính kiến ngay thẳng, có thể nói không giống ai, ông Bùi Tín đã được mời phát biểu ba lần (sáng 21, sáng và chiều 22) và được cả hội trường chú ý. Ông còn được các nhà sử học, các tướng lĩnh Pháp như Delmas, de Bire, Simon và nhà báo Pierre Babey của đài truyền hình France 3 xúm lại hỏi chuyện trong giờ nghỉ và tiệc trà.

Để các bạn hiểu thêm những vấn đề khá phức tạp và lý thú về việc kỷ niệm 50 năm Điện Biên Phủ, tôi chỉ xin tóm tắt những điều mà nhà báo Bùi Tín đã nêu lên trong cuộc hội thảo, theo băng ghi âm tôi ghi được.

1. Về chi phí kỷ niệm và vinh danh các liệt sĩ Điện Biên Phủ, sau khi nghe ông Phạm Xuân Xanh (Viện khoa

học xã hội) trình bày kế hoạch đại quy mô của chính quyền và đảng cộng sản : xây quần thể tượng Điện Biên Phủ lớn nhất, xây Nhà bảo tàng mới, trùng tu và tôn tạo lớn các địa điểm như đồn Him Lam, đồi A1, hầm chỉ huy của tướng Giáp, đường kéo pháo, hầm của tướng de Castries, xây dựng thành phố Điện Biên, mở các cuộc thi sáng tác, các giải thưởng, làm lễ đặt tên Điện Biên Phủ cho hàng loạt thị trấn, khu phố, đường phố, trường học, khóa học, sản phẩm mới, mở các lễ hội ngày 7-5, v.v., chi phí lên đến hàng ngàn tỷ đồng ; nhà báo Bùi Tín phát biểu :

- "Tôi mừng khi nghe kế hoạch quy mô để vinh danh xứng đáng các chiến sĩ Điện Biên đồng đội của tôi ; tôi chỉ mong những số tiền cực lớn lên đến hàng nghìn tỷ đồng ấy không bị cắt xén, đục khoét bởi các tham quan ô lại ở mọi cấp, khi mà Việt Nam hiện được xếp là có nạn tham nhũng đứng ở hàng đầu của châu Á. Không gì xúc phạm các liệt sĩ Điện Biên Phủ hơn là để số tiền của nhân dân ấy nuôi béo bọn tham quan..."

- "Tôi đề nghị các ông báo cáo cho các vị lãnh đạo trong nước rằng nhân dịp này cần phục hồi công khai danh dự cho các liệt sĩ và chiến sĩ Điện Biên Phủ chân chính bị xử trí phi pháp, tàn ác như : thượng tướng **Chu Văn Tấn**, tư lệnh Quân Khu Việt Bắc trong chiến dịch Điện Biên, thiếu tướng **Đặng Kim Giang** cầm đầu hệ thống hậu cần của chiến dịch Điện Biên, tướng **Lê Liêm** một ủy viên đảng ủy mặt trận gồm 4 người, trung tướng **Trần Độ** chỉ huy đại đoàn 312 là người vào chiều 7-5-1954 đã qua điện thoại xác định với tướng Giáp là chính tướng de Castries đang đứng trước mặt ông, đại tá **Đỗ Đức Kiên** cục trưởng tác chiến, đại tá **Phạm Quế Dương** bị bắt ngày 29-12-2002 hiện đang còn bị giam giữ... Họ đều bị vu cáo là chống đảng, xét lại, làm gián điệp cho nước ngoài... chỉ vì dám lên tiếng chống tham nhũng, chống độc đoán và đòi lại các quyền dân chủ cho đông bào. Danh sách còn dài, như các dũng sĩ **Vũ Cao Quận**, **Trần Dũng Tiến**... Nếu không công khai phục hồi danh dự cho các chiến sĩ Điện Biên Phủ chân chính kể trên thì bao nhiêu tượng đài, lễ hội, hội thảo... đều là mả mai và giả dối !"

2. Về công khai và thẳng thắn trong thống kê, sau khi ông Ngô Đăng Trí (Viện khoa học xã hội), đại diện chính quyền Hà Nội, lần đầu tiên đưa ra công khai con số người chết và bị thương ở Điện Biên Phủ của phía quân đội nhân dân "là khoảng 10.000", và sau khi bác sĩ J-J. Arzalier đưa ra một bản thống kê chi tiết của phía Pháp về số chết, bị thương, bị bắt, được trao trả, qua từng thời gian, và chỉ rõ số phía Việt Nam đã bắt mà không trao trả lên đến hơn 10.000 quân nhân Pháp và 15.000 người thuộc quốc tịch khác (những con số cần được các bên làm rõ thêm), ông Bùi Tín phát biểu :

- "Sau 50 năm Điện Biên Phủ và sau 28 năm kết thúc chiến tranh ở Việt Nam, phía Pháp đã **công khai hóa** các hồ sơ, lưu trữ cho công chúng, cho các nhà nghiên cứu. Tôi nghĩ phía Việt Nam cũng cần làm như thế. Tôi nghĩ đã đến lúc Việt Nam phải **chơi ngay thật** (franc jeu) với thế giới. Xem ra phía Việt Nam đến nay vẫn còn giữ kiểu suy nghĩ thời chiến. Tôi từng một thời gian là người phát ngôn chính thức

của quân đội nhân dân ; tôi cũng làm báo quân sự trong chiến tranh. Hồi ấy chúng tôi được lệnh giữ kín tổn thất của ta và nhân lên tổn thất của đối phương. Ví dụ theo công bố trên báo Quân Đội Nhân Dân thì chúng tôi đã hạ đến gần 7.000 máy bay Mỹ, nhưng thật ra số đó là 3.600... Số lính Mỹ chết và bị thương ở miền Nam đăng trên báo cộng lại thì lên đến gần 500.000, mà thật ra số chết là 51.000 !".

- "Tôi nói thành thật, vì nay đã đến lúc nói thật với nhau, Việt Nam vẫn có kiểu thống kê "đặc sắc". Khi cần trưng ra sự hy sinh để kể công hay bắt đền thì số hy sinh là một hay hai triệu. Nhưng khi cần nêu tài chỉ huy diệt địch thật nhiều mà ta rất ít tổn thất trong một trận đánh thì các con số đều xa sự thật. Do đó con số 10.000 của phía Việt Nam tôi nghĩ vẫn là con số ảo. Nếu chỉ có vậy thì còn gì bằng ! Nhưng ở Điện Biên Phủ để tiến công một vị trí một tiểu đoàn địch, chúng tôi thường dùng đến quân số gấp hai, hay ba, cho đến bốn lần, nghĩa là từ hai đến bốn tiểu đoàn. Mà hỏa lực phòng ngự được chuẩn bị sẵn của đối phương thì rất dày đặc. Theo tôi ước tính, số liệt sĩ phía Việt Nam lên đến 12, thậm chí 15.000 người. Bộ quốc phòng Việt Nam nên bạch hóa các tài liệu cho các nhà khoa học ! Thế mới là hòa nhập với thế giới ! Nay đã là chậm".

3. Suy nghĩ và phát biểu cẩn thận.

Có lúc Jeanne Mai cảm thấy không khí hơi căng khi ông Ngô Đăng Trí, hình như hơi đăng trí, cất cao giọng như khi lên lớp trước các học sinh ngoan ngoãn ở nhà, rằng : "Chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ cũng là niềm vui lớn của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có cả nhân dân Pháp...". Thế là một loạt thính giả tham dự Pháp dơ tay xin phát biểu. Một ông tướng Pháp, vốn là thiếu tá ở trận Điện Biên Phủ, nói : "Xin hãy suy nghĩ và nói đúng sự thật. Hầu hết nước Pháp chúng tôi đã khóc và treo cờ rủ. Có thể nói chỉ có Đảng Cộng Sản Pháp reo mừng !". Một nhà ngoại giao Pháp tiếp ngay : "Nói toàn dân Việt Nam vui mừng cũng không đúng sự thật ; tôi ở Sài Gòn những ngày ấy, tôi thấy rõ những người Việt Nam đã buồn bã ra sao ; họ chia buồn với chúng tôi và sau hiệp định Genève họ đau khổ thấy một nửa nước của họ bị đặt dưới sự cai trị của đảng cộng sản. Chỉ một bộ phận người Việt Nam coi Điện Biên Phủ là chiến thắng của họ".

Phía Việt Nam lúng túng, không biết trả lời ra sao, đã tỏ ra ú ớ... Thì ra trong nhà muốn nói sao cũng được, khi ra ngoài ngõ cần phải cẩn thận, rất dễ bị người ta sửa gáy!

4. Một điểm then chốt : phân biệt điều thật với những điều bị ép là thật

Sau khi thiếu tướng Hồng Cao Hứng nhận định Điện Biên Phủ là đỉnh cao chói lọi, là bước ngoặt lịch sử dẫn đến sự hoàn thành trọn vẹn nền độc lập dân tộc và mang lại tự do cho toàn dân thì vẫn lại ông Bùi Tín được mời phát biểu.

Ông Bùi Tín nói : "Tôi xin hỏi hiện nước ta có độc lập trọn vẹn như ông nói không ? Tôi cho là không. Tại hội trường Ba Đình trong Đại hội 9 tôi thấy trên truyền hình dưới tượng lớn của ông Hồ Chí Minh là hình rất lớn hai ông

Mác và Lênin ; hai ông này chưa hề đến Việt Nam, cũng không hề viết và nói một câu nào, một chữ nào về Việt Nam; hai vị này chỉ dạy học thuyết đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản mà hiện nay phần lớn các đảng cộng sản đã công khai từ bỏ. Khi đã để đất nước phụ thuộc vào một học thuyết xa lạ thì còn đâu là độc lập. Khi đất nước trở thành một tiền đồn cho một vương quốc chuyên chế thì còn gì là độc lập và tự do ! Điện Biên Phủ đã mang lại độc lập hay phục vụ sự mở rộng của cái vương quốc của Stalin và Mao? Xin ông trả lời rõ cho mọi người là nhân dân ta đã có đầy đủ mọi quyền sống tự do như ông nói, nghĩa là các quyền tự do tư tưởng, báo chí, tôn giáo, bầu cử hay không ?".

Các vị từ Hà Nội sang Paris đã không trả lời câu hỏi này. Ông Bùi Tín tâm sự với một nhà báo Pháp đứng cạnh tôi : "Họ không trả lời vì không thể có câu trả lời đúng, vì họ bất ngờ, vì cảm nang họ mang theo không có lời giải. Tôi thương hại họ, nhưng tôi thấy phải đặt ra để tuổi trẻ và mọi người suy nghĩ sâu sắc về : Việt Nam, Điện Biên Phủ, độc lập và tự do... Kinh nghiệm lớn nhất của tôi khi còn ở trong nước là tìm ra sự thật trong vô vàn điều có vẻ là thật, ngỡ là thật, được báo và sách của đảng gò ép, buộc mọi người phải coi là sự thật".

5. Thái độ dễ chịu hơn trước

Khi kết thúc cuộc hội thảo, tôi thấy ông Bùi Tín vui cười tạm biệt các nhà học giả sắp trở về Hà Nội. Tôi đến hỏi : "Ông có gì mà vui thế ?". Ông Bùi Tín cười : "Dù sao cũng là anh em, đồng đội cũ ; họ có vẻ hiểu tôi. Tôi hỏi những điều tôi nói trong hội thảo có làm phiền hay phật lòng ai không ? Họ đều trả lời là không. Có ý kiến khác nhau là bình thường. Anh Phan Huy Lê là bạn tôi từ lâu. Anh luôn có thái độ từ tốn. Báo cáo của anh chỉ nói đến những cuộc chiến đấu chống ngoại xâm trong lịch sử trước khi thuộc Pháp, chủ yếu là chống anh khổng lồ phương Bắc. Các bạn ấy đều hỏi thăm sức khỏe tôi, còn cho tôi biết tin về nhiều bạn của tôi ở Viện lịch sử quân sự, ở đường Lý Nam Đế, ở báo Quân Đội... Đó là dấu hiệu tốt. Trước đây một số cán bộ trong nước gặp tôi có thái độ khinh khỉnh, có khi khiêu khích, nay thì không thế nữa. Tôi hiểu rằng có những điều không thật lịch sự, khôn khéo, thậm chí rất dở trong cuộc hội thảo quốc tế này, nhưng đó không phải lỗi ở các bạn này. Nó nằm ở chỗ hòa nhập dở dang, đổi mới xập xệ, lẫn lộn khoa học với tuyên truyền. Tôi mong các nhà lãnh đạo Việt Nam biết rõ những kém cỏi, cổ lỗ của họ để sửa chữa trong các cuộc hội thảo sau này, vì nó liên quan đến danh dự đất nước, uy tín của dân tộc. Tôi đã nêu lên một số vấn đề và câu hỏi, rất mong được những người có trách nhiệm chú ý trả lời bằng việc làm, với tinh thần đền ơn đáp nghĩa thật lòng các liệt sĩ Điện Biên Phủ".

Ông Bùi Tín từ biệt tôi vẫn với nụ cười bên dòng sông Seine đầy ánh đèn : "Mong cô viết tường thuật thật hay ; tôi rất vui vì đã nói thay anh em dân chủ, các cựu chiến binh ngay thẳng trong nước đang bị bịt mắt, và cũng là an ủi vong linh các liệt sĩ Điện Biên Phủ đã nằm xuống với lý tưởng độc lập và tự do, mà cho đến nay vẫn chưa trọn vẹn".

Jeanne Mai (Paris, 23-11-2003)

Tài Liệu Mật của Đảng Cộng Sản Việt Nam :

Thực chất từ đại hội đảng lần thứ IX là vấn đề gì ?

Nguyễn Chí Trung

LTS. Sau đây là một tài liệu mật được phổ biến trên mạng Internet từ một địa chỉ email có tên là "Câu Lạc Bộ Dân Chủ Việt Nam". Vì không trực tiếp nhận được từ tay người viết, chúng tôi đăng lại nội dung tài liệu này với tất cả dè dặt. Tuy nhiên có nhiều yếu tố cho phép tin rằng tài liệu này có thực. Nguyễn Chí Trung, tác giả bài viết này là thư ký riêng của ông Lê Khả Phiêu. Bài viết cho phép độc giả nhận định về tình hình nội bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam và tự trả lời câu hỏi mà tác giả đặt ra : "Thực chất là vấn đề gì ?".

Một chi tiết đáng lưu ý là từ trước đến nay dư luận vẫn cho rằng việc trì hoãn ký hiệp định Việt-Mỹ là do áp lực của hai ông Lê Đức Anh và Đỗ Mười. Theo tác giả bài này thì hai ông này không những không chống đối mà còn vận động cho hiệp ước này, người chống đối chính là ông Lê Khả Phiêu.

Từ thập kỷ 90 của thế kỷ 20, chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ đã tác động mạnh mẽ vào xã hội và nội bộ đảng ta, tư tưởng của chủ nghĩa cơ hội phát sinh, phát triển trong đa số cán bộ cao cấp và đảng viên. Đến đại hội đảng lần VI nổi lên từ Trần Xuân Bách, ủy viên bộ chính trị, trưởng ban tổ chức trung ương đảng, đã ngóc đầu dậy đòi đa nguyên đa đảng nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của đảng, thực hành kiểu dân chủ phương Tây, theo con đường tư bản chủ nghĩa. Lúc đó, trung ương và bộ chính trị đảng ta còn mạnh, quật ngã Trần Xuân Bách ngay. Tháng 3-1990, hội nghị Bộ chính trị, Ban chấp hành đã cách chức một số trung ương ủy viên và khai trừ đảng đối với Trần Xuân Bách.

Bước vào thời kỳ đổi mới, xuất hiện chủ nghĩa cơ hội, mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, tư tưởng cá nhân thực dụng... làm cho cán bộ, đảng viên càng sa sút phẩm chất, đảng bị suy thoái. Một bộ phận đồng chí mơ hồ lập trường phương Tây, muốn quay lưng với đảng, với chủ nghĩa xã hội... Võ Văn Kiệt, thủ tướng chính phủ, ủy viên bộ chính trị, đòi xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa trung lập. Cuối đại hội đảng lần thứ VII, ngày 9-8-1995, Võ Văn Kiệt đưa ra cương lĩnh trình bộ chính trị (dài 30 trang), lúc đó anh (Nguyễn Văn) Linh (đương nhiệm tổng bí thư) nghiên cứu đưa vào báo cáo bộ chính trị. Đến đại hội đảng lần thứ VIII đòi bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa, bỏ kinh tế quốc doanh, bỏ hợp tác xã, bỏ "Điều 4 hiến pháp", thực hiện dân chủ triệt để.

Lúc đó, Nguyễn Mạnh Cẩm đưa ra luận điểm "không còn đấu tranh giai cấp". Mỹ không phải là đối tượng chiến lược (kẻ thù) của Việt Nam. Thế giới đang cần hợp tác, đến lúc cạnh tranh kinh tế chứ không phải coi nhau như kẻ thù (đường lối ấy phù hợp với chiến lược Châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ).

Ngày 10-10-1995. Bộ chính trị đưa vấn đề của Kiệt, Cẩm nêu trên, ra thảo luận một ngày không xong. Ngày hôm sau đưa ra thảo luận tiếp. Lê Khả Phiêu (chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị, ủy viên bộ chính trị) phát biểu trước. Đương nhiên là đấu tranh quyết liệt với quan điểm sai trái trên đây của Kiệt và Cẩm. Sau khi phát biểu xong, anh Linh hỏi ai có ý kiến gì phát biểu thêm thì Lê Đức Anh nói: "Đúng". Anh Linh và bộ chính trị không ai phát biểu gì cả.

Kiệt xin lỗi anh Phiêu và nói : "Anh phê phán tôi như vậy là quá đáng", và phân trần : "độc lập dân tộc, xóa chủ nghĩa xã hội, tài liệu đó là anh em họ viết ra, tôi chỉ ký mà thôi". Phiêu đấu tranh tiếp : "Anh nói vậy hóa ra anh là người hai mặt à".

Ngày hôm sau tiếp tục đưa vấn đề này ra thảo luận, giữa Kiệt và Phiêu đấu tranh qua lại rất căng thẳng. Bộ chính trị cũng không ai có ý kiến gì. Đỗ Mười nói : "Còn khó quá, hãy hoãn lại, sau sẽ thảo luận". Nhưng rồi cũng tạm gác... Tiếp tuần sau đưa ra thảo luận. Ý kiến của Cẩm và Mười cũng lừng chừng, bảo Phiêu phát biểu trước. Cẩm thấy không ai có ý kiến gì cũng làm thinh. Đến đó, Bộ chính trị dừng lại không có kết luận cuối cùng. Vũ Oanh thì muốn bỏ chủ nghĩa xã hội.

Đến đại hội 9 Ban chấp hành trung ương khóa VII (từ 16 đến 23 tháng 2-1996), hội nghị Bộ chính trị trung ương thông qua dự thảo báo cáo chính trị đại hội đảng lần thứ VII, một số trung ương ủy viên buộc Đỗ Mười đưa vấn đề của Kiệt, Cẩm ra thảo luận lại. Lúc bấy giờ chỉ có một số ủy viên trung ương khu vực miền Trung đấu tranh phê phán quyết liệt quan điểm của Kiệt, Cẩm. Các đồng chí ấy phân tích "nếu một quần chúng có quan điểm như Kiệt thì có thể kết nạp vào đảng được không, nếu một đồng chí có quan điểm như vậy có bầu đi dự đại hội đảng, vào trung ương hay không ? Đây là phần xem xét tư cách đưa ra khỏi đảng". Đỗ Mười lại thỏa hiệp đứng ra bào chữa, thanh minh cho Kiệt. Mười cho đó là nhận thức lệch chứ không có vấn đề gì đâu. Đỗ Mười lúc này muốn ổn định nội bộ. Lê Đức Anh vẫn làm thinh. Nguyễn Chấn phê phán Cẩm là mơ hồ giai cấp : tại sao cho Mỹ là bạn chứ không phải là thù ? Chấn phân tích đập mạnh quan điểm của Cẩm. Cần tự ái phản ứng, cho Chấn là lên mặt dạy đời.

Bước vào hội nghị trung ương lần 10 trừ bị lần 1. Kiệt, Anh bị thiếu số phiếu (Kiệt 20, Anh 60 phiếu), không đủ phiếu ở lại trung ương và đủ điều kiện để loại Kiệt. Nhưng đến hội nghị trung ương lần thứ 11, trừ bị chính thức nếu bầu, thì Đỗ Mười quay ngoặt 180 độ : "Yêu cầu Kiệt ở lại Bộ chính trị, chứ một mình tôi không làm nổi".

Đại hội đảng lần thứ VIII (từ 26-6 đến 1-7-1996), Đỗ Mười : tổng bí thư. Anh, Kiệt, Cẩm, Phiêu ở lại Bộ chính trị. Trong hội nghị trừ bị, đấu tranh về nhân sự đã diễn ra

rất gay gắt. Ra đại hội, anh Linh công khai vạch thẳng hiện tượng tiêu cực, suy thoái trong đảng ở ngay trong Bộ chính trị. Anh Linh nói : "Dột từ trên nóc dột xuống". Đỗ Mười thanh minh : "Mía sâu có dốt, nhà dột có chỗ".

Hội Ban chấp hành trung ương lần 4 khóa 8 từ ngày 23 đến 29-12-1997 xem xét vấn đề nhân sự cấp cao và thảo luận 11 vấn đề về quan điểm, chủ trương, chính sách quan trọng. Vấn đề thứ 11 là : "Khắc phục tình trạng thoái hóa trong cán bộ, đảng viên", rồi đi đến quyết định một số vấn đề về nhân sự : Kiệt, Anh, Mười còn ở lại hay nghỉ ? Anh Năm (Võ Chí) Công cố vấn đề nghị : "Cả ba nên nghỉ" (nhưng cả ba đều muốn ở lại Bộ chính trị). Vấn đề là chọn tổng bí thư thay cho Đỗ Mười ?

Lúc đầu thì anh Đồng, anh Năm Công giới thiệu Cầm. Nhưng sau đó có nhiều ý kiến về Cầm nên thôi không chọn. Năm Công lại giới thiệu Nguyễn Văn An. Anh Linh thì muốn giới thiệu Nguyễn Xuân Tùng, nhưng Tùng có vụ lộn xộn ở Sài Gòn nên thôi. Sau đó anh Linh xem lý lịch của Phiêu, thấy Phiêu chưa làm bí thư tỉnh hoặc thành phố lớn nào, anh Linh ngập ngừng hỏi Lê Đức Anh xem giới thiệu ai ? (bấy lâu nay ta đã hiểu lầm Anh đưa Phiêu làm tổng bí thư để dễ điều khiển, song không phải như vậy. Vì khi Anh làm chủ tịch nước, Đoàn Khuê làm bộ trưởng quốc phòng, Anh làm phó bí thư quân ủy trung ương nhưng Mười giao hạn quyền hạn cho Anh. Vì quyền hạn chức bí thư quân ủy trung ương hơn nên Anh muốn làm tổng bí thư để kiêm luôn chức ấy). Sau đó. Anh bị tai biến mạch máu não. Đoàn Khuê và một số cán bộ tích cực ủng hộ đưa Lê Khả Phiêu làm tổng bí thư để giữ chủ nghĩa xã hội.

Kiệt, Mười, Anh, mặc dù có ý kiến của anh Năm Công đề nghị nghỉ, ba vị cứ bầu vùi ở lại. Khi anh Đồng xin rút khỏi cố vấn (cả anh Linh và anh Công cũng vậy), anh nói với Kiệt, Mười, Anh là không ở lại Bộ chính trị thì làm cố vấn. Mười tỏ vẻ phẫn khởi. Anh lừng khừng. Nhưng rồi cả ba đều phải rút khỏi Bộ chính trị để làm cố vấn.

Đến đây, tháng 12-1997, Đỗ Mười chuyển giao chức tổng bí thư cho Lê Khả Phiêu (xem tài liệu riêng). Bộ chính trị lúc này gồm : cũ có Phiêu, Trần Đức Lương, Trương Tấn Sang, Lê Minh Hương, Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Văn An, Nguyễn Tấn Dũng. Mới có (Phan Văn) Khải, (Phạm Thanh) Ngân, Lê Minh Triết, Phan Diễn, Nguyễn Phú Trọng, Nguyễn Đức Bình, Phạm Văn Trà, (Đào Duy) Tùng, Thị Mỹ.

Thế là từ tháng 12-1997 đến đầu năm 2001 Lê Khả Phiêu đảm nhiệm cương vị tổng bí thư.

Phiêu làm được nhiều việc, tiêu biểu cho ý chí đấu tranh, kiên định đường lối, dương cao ba ngọn cờ :

1. Kiên định con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.
2. Đối ngoại giữ vững độc lập tự chủ trong quan hệ quốc tế (hòa nhập chứ không hòa tan).
3. Đối nội đề ra cuộc vận động xây dựng chính đảng, tập trung và khắc phục sự suy thoái trong đảng, mục tiêu đấu tranh chủ yếu là chống tham nhũng. Trong vấn đề này Lê Khả Phiêu đã mạnh tay xử lý một số cán bộ ở cấp cao, cách chức phó thủ tướng Ngô Xuân Lộc, cảnh cáo bãi

chức Kiên tổng giám đốc ngân hàng và hàng mấy chục cán bộ cấp tỉnh tập trung ở phía Nam.

Với tác phong giản dị, chan hòa trong quần chúng, sát dân, xông pha trong bão lũ, giải quyết kịp thời những vấn đề cứu dân trong lúc khó khăn... nói thẳng, phân biệt đúng, sai, có uy tín đối với quần chúng, khôi phục uy tín đảng và mối quan hệ dân với đảng, dân tin đảng.

Cũng trong thời điểm cuối 2000 đầu 2001 dịch và phần tử xấu trong, ngoài nước tung dư luận đòi ta thay đổi đường lối. Mỹ ép ta bỏ Điều 4 trong hiến pháp, đòi gác lại chủ nghĩa xã hội, đổi tên đảng, tên nước, sửa đổi quốc kỳ, quốc ca... Song ta không ngờ và không hề nghĩ tới việc thay đổi đường lối chính trị, tổ chức lật đổ lại chính nằm trong âm mưu của ba anh cố vấn (đến đại hội IX bột phát ta mới hiểu). Thời kỳ đương nhiệm (trước đại hội IX) có mấy hoạt động nổi bật của tổng bí thư Lê Khả Phiêu, và cũng chính những hoạt động này bị ba anh cố vấn lên án :

- Xử lý Ngô Xuân Lộc (bị Đỗ Mười phản đối).
- Thành lập tổ chức A10.
- Hoãn ký hiệp ước thương mại Việt – Mỹ.
- Thăm Trung Quốc - Hội đàm với Giang Trạch Dân.
- Thăm châu Âu (có Thị Dung cùng đi trong đoàn).
- Trực tiếp đối thoại với Bìn Clinton.

Chuẩn bị đại hội đảng IX : Một mặt đưa dự thảo báo cáo chính trị thu thập ý kiến tham gia của mọi tầng lớp nhân dân, tổng bí thư Lê Khả Phiêu đi sát cơ sở dự Đại hội đảng bộ cơ sở tận chỉ bộ. Không khí dân chủ tin tưởng, phấn khởi trong đảng và ngoài xã hội tăng cao.

Đồng thời trong lúc này ba anh cố vấn cũng bàn mưu, tính kế chuẩn bị đảo chính trong đảng trước khi khai mạc đại hội. Họ lập kế hoạch, tạo chứng cứ giả, tập trung mũi nhọn nhằm lật đổ tổng bí thư Lê Khả Phiêu (Phiêu không biết).

Ba anh cố vấn mớm cho Hữu Thọ (trưởng ban Tư Tưởng Văn Hóa trung ương) tung dư luận trong cuộc họp báo tại thành phố Hồ Chí Minh : "Nhiệm kỳ đại hội đảng tới Lê Khả Phiêu nên nghỉ". Thọ phát biểu rất vô nguyên tắc vì Bộ chính trị, trung ương chưa có ý kiến gì về nhân sự đại hội.

Trong lúc tổng bí thư Lê Khả Phiêu lo chuẩn bị cho đại hội thì ba anh cố vấn ráo riết chuẩn bị vùi dập, vu khống, lật đổ Phiêu. Trực diện vu khống, đả kích, thực hiện mưu đồ đảo chính trong đảng trước đại hội IX khai mạc lần lượt diễn ra như sau :

- Sáng 10-10-2000 Phiêu mời ba cố vấn họp để thăm dò chuẩn bị nhân sự cho đại hội IX. Phiêu nêu ý kiến một số đồng chí nên rút ra khỏi Bộ chính trị là : Nguyễn Đức Bình, Phạm Văn Trà, Nguyễn Mạnh Cầm, Tùng, Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Tấn Dũng và Trần Xuân Giá ra khỏi trung ương, rồi nêu thôi chế độ cố vấn...

- Cùng lúc này Lê Đức Anh bắt tay Trần Đức Lương, mớm : "Lần này anh sẽ phải làm tổng bí thư". (Lương hí hửng mừng thầm).

Chiều 10-10 cố vấn ra **đòn tấn công đợt 1** : Cố vấn đưa ra đề nghị trẻ hóa trung ương Bộ chính trị dưới 50 tuổi

(như vậy thì Bộ chính trị chỉ còn một, trung ương còn 60 người). Nhưng ba cố vấn cảm thấy khó thực hiện, khó có sự đồng tình.

Ngày 3-1 đến 11-1-2001 Đại Hội đảng toàn quân, có vấn **tấn công đợt 2** : Trong đại hội này Lê Đức Anh đột ngột buộc Lê Khả Phiêu 10 tội :

1. Bán đất, bán biển cho Trung Quốc.
2. Lộ bí mật ý đồ chiến lược với Giang Trạch Dân.
3. Độc đoán thiếu dân chủ.
4. Thành lập A10 âm mưu lật đổ nội bộ.
5. Quan hệ bất chính với gái và quan hệ với gái gián điệp.
6. Hoãn ký hiệp định thương mại Việt-Mỹ.
7. Trực tiếp đối thoại với Clin-tơn quá cứng rắn.
8. Đề bạt Lê Hải Anh là một tên đào ngũ lên thứ trưởng Bộ Quốc Phòng.
9. Địa phương chủ nghĩa (Thanh Hóa hóa, Hà Nội hóa, lôi kéo người Thanh Hóa lên trung ương).
10. Lôi lại vụ Xiêm Riệp.

Trong lúc này Lê Đức Anh mắng thẳng vào mặt Phạm Thanh Ngân là đồ ngu, và tập trung vu khống Phiêu về tội vô nguyên tắc trong việc thành lập A10 (tổ chức chuyên theo dõi nội bộ) và bán đất, bán biển cho Trung Quốc... làm cho toàn bộ những người có mặt trong đại hội ngơ ngác. Phiêu và Ngân có thanh minh. Cố vấn không kết tội Phiêu được lại buộc Phiêu nhận kỷ luật và bảo : Phiêu phải từ chức ngay. Phiêu bị đột ngột, bất ngờ nên thanh minh vài điểm xung quanh vụ A10 và nói : "Nếu tín nhiệm thì tôi tiếp tục làm, không thì thôi". Sau đó các cán bộ lão thành cách mạng gây áp lực, động viên Phiêu ở lại không nên rút lui...

Từ đầu tháng 1 đến đầu tháng 2-2001, không kết tội được, chưa đánh bại được ý chí của Lê Khả Phiêu, ban cố vấn phân công nhau đi vận động để tìm kiếm sự ủng hộ của các đặc ủy viên trung ương, ủy viên Bộ chính trị, tướng lĩnh về hưu để lật đổ các đ-c cầm đầu bộ máy lãnh đạo đảng và nhà nước, nhưng vẫn tập trung mũi nhọn vào tổng bí thư Lê Khả Phiêu.

Ngày 13-1-2001, Đỗ Mười gọi điện thoại cho Nguyễn Đức Tâm (nguyên ủy viên Bộ chính trị, trưởng Ban tổ chức trung ương cũ) đang ở Hải Phòng, báo sẽ gặp Tâm để thông báo một số tình hình, nhưng Tâm bận. Đến 6-2-2001 Mười mới gặp Tâm (Lê Đức Anh đã cho người thông báo tình hình với Tâm trước), hỏi Tâm có ý kiến như thế nào về những điều đã được Anh thông báo ? Mười phân tích phê phán việc Phiêu quyết định thành lập A10 là sai nguyên tắc, rồi trao cho Tâm một bản án Lê Khả Phiêu dài 7, 8 trang trong đó đặt vấn đề : Phiêu quan hệ trai gái với Thị Hà, Thị Dung là gián điệp Mỹ... Mười còn trao cho Tâm một tấm ảnh nói là : "Ảnh chụp được từ nước ngoài". Mười còn vận động Tâm đòi thay đổi 50% ủy viên Bộ chính trị, nhất là ba người chủ chốt : Phiêu, Lương, Khải và điều Nông Đức Mạnh sang công tác khác. (Xem bản báo cáo của Tâm với Bộ chính trị).

Đòn tấn công thứ 3. Sau một tháng ráo riết vận động đến 5-2-2001 hội nghị trung ương 11a họp trừ bị. Lê Đức

Anh chính thức đưa 10 tội của Lê Khả Phiêu ra trước hội nghị : buộc hội nghị tập trung thảo luận đấu tranh phê phán Phiêu về quyết định thành lập A10, cho Phiêu là lộng quyền, vi phạm nguyên tắc nghiêm trọng, định lật đổ trung ương và Bộ chính trị, gây nghi ngờ nội bộ... Anh tiếp tục buộc Phiêu từ chức trước khi khai mạc đại hội IX.

Vấn đề thành lập A10 như sau : Nguyên từ trước năm 1995 Lê Đức Anh nắm hội đồng an ninh, quyết định nâng Cục II lên thành Tổng cục II (TCII), giao cho nó quyền hạn, nhiệm vụ vượt quá chức năng (thành cơ quan tình báo chiến lược quốc gia) lại làm cả nhiệm vụ của an ninh phản gián. Võ Văn Kiệt ra QĐ-96, sau đó Nông Đức Mạnh ra pháp lệnh thành lập cơ quan phối kiểm tin (gồm CA, TCII, cục bảo vệ Quân Đội).

Để nắm vững TCII, Lê Đức Anh nhận Nguyễn Chí Vịnh (một thanh niên hư hỏng, con trai Nguyễn Chí Thanh) làm con nuôi, nâng đỡ, ô dù đưa vào quân báo, đề bạt nhanh lên đại tá phụ trách tổng cục phó TCII. Dựa vào thế Lê Đức Anh, TCII ngày càng lộng hành cho nên công tác phối kiểm tin không còn chuẩn xác, nội bộ TCII phức tạp, đưa tin không chính xác và nhiều việc làm sai trái.

- Ví dụ tên Nguyễn, thư ký cho Phan Văn Khải, cùng tên Tô Luyến cục 11, TCII định bắt cóc Võ Thị Thắng, bức cung buộc Thắng phải nhận làm việc cho địch khi Thắng bị địch bắt trong kháng chiến để lập hồ sơ giả tội chị Thắng. May là ta đã phát hiện kịp thời chặn đứng lại.

- Ví dụ khác là, chúng đã đưa một số tài liệu, cán bộ của ta bị địch bắt trước đây đã đầu hàng và nhận nhiệm vụ địch giao. Họ nói tài liệu này do cơ sở điệp báo của ta từ nước ngoài cung cấp. Song thực tế tài liệu đó là ta thu được của địch từ khi giải phóng miền Nam. Trước đó Vũ Chính, thiếu tướng là cục trưởng Cục II (xem thêm tài liệu vương triều Vũ Chính, cha vợ của Vịnh), có đề nghị Lê Khả Phiêu đề bạt Nguyễn Chí Vịnh lên hàm thiếu tướng và đưa vào trung ương nhưng bị Phiêu bác bỏ.

Trong lúc này, có tên Kế đại tá TCII bí mật lập đường dây viễn thông liên lạc với nước ngoài bị cục bảo vệ an ninh phát hiện. Đứng trước tình hình lộn xộn đó Lê Khả Phiêu họp với Trà, Ngân định thành lập nhóm A10, thành phần gồm TCII, Cục bảo vệ an ninh, Tổng cục chính trị, thành lập một bộ phận phối kiểm tin địch-ta, tránh tình trạng mạnh ai nấy báo (một việc mà hai nguồn tin đưa ra khác nhau). Cử Trà làm tổ trưởng A10, Trà lại đề cử Ngân làm. Phiêu giao Vũ Chính làm kế hoạch.

Vũ Chính đưa bản thảo cho Phiêu xem. Phiêu thấy Vũ Chính đề ra nhiệm vụ, quyền hạn A10 quá to. Phiêu xóa đoạn "theo dõi lực lượng cấp tiến trong và ngoài quân đội". Chính về viết lại thành một bản chính theo nội dung Phiêu đã sửa, kèm theo phụ lục hướng dẫn nhưng lại để nguyên không sửa. Chính đưa cho Ngân thông qua. Ngân xem bản chính, không xem phụ lục, Ngân ký chuyển cho Phiêu. Phiêu thấy Ngân ký rồi tưởng đã chữa theo ý Phiêu, Phiêu cũng không xem phụ lục, Phiêu ký. Trong văn bản đề chức danh là "Bí thư quân ủy trung ương" chứ không đề thay mặt quân ủy trung ương.

Sau khi Phiêu ký, Chính thấy Phiêu sơ hở, sai sót, đem

văn bản đó giao cho Lê Đức Anh. Anh chớp lấy lên án là Phiêu lộ quyền, độc đoán, phạm nguyên tắc không qua tập thể quân ủy trung ương. Từ đó quy ra tội như thế là Phiêu chủ trương theo dõi cán bộ cao cấp trung ương, cán bộ trong và ngoài quân đội. Như thế là theo dõi cả Bộ chính trị, mang ý định âm mưu lật đổ, và đòi Ban chấp hành trung ương phải kỷ luật Phiêu, buộc Phiêu phải từ chức ngay.

Qua đấu tranh thẳng thắn, có một số ý kiến bảo vệ Phiêu, Phiêu chỉ sơ hở về hành chính, không phạm sai nguyên tắc. Phiêu chứng minh bằng cách lấy bản thảo mà Phiêu đã gạch bỏ đoạn "theo dõi thượng cấp" đến "... " mà Chính không sửa khi ký vào bản chính thức. Chỉ có thiếu sót là không xem lại kỹ phụ lục kèm theo, không phải độc đoán mà có họp thường vụ đảng ủy quân sự trung ương (Phiêu, Trà, Ngân) quyết định thành lập A10. (Lúc này Trà cứ ngồi im ậm ừ để một mình Phiêu thanh minh).

Phiêu bình tĩnh : "Thưa anh Sáu Nam tức Lê Đức Anh), nếu anh nói tôi lộ quyền thì việc lộ quyền ấy đã xảy ra từ năm 1995 khi anh đưa Cục II lên thành TCII, cho nó hoạt động quá phạm vi hoạt động của nó đấy ! Nếu anh nói tôi nghi kỵ thì anh hãy nhớ lại khi anh lâm bệnh tai biến mạch máu não, anh không chịu uống thuốc, không dám ăn. Chị khóc lóc sợ anh chết, chị chạy sang nhà tôi, nhờ tôi động viên bảo anh ăn, uống thuốc. Vậy chính anh mới là người nghi kỵ nội bộ... từ đó".

Ngày đó không quạt ngà được Phiêu về A10 thì đến ngày 6-2-2001 Lê Đức Anh dỡ thủ đoạn để cáng đố cho Ngân cử người theo dõi cán bộ cao cấp trong đảng. Ngân thanh minh không có chỉ thị, văn bản nào giao nhiệm vụ đó. Chị Mỹ, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trung ương, kiểm tra toàn bộ hồ sơ, giấy tờ thành lập cũng như hoạt động của nhóm A10 đều không có dấu hiệu gì là theo dõi cán bộ cao cấp trong đảng như Anh vu khống. Lê Đức Anh đuối lý quay sang dùng thủ đoạn đe dọa hơn gán cho Phiêu là "Anh rỉ tai cán bộ phụ trách A10 theo dõi". Phiêu phản bác lại...

Trần Đức Lương, ôm mộng sẽ được làm tổng bí thư (như Lê Đức Anh mơ), trực tiếp chất vấn thiếu tướng cục trưởng Cục bảo vệ an ninh : "Phiêu, Ngân có rủ anh không?" và đe dọa "Nếu anh không nói tôi kỷ luật anh". Trước hành động bỉ ổi của Lương, thiếu tướng An phản bác vì sự thực không có.

Lê Đức Anh dùng ngón cuối cùng là gọi Nguyễn Chí Vịnh làm chứng là Phiêu và Ngân có rỉ tai y. Chứng cứ như vậy Phiêu, Ngân thanh minh sao được. Thấy sự thực là chúng vu khống nên hội nghị bỏ ngỏ, cho qua không kết luận gì. Hội nghị trung ương 11a giải tán.

Sau Hội nghị trung ương 11a, Lê Đức Anh phái Sơn, thư ký riêng, đến từng nhà cán bộ cao cấp lão thành từng là ủy viên Bộ chính trị, ủy viên trung ương, một số tướng lĩnh quân đội về hưu như Chu Huy Mân, Trần Văn Quang, Nguyễn Thanh Bình, Hoàng Minh Thảo, Nguyễn Quyết, Tố Hữu, Đồng Sỹ Nguyên... đến Nguyễn Đức Tâm. Sơn nêu tội Phiêu về vụ A10 và trao bản vạch tội Phiêu dài 6-7 trang để thuyết phục và nói các đồng chí lão thành ủng

hộ lật đổ Phiêu. Song tất cả đều khước từ và có đơn tố giác phản bác gửi đến Bộ chính trị và tổng bí thư.

Đồng thời sau hội nghị 11a việc vu khống, đả kích của ba vị cố vấn dùng để lật đổ, đảo chính trong đảng, trước hết là hạ bệ Lê Khả Phiêu, lan ra khắp nước. Trong cán bộ lão thành cao cấp, nhiều nơi, nhiều cá nhân, tập thể của chi bộ biên thư, kiến nghị dồn dập gửi về Bộ chính trị, ban bí thư, trung ương, bảo vệ đoàn kết, bảo vệ tổng bí thư Lê Khả Phiêu, lên án cố vấn chủ yếu là Lê Đức Anh, đòi kỷ luật cố vấn, thông báo cho toàn đảng biết không thể bỏ qua. Như vậy trải gần một tháng đến hội nghị trung ương 11b khai mạc vẫn tiếp tục đấu tranh.

Tấn công Phiêu lần thứ 4. Lê Đức Anh nêu vụ Phiêu đi thăm Trung Quốc, đối thoại với Giang Trạch Dân là phạm tội bán đất, bán biển, là lộ bí mật chiến lược của đảng, là độc đoán. Đi về không báo cáo với Bộ chính trị, không cho Nguyễn Mạnh Cẩm cùng dự họp là biểu hiện sự thậm thụt sao đó...

Sự thật vụ việc này là xuất phát từ phía Trung Quốc, Giang Trạch Dân mời Phiêu sang thăm. Ta thăm dò ý của họ : chỉ tổng bí thư gặp tổng bí thư ? Họ trả lời mỗi bên bốn người : tổng bí thư, thư ký tổng bí thư, trưởng ban đối ngoại trung ương, chánh văn phòng trung ương. Ta cũng muốn nhân dịp này thăm dò thái độ của Trung Quốc đối với Mỹ, đối với chủ nghĩa xã hội. Kế hoạch đi thăm do Ban đối ngoại trung ương làm, Mạnh Cẩm thông qua... Khi vào phòng họp, do sơ xuất, Cẩm bước vào phòng bị ngăn lại ngay vì không đúng thành phần quy định.

- Nội dung bàn thảo : ta thỏa hiệp chữa lại cột mốc biên giới ở vĩ tuyến (...) do Trung Quốc yêu cầu. Họ lập luận trước kia do công nhân đưa cột mốc không tới đỉnh núi đành bỏ lại sườn núi, bây giờ đưa cột mốc lên đỉnh núi.

- Về biển : hai bên đấu tranh cuối cùng đã đi đến thỏa thuận xác định ba vùng biển, ở ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ là vùng đánh cá chung của cả hai bên.

Quan hệ với Trung Quốc ngày nay rất tế nhị. Ta ở cạnh một nước to, không thể căng với họ vì họ sát nách ta. Khi Lê Đức Anh phê là Cẩm không được vào dự là thậm thụt, Phiêu chứng minh kế hoạch đi hội đàm do Cẩm thông qua, không dự vì không đúng thành phần do Trung Quốc quyết định.

Khi họ nói độc đoán về không báo cáo Bộ chính trị, Phiêu chứng minh, có Khải làm chứng. Khải nói : "Lúc đó Phiêu có báo cáo Bộ chính trị", Phiêu đem văn bản ngày 4 có báo cáo với Bộ chính trị, có Lê Đức Anh dự, ngày 28 mới đi (Cầm ngời đó ậm ừ). Phiêu chứng minh khi về có báo, giờ văn bản ngày 1-5, Phiêu báo cáo trong phiên họp Bộ chính trị, tập văn bản có ghi : Phiêu chỉ thị cho Trần Đình Hoan triển khai (Hoan ngồi đó ậm ừ).

Đuối lý, Lê Đức Anh lại quay sang phê bình Phiêu tại sao tranh chấp với Trung Quốc vùng Biển Đông lại không đưa ASEAN vào ? Phiêu giải thích : "Khu Tự Chính, Tây Trường Sa là thuộc chủ quyền của ta, chỉ tranh chấp với Trung Quốc không dính gì đến ASEAN. Nếu thực hiện đa phương đưa ASEAN vào thì ta không còn chủ quyền hai khu vực ấy. Nên vấn đề này chỉ có song phương, không đa

phương, mà trong nguyên tắc đa phương có song phương...". Anh đuối lý.

Anh tiếp tục quay sang chỉ trích và kết tội Phiêu làm lộ bí mật quốc gia. Tại sao lại cho Giang Trạch Dân biết ta xác định Mỹ vẫn là đối tượng chiến lược (kẻ thù) ? Vấn đề này thực chất như sau :

- Khi Phiêu gặp Phi-đen (Castro) tại Cuba, hai bên thống nhất thế nào cũng phải giữ Trung Quốc lại, đừng để Trung Quốc vượt đầ. Phi-đen nói : "Giang Trạch Dân thì được, còn Chu Dung Cơ chưa rõ... cần theo dõi xem sao".

- Chu Dung Cơ khi sang thăm ta, ngồi trên chuyến chuyên cơ có bộc lộ với ta "năm 1997 đã cho ta là sai", ta cũng không muốn Trung Quốc thỏa hiệp với Mỹ nên nhân chuyến đi này xem Trung Quốc xác định đối tượng chiến lược như thế nào.

- Qua đàm đạo Giang Trạch Dân nói : "Mỹ chia hai tay tôi phải chia hai tay, phải cảnh giác, phải nắm chắc lực lượng vũ trang". Rồi Dân rĩ tai Phiêu : "Mỹ là đối tượng chiến lược của Trung Quốc, không phải là đối tác". Do đó Phiêu mới nói : "Chúng tôi vẫn coi Mỹ là kẻ thù". Chữ không phải cố ý làm lộ bí mật quốc gia gì cả. Các cố vấn im.

Họ quay sang **tấn công đòn thứ 5**, mạnh hơn. Lê Đức Anh, Đỗ Mười xúm nhau tố Phiêu quan hệ với gái gián điệp, tình báo Mỹ khi đi công tác sang châu Âu : Thị Hà, Thị Dung và một phụ nữ khác nữa, đồn là tình báo của Mỹ và nước ngoài. Đỗ mười đưa bức ảnh ghép Phiêu và Hà, một bức Phiêu ngồi cạnh Thị Dung ở Pháp để làm chứng.

Sự thực về Phiêu quan hệ với Thị Hà như thế nào ? Ra sao ?

- Thị Hà là con gái của Đặng Kinh ở Hải Phòng, trong chiến tranh Kinh là thủ trưởng của Phiêu. Trong chiến dịch tiến công vào thành cổ Quảng Trị khi địch oanh tạc vào vị trí của Kinh thì Phiêu lấy thân mình che chắn cho Kinh. Từ đó gia đình Kinh gắn bó với Phiêu. Thị Hà và Phiêu có cảm tình, dan díu... Nhưng khi Phiêu về Tổng cục chính trị, vào Ban chấp hành trung ương có đưa vấn đề này ra kiểm điểm. Phiêu đã cắt quan hệ, các cố vấn, cơ quan quân sự (có lẽ là Cục II) ghép ảnh Phiêu với Hà rồi đưa cho vợ Phiêu xem để kích động (thật bỉ ổi !) rồi đưa ra hội nghị trung ương vu khống Phiêu. Nhưng Thị Hà thời kỳ Phiêu làm tổng bí thư, vẫn rêu rao khoe khoang tổng bí thư Phiêu vẫn còn quan hệ yêu đương với cô ta. Phiêu đành chịu. Sự việc gác lại đó. Nhưng Hà đâu có phải là gián điệp.

- Thị Dung là nhân viên mà tổ chức kinh tế, đơn vị cử đi trong phái đoàn Phiêu sang châu Âu. Trong lúc đang hội đàm tại Pháp, có cả đoàn ta, đoàn quốc tế, có Dung đi cùng. Cố vấn sử dụng (TCII) in ảnh bôi lem mặt những người xung quanh chỉ còn lộ ra hình Phiêu và Dung. Họ đưa ra trước hội nghị trung ương (quá bỉ ổi !) để chứng minh Phiêu ra nước ngoài lén lút quan hệ với gái gián điệp. Lúc đó Nguyễn Mạnh Cầm không còn nén được nữa bật đứng lên phản bác : "Hôm đó có tôi ở sau lưng anh Phiêu, tại sao xóa mặt tôi đi". Thế là thủ đoạn vu khống bị lật tẩy hoàn toàn.

Chưa dừng ! Nguy hiểm hơn. Họ lại quay sang **tấn**

công đòn thứ 6. Lê Đức Anh, Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt (xuất chiêu đủ cả ba) cho rằng Phiêu trực tiếp đàm thoại với Clin-ton như vậy là quá cứng rắn, quan hệ với Mỹ sẽ khó khăn...

Võ Văn Kiệt phát biểu với giọng thống thiết : "Đồng chí Phiêu làm như vậy thì công lao chúng tôi đặt quan hệ với Mỹ lâu nay (mở cấm vận, quan hệ bình thường, các nước của Mỹ đầu tư, cho vay) coi như công dã tràng xe cát ? Rồi đây sẽ hạn chế đầu tư, cho vay, công cuộc xây dựng kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ khó khăn (luận điệu này đương nhiên đã tác động tâm lý làm nhiều người đâm lo, có sức thuyết phục rộng rãi các ngành, các cấp làm kinh tế); thật là nguy hiểm và nguy hại nếu đảng ta không kịp thời đấu tranh".

Còn Đỗ Mười, Trần Xuân Giá hùa vào phê phán quyết liệt Lê Khả Phiêu, lên án tiếp tội lỗi của Lê Khả Phiêu làm trì hoãn ký kết hiệp định thương mại. Cố tình gây cản trở Mỹ và các nước mở rộng đầu tư.

Hai sự kiện hư thực, đúng sai như thế nào ?

1. Việc tiếp xúc với Clin-ton tổng thống Mỹ. Khi Clin-ton tiếp xúc và nói chuyện với giáo viên, sinh viên tại trường Đại Học Quốc Gia Hà Nội với giọng trịch thượng, tiếp xúc với một số nơi nhằm xóa nhòa tội ác, đánh đồng ta như Mỹ. Chính Phiêu muốn tỏ cho Clin-ton biết rằng : "Lịch sử là không thể phủ định, không thể xóa nhòa, không thể đánh đồng người bị xâm lược với kẻ đi xâm lược, lên án Mỹ chia cắt nước ta, gây chiến tranh xâm lược ta chứ không phải nhân dân ta gây chiến", làm cho Clin-ton không được chơi trội, gây mơ hồ ảo tưởng... Nội dung ứng xử của Phiêu đã được cán bộ, đảng viên nhất trí, các cụ hưu trí và nhân dân rất hoan nghênh, đồng tình, hả dạ. Tại sao ba cố vấn và Giá lại buồn, lại lo và phê phán ?

2. Vấn đề ký hiệp định thương mại Việt Mỹ. Ban đầu Mỹ thảo hoàn toàn bằng tiếng Anh. Nguyễn Tấn Dũng và Mạnh Cầm ở lại Mỹ vội ký tắt rồi mang về báo cáo với Phiêu và ngày 27-7-1999 (sau này ta mới biết lúc ấy Cầm và Dũng xin cho con học ở Mỹ, được Mỹ nhận cấp học bổng). Phiêu ngầm đưa cho các trí thức chuyên gia kinh tế tham khảo và hỏi ý kiến anh Giáp, vì trong văn bản có 40 điều hoàn toàn có lợi cho Mỹ, bất lợi cho ta. Phiêu đưa Bộ chính trị, đa số đồng ý hoãn, chưa ký.

Ngày 1-4-1999 Lê Đức Anh thúc ép Phiêu, bảo Phiêu phải cho ký. Phiêu bảo phải chờ ý kiến tập thể Bộ chính trị. Lê Đức Anh hùng hổ nói "Dù có tập thể cũng phải ký". Phiêu bực mình đáp "Anh nói như vậy là vô nguyên tắc". (Sau này ta mới biết con trai Lê Đức Anh được Mỹ cấp học bổng du học tại Mỹ). Trong khi họp Bộ chính trị để bàn thì chỉ có Tấn Dũng (phó thủ tướng) và Cầm có ý kiến phải ký. Phan Diễn ngập ngừng. Phiêu gạn hỏi Diễn "Anh đồng ý ký hay không ?". Diễn ấp úng : "Ồ, ờ... thì ký".

Sau đó ta buộc Mỹ phải xuống thang, chịu sửa lại một số điều khoản bất lợi cho ta, ta mới ký bằng cách gợi ý cho tổng thống Pháp Chirac mời cho ta gặp Mỹ tại Pháp trong chuyến công cán châu Âu. Phiêu gặp Clin-ton qua hội đàm, ta hé mở ý tứ mập mờ cho Clin-ton ngầm hiểu "nếu Mỹ không chơi với ta thì ta chơi với EU (Liên Hiệp Châu

Âu), Nhật, Trung Quốc". Từ đó Mỹ sửa và ta chịu ký.

Trong Bộ chính trị thừa nhận việc ta hoãn ký hiệp định thương mại Việt-Mỹ, ứng xử với Clin-ton là đúng. Nhưng khi cố vấn đưa ra hội nghị 11b phê phán, quy tội cho Phiêu thì tất cả Bộ chính trị ngồi đó làm thinh để một mình Phiêu đối đáp (tại sao?). Chứng tỏ ban cố vấn có liên quan thao túng Bộ chính trị.

Chưa thôi ! Họ tập trung vợ vét **ra đôn thứ 7**. Họ quay sang phê phán Phiêu tại sao sử dụng Nguyễn Chí Trung làm thư ký riêng. Họ vu khống là lý lịch Trung không rõ, nào là thành phần trên, gia đình thuộc lớp trên, quan hệ chính trị xấu (trước kia) nhưng không phải vậy. Đến khi chị Mỹ phát biểu tổng hợp và kết luận ba vụ đều là vu khống hiểm độc của ban cố vấn. Chị Mỹ chất vấn : "Những vấn đề các cố vấn đưa ra là gốc ở đâu ? Vấn đề A10, vấn đề Trung Quốc, vấn đề quan hệ với gái gái điệp chả phải là vấn đề gì cả. Chị Mỹ cho là vu khống".

Họ lại quay sang vu khống chị Mỹ (chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra trung ương). Lê Đức Anh trực tiếp tố cáo chị Mỹ là ăn hối lộ với Lê Minh Hương. Đồng chí Minh Hương vặn lại : "Anh nói chắc không?". Lê Đức Anh nói chắc, giả đò về lấy sổ tay ra có ghi mấy dòng để chứng minh. Hương báo với Phiêu. Phiêu cử người đi xác minh là không có. Hỏi lại Anh. Anh từ chối là không có tố cho chị Mỹ. Hương nói : "Chính anh báo với tôi mà, anh Anh?".

Những vấn đề khác như đề bạt Lê Hải Anh, vấn đề Xiêm Riệp, địa phương chủ nghĩa đều là chuyện vụn vặt, hội nghị không ai bàn đến làm gì. Cuối cùng hội nghị 11a, 11b đều không có cơ sở, lý do gì để kết tội, thi hành kỷ luật đối với Lê Khả Phiêu.

Phiêu còn hai việc tồn đọng khó thanh minh : một là, vụ rỉ tai Vịnh, hai là, việc quan hệ với Hà.

Nhưng còn nhiều vấn đề đối với mấy ông cố vấn mà chưa nói được hết. Ví như :

1. Vấn đề lịch sử chính trị của Lê Đức Anh :

- Cho con đi học ở Mỹ. Trước đây Anh đồng ý một bộ phận chuyên môn của Mỹ ở lại Bệnh Viện 108 để nghiên cứu (Đoàn Khuê và Lê Khả Phiêu bác bỏ).

- Tình hình bạo loạn ở Tây Nguyên thì Anh nói là chuyện trẻ con, chúng nó làm gì lấy được Tây Nguyên. Phiêu lại nói : "Đó là vụ bạo loạn chính trị đằng sau là Mỹ, đẹp ngay".

- Lê Đức Anh nhận tiền Đảng Đình Loan (phần tử xấu), tên Bích (phần tử yếu kém bên Bộ công an), tên Tư Không ở thành phố Hồ Chí Minh (cũng loại xấu) đưa vào làm việc ở bộ phận thư ký của Phiêu, bị Phiêu bác. Trước đây Lê Đức Anh sử dụng và hậu đãi Trần Đình Hoan để y làm loa nói xấu anh Giáp. Lê Đức Anh còn thuyết Ngô Hoàng, thứ trưởng giao thông, nhận thẳng Hà là con trai của mình làm vụ trưởng quốc tế dần dần vào trung ương. Hoàng xin ý kiến Phiêu, Phiêu bác (Lê Đức Anh giận lắm). Sau đó Lê Đức Anh đề nghị đưa Hà lên phó giám đốc Đại Học Bách Khoa, Phiêu nói không được.

- Lê Đức Anh đưa toàn bộ phần tử xấu vào cương vị trọng yếu trong tổ chức đảng và nhà nước, còn ép đưa một số kém vào trung ương. Khi Anh đòi đưa Kiên (tư lệnh

Quân Khu 7) ra thay Trà, Phiêu không đồng ý. Anh lại giữ Trà ở lại bộ trưởng Quốc Phòng. Anh phê bình Phiêu là không tình nghĩa với Trà (Phiêu định đổi người khác thay Trà). Lê Đức Anh không từ ngõ ngách nào đều vu khống, moi móc nói xấu vấy lỗi cho đồng chí Lê Khả Phiêu.

- Còn việc con trai Lê Đức Anh do Mỹ nuôi học bên đó bây giờ ta mới biết, và Lê Đức Anh được kết nạp vào đảng năm nào, ngày nào, ai giới thiệu, ở đâu ? Lại có tuổi đảng 60 (nghe nói có cụ đã ra tận Bộ chính trị trung ương tố cáo Anh).

2. Còn Đỗ Mười tại Hà Nội có ông bạn thân thiết hỏi tại sao vừa rồi anh làm như vậy (vu khống lật đổ Phiêu), Mười trả lời : "Nó lật tôi, tôi lật lại". (Một câu trả lời "tuyệt hay" của vị nguyên tổng bí thư, nguyên cố vấn Ban chấp hành trung ương). Khó có câu nói nào ngắn chỉ 6 từ mà lột tả được đúng, chính xác cả khẩu khí và bản chất thực của Đỗ Mười, đồng thời cũng là khái quát bản chất, khẩu khí thực của đại đa số những vị có chức có quyền trong Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay như vậy). Rồi Mười lại trách : "Bấy lâu nay vợ chồng Phan Văn Khải đến thăm tôi chứ Phiêu nó có đến thăm tôi bao giờ đâu !". (Khi Phiêu xử lý Ngô Xuân Lộc, Mười phản đối vì Lộc ân tình với Mười, do Mười cất nhắc lên. Chính Mười cấm Phạm Thế Duyệt vào Bộ chính trị, sau khi thôi bí thư thành ủy Hà Nội lại làm thường trực Bộ chính trị...

Hội nghị Ban chấp hành trung ương lần thứ 12 khai mạc gồm 165 đoàn đại biểu (ta hy vọng các đoàn đại biểu địa phương lên sẽ thay đổi cục diện. Lê Khả Phiêu sẽ được đa số ủng hộ tái cử). Lê Khả Phiêu chưa tuyên bố rút thì Trần Xuân Giá đã phê phán Phiêu quyết liệt về việc hoãn ký hiệp định thương mại và cứng rắn với Clin-ton... khi được các nước đầu tư để phát triển kinh tế (đã làm lung lạc các đại biểu về dự đại hội). Tiếp đến Mai Thúc Lân lên gân sỉ vả Lê Khả Phiêu : "Anh là đồ lật lọng. Tại sao trước đây anh nói rút lui... bây giờ lại không rút tên trong danh sách...". (Trước hội nghị trung ương 12, Anh mời Lân đến dùng cơm thân mật và Anh nói với Lân : "Lần này anh sẽ vào Bộ chính trị và làm chủ tịch Quốc Hội". Lân hí hửng quay sang chống Phiêu).

Khi vào chương trình ứng cử vào Bộ chính trị trung ương, trong 165 đoàn đại biểu thì có 155 đoàn giới thiệu Lê Khả Phiêu. Song lấy phiếu thăm dò cá nhân (sự thật họ làm sao không rõ do Phạm Thế Duyệt chủ trì), họ công bố chỉ có 155 đại biểu (trên tổng số hơn một ngàn) giới thiệu Lê Khả Phiêu ?

Đến lúc này Phiêu tự thấy nếu bầu cử trúng vào trung ương cũng thấp, vào Ban bí thư, Bộ chính trị càng khó. Nếu trúng cũng khó làm nên Phiêu rút ra cho an, bằng cách ủy nhiệm cho đồng chí Phan Văn Khải thông báo Phiêu rút khỏi danh sách đề cử.

Đến giai đoạn bầu tổng bí thư. Danh sách dự kiến đưa ra : Trần Đức Lương, Nông Đức Mạnh. Nguyễn Minh Triết phản đối Trần Đức Lương. Triết nói : "Ở miền Nam, miền Trung không ai tin nhiệm anh Lương đâu". (Gần đây vợ chồng Lương sửa lại nhà ở trên một tỷ, còn chuyện gì nữa mà Triết chỉ trích Lương ta không rõ). Thế là chỉ còn lại

một mình Nông Đức Mạnh. Mạnh từ đầu chí cuối luôn từ chối vì trình độ năng lực. Nhưng khi Mạnh tham khảo ý kiến một số đồng chí lão thành trung kiên thì các đồng chí ấy khuyên Mạnh : "Nếu tình huống xấu thì anh phải đứng ra nhận". Mạnh mới nhận đề cử vào cương vị tổng bí thư.

Thế là mưu đồ đảo chính Phiêu thành công, ban cố vấn, đồng thời ghế cố vấn của các vị cũng bị xóa bỏ. Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt bị lực lượng quần chúng chỉ trích, cố xin lỗi theo kiểu dờ dòn xuê xoa. Còn Lê Đức Anh nói tôi làm vậy là để tự kiêu binh, Lê Đức Anh còn rất ngoan cố.

Đến đây ta có thể tạm kết luận : rõ ràng Bộ chính trị, Ban chấp hành trung ương đều bị ban cố vấn vừa khống chế vừa thao túng, là do các cố vấn vừa lộng quyền vừa vô nguyên tắc và quá cá nhân. Bởi vì nhiều vấn đề Phiêu bị vu khống vô nguyên tắc. Nhiều người trong Bộ chính trị biết và thấy bị oan nhưng không dám đứng ra bênh vực, minh chứng cho Phiêu mà ngồi làm thỉnh như Phạm Văn Trà (vì có đến 5 tòa nhà, 3 bà vợ), quân đội không thích, bị kỷ luật khiển trách (đưa lên đài) thế mà vẫn cứ thừa nhận là đủ tư cách đại biểu bầu vào trung ương !

Nguyên nhân sâu xa từ đâu ?

- Đó là vấn đề đấu tranh giữa hai quan điểm và hai đường lối. Đỗ Mười thỏa hiệp với Võ Văn Kiệt từ đầu.

- Lê Đức Anh lộng quyền muốn thống lĩnh quân đội, biến quân đội theo ý đồ riêng của mình, xích gần với Mỹ (bởi vì lịch sử chính trị của Anh còn mờ ám, không phải là đảng viên).

- Sau Võ Văn Kiệt là Trần Bạch Đằng có quan hệ rất phức tạp.

- Mỹ đang hô hào hỗ trợ muốn ta trượt nhanh vào cải cách tư nhân hóa. Ta hiện đang xoay nền kinh tế theo hướng đó. Thực tế là đang đẩy mạnh cổ phần hóa... Vấn đề đầu tư cho kinh tế quốc doanh trước đây gần một ngàn mấy trăm tỷ nay chỉ còn 96 tỷ thì còn làm ăn gì được nữa? Nền kinh tế của ta đang có nhiều cơ hội hội nhập và cũng đầy thử thách cam go.

Kết luận

Phải chăng đánh đổi Lê Khả Phiêu là đánh đổi đường lối chính trị, tổ chức, đánh đổi ngọn cờ : độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đây là cuộc đấu tranh một còn một mất giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa của đảng ta. Bởi vì lực lượng hữu khuynh đang chiếm đa số trong đảng. Số tích cực, kiên định đường lối xã hội chủ nghĩa chỉ chiếm 1/3 trong Bộ chính trị, 1/3 trong trung ương, 1/3 dưới chi bộ và các cấp.

Nền nhà ta chưa vững chắc, tư tưởng chính trị chính thống của ta chưa kiên định, nền kinh tế thị trường luôn có hai mặt.

Những sự kiện tóm lược trên đây là tình hình đã qua, quá đau lòng và khó hiểu.

Ta mong rằng từ nay về sau và mãi, không xảy ra và thực hiện đúng di chúc Bác Hồ.

Tóm lược xong đêm 21-7-2002

Nguyễn Chí Trung

Vài suy nghĩ sau khi đọc

"TỔ QUỐC ĂN NĂN"

Vũ Hoàng

Chắc chắn đây sẽ là một cuốn sách có giá trị lớn, vì nó chứa đựng và đề cập đến nhiều vấn đề của xã hội Việt Nam đương đại như : lịch sử, văn hóa, chính trị...

Cuốn sách đã và sẽ còn gây ra nhiều tranh cãi và suy tư. Lần đầu tiên mà trong một cuốn sách, tác giả đã lật lại nhiều thời kỳ và các nhân vật lịch sử... với nhiều nhận định và đánh giá mới. Nhiều người đọc xong, có thể bị "sốc" bởi vì nó hoàn toàn trái ngược với những gì chúng ta đã được biết đã được đọc trong sách vở.

Đúng hay sai chúng ta sẽ chờ thêm ý kiến của các nhà nghiên cứu lịch sử, tuy vậy bằng những lập luận sắc bén và thuyết phục, tác giả đã cho chúng ta quyền nghi ngờ tính xác thực của sách vở viết về lịch sử của Việt Nam ta như hiện nay.

Để phân tích và mổ xẻ tác phẩm này, chúng ta phải cần nhiều thời gian và sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Điều mà tôi muốn chia sẻ với các bạn hôm nay đó là sự ảnh hưởng của nền văn hóa Khổng giáo đối với sự phát triển của xã hội Việt Nam trong quá khứ cũng như hiện tại. Tôi cũng muốn chia sẻ với tác giả *Tổ Quốc Ăn Năn* vì có lẽ đây là nỗi ưu tư lớn nhất của ông cũng như tất cả chúng ta, những người đang rất quan tâm đến vận mệnh của Đất nước.

Nhiều người trong chúng ta chắc đã tốn nhiều thời gian để đi tìm cho mình một lý giải. Tại vì sao dân tộc Việt Nam lại nghèo khổ thế ? Tại sao chúng ta phải chịu nhiều cuộc chiến tranh thế ? Tại sao chúng ta lại thua kém và tụt hậu thế so với các nước trong khu vực, cũng như trên thế giới? Tại sao và tại sao ? Đây là nguyên nhân gây ra sự thống khổ này ?

Chúng ta được giáo dục và giải thích rằng : do đất nước chúng ta còn nghèo nàn và lạc hậu, bởi chiến tranh liên miên, bởi thiên tai khắc nghiệt... Theo tôi cách giải thích này không ổn. Chẳng lẽ trên thế giới chỉ có nước Việt Nam ta sinh ra là phải chịu kiếp nghèo khổ suốt đời sao ? Chẳng lẽ chỉ Việt Nam là bị chiến tranh tàn phá thôi sao ? Nước Đức đã từng bị hồng quân Liên Xô gần như san phẳng, nước Nhật cũng từng bị Mỹ ném bom nguyên tử để hủy diệt... thế rồi họ cũng chịu cảnh nghèo khó hay sao ? Về thiên tai, như tác giả đã nói và tôi cũng tin, Việt Nam không nhiều hơn và cũng không ít hơn các nước khác. Vậy thì tại sao ? Những người đối lập thì cho rằng bởi tại Đảng Cộng Sản Việt Nam là nguyên nhân chính, điều này không sai nhưng cũng chưa đầy đủ lắm, cộng sản đâu có phải là những người từ trên trời rơi xuống ? Họ cũng là người Việt Nam, sinh ra và lớn lên sau lũy tre làng với tuổi thơ gắn liền với cây đa, giếng nước, sân đình... với tiếng ru ầu ơ của các bà mẹ tảo tần sớm hôm... Vậy thì tại sao ?

Sau khi đọc bài "Bàn về trí thức Việt Nam" của Phạm Thị Hoài và đặc biệt là sau khi đọc cuốn *Tổ Quốc Ăn Năn* của Nguyễn Gia Kiểng, tôi có thể tin rằng nguyên nhân

của sự nghèo khó và lạc hậu của chúng ta là do chính nền văn hóa của chúng ta, cụ thể là văn hóa Khổng giáo. Nó đã ăn sâu vào trong tiềm thức của mỗi con người Việt Nam ta, từ những người thông minh nhất cho đến những kẻ ít học nhất. Văn hóa Khổng giáo đã ảnh hưởng tai hại với chúng ta như thế nào thì tác giả của *Tổ Quốc Ấn Nãi* đã phân tích rất rõ ràng và cụ thể rồi, tôi xin được chia sẻ với các bạn một lần nữa.

Thứ nhất đó là tâm lý cam chịu, khuất phục kẻ mạnh, suy nghĩ và hành động bởi sự áp đặt của giai cấp thống trị. Không những người nông dân mà ngay cả tầng lớp được coi là tinh hoa của xã hội - đó là tầng lớp trí thức, sĩ phu - cũng như vậy. Họ cố gắng học hành đỗ đạt rồi mục đích cuối cùng cũng chỉ để làm quan, rồi phục vụ cho một ông vua nào đấy. Họ cúi đầu tuân theo như một cái máy, mọi mệnh lệnh mà vua ban ra. Cho dù ông vua đó chỉ là một đứa trẻ hoặc một kẻ độc ác, tàn nhẫn. "Vua bảo thần chết, thần không chết là không trung" (quân xử thần tử, thần bất tử bất trung) là một trong những nguyên tắc sống cơ bản của văn hóa Khổng giáo, mà ngày nay nhìn nhận dưới nhãn quan của thế giới văn minh thì là thật quái gở và dã man. Một ông quan dù cho có tài giỏi đến đâu, đôi khi chỉ vì một câu xu nịnh, xúc xiểm của kẻ tiểu nhân, và chỉ cần một cái phẩy tay của vua thì ông quan đó đầu đã lia khỏi cổ, có thể cùng với vợ con. Đau đớn thay là họ chấp nhận số phận đó như là một lẽ dĩ nhiên, để bảo vệ danh tiết, để được tiếng là "tôi trung". Một câu chuyện đau lòng nhất trong lịch sử Việt Nam là trường hợp của Nguyễn Trãi, một anh hùng dân tộc, một danh nhân lịch sử, một con người tài ba, văn võ song toàn. Vì ảnh hưởng của văn hóa Khổng giáo nên ông không tự mình đứng lên phát cờ khởi nghĩa mà phải đi tìm một trang anh hùng hảo hán, Lê Lợi, để phò tá, và rồi chỉ vì một cái chết "bác đắc kỳ tử" của một ông vua mà Nguyễn Trãi đã bị một người con của người bạn mình hạ lệnh tru di tam tộc. Thật là đau đớn.

Với danh nhân Nguyễn Bình Khiêm cũng thế, tài năng là vậy mà cũng đâu dám lập nên nghiệp lớn, trong khi đó Nguyễn Hoàng chỉ là một viên tướng, vì sợ chúa Trịnh hăm hại đã sai người nhà mang lễ vật đến để xin Nguyễn Bình Khiêm một lời khuyên và chỉ nhận được mấy chữ "Hoàn Sơn nhất đá, vạn đại dung thân". Nguyễn Hoàng chột hiểu và đã tìm mọi cách để được bổ làm quan trấn thủ Thuận Hóa. Chúa Trịnh không phải không biết Nguyễn Hoàng là một anh hùng, có mưu đồ dựng nên nghiệp lớn, nhưng vì Thuận Hóa là một vùng đất biên cương xa xôi, cho rằng Nguyễn Hoàng không làm được gì, hơn nữa chúa Trịnh đã giữ lại người anh cả của Nguyễn Hoàng làm con tin, nên đã chấp nhận. Rồi như chúng ta đã biết Nguyễn Hoàng đã lập nên nhà Nguyễn ở Đàng Trong và mở mang bờ cõi Việt Nam đến tận mũi Cà Mau như bây giờ. Như vậy Nguyễn Bình Khiêm đã nhìn được thời cuộc nhưng đã không làm gì. Với văn hóa Khổng giáo, người trí thức đã đánh mất mình. Ngày hôm nay mọi người trí thức đều hiểu rằng chế độ cộng sản đã lỗi thời và lạc hậu rồi nhưng họ vẫn cố bảo vệ, bằng cách bôi nhọ, tham gia đàn áp những người đối lập cho dù trong lòng không hề muốn. Biết là sai

những vẫn cứ làm ? Còn giới trí thức mang danh nhà giáo thì ra sức nhồi sọ và đầu độc con em chúng ta, những tâm hồn trong trắng và thơ ngây, bằng một đồng kiến thức vô bổ, sai lệch sự thực mà chính họ cũng biết là sai.

Trong chương trình văn học hàng tuần của đài RFI (Pháp) đã giới thiệu một cuốn sách mới của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đó là *"Tuổi 20 yêu dấu"*. Có lẽ tác giả đã không ngoa khi nói rằng nền giáo dục trung học và đại học của Việt Nam đều đáng vứt đi cả, tác giả gọi bọn giáo sư đại học là những kẻ thối tha, lên bục giảng thì toàn nói những nói cuội, nhiều khi chẳng hiểu là đang nói gì nữa, và trường đại học là nơi đào tạo ra những kẻ lưu manh chuyên nghiệp...

Một ví dụ nữa đó là chương trình "Nữ sinh và tương lai" phát trên kênh VTV4. Những em học sinh tuổi 15-16 lên truyền hình cứ nói như những con vẹt về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, công ơn trời bể của Đảng... Người xem không thể không cảm thấy thương cho các cháu và hết sức oán giận những thầy giáo vô lương tâm, họ đang đầu độc thế hệ trẻ. Hồi còn đi học, thỉnh thoảng tôi hay đọc thấy trong điều văn các vị lão thành cách mạng, các vị lãnh đạo Đảng khi qua đời. Thường có những câu như *"đồng chí sớm tham gia cách mạng và giác ngộ cách mạng khi tuổi mới 13"*. Tôi không thể hiểu được sao các vị ấy giỏi thế, thánh thế. Tôi đã gần 40 tuổi, sống ở nhiều nước, chứng kiến bao nhiêu là đổi thay của thế giới, đọc và tìm hiểu bao nhiêu là sách vở... mà còn chưa dám chắc là hiểu hết được tình hình trong nước và Trung Quốc, thì không hiểu các vị ấy mới 13-14 tuổi học hành chẳng đâu vào đâu, vì nhà nghèo, suốt ngày chăn trâu, cắt cỏ, thế mà vẫn giác ngộ cách mạng được, thế mới tài. Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh thật là tuyệt vời !

Ảnh hưởng lớn thứ hai của văn hóa Khổng giáo mới mà *Tổ Quốc Ấn Nãi* đã phân tích rất cụ thể, đó là tâm lý tôn sùng bạo lực : được làm vua thua làm giặc. Văn hóa Khổng giáo dạy rằng : tôi trung chỉ thờ một vua, cho dù vua đó có là hôn quân hay bạo chúa cũng phải thờ. Nếu có kẻ nào đó định canh tân hay thay đổi đất nước cho tốt hơn thì liền bị những quan lại, sĩ phu tìm cách tiêu diệt ngay. Nhưng nếu có một kẻ anh hùng nào đó thay đổi được thời cuộc thì chính những tên quan lại và đám sĩ phu đó lại cúi rạp người tung hô vạn tuế, cho rằng mệnh trời đã đổi.

Đảng Cộng Sản Việt Nam, bằng sự bền bỉ và kiên trì, khi thời cơ đến đã dành được chính quyền. Đó là lúc Nhật hất cẳng Pháp khỏi Đông Dương, sau đó Nhật lại bị quân đồng minh đánh bại, Việt Nam trong một thời gian ngắn trở thành vô chủ, đảng cộng sản đã nhân cơ hội nắm lấy vận mệnh đất nước. Sau khi trở lại Việt Nam, người Pháp đã phải công nhận chính phủ của ông Hồ Chí Minh, nước Pháp lúc đó đã suy yếu nhưng vì danh dự họ yêu cầu chính phủ mới chấp nhận Việt Nam nằm trong khối Liên Hiệp Pháp. Vì tâm lý tôn sùng bạo lực, chính phủ Hồ Chí Minh đã bác bỏ thẳng thừng đề nghị này, cho nên đất nước vừa giành được độc lập lại phải tiếp tục 9 năm kháng chiến trường kỳ, và rồi cả cuộc đấu tranh vũ trang thống nhất đất nước sau này cũng vậy.

Tâm lý được làm vua thua làm giặc ảnh hưởng rất xấu đến quá trình dân chủ hóa đất nước. Đảng Cộng Sản Việt Nam, sau khi dành được chính quyền và thống nhất đất nước bằng vũ lực, đã tự cho mình cái quyền làm vua, tất cả những ai không đồng quan điểm đều bị coi là giặc, là phản động cả. Tiếc thay, trong dân chúng vẫn còn có người nghĩ như thế. Những người nói lên sự thật với mong muốn làm cho đất nước tốt hơn đều bị chụp cho cái mũ là "phản động" là "giặc" cả. Thành ra nhiều người biết cũng không dám nói, không dám đấu tranh vì ai cũng sợ mang tiếng là "giặc" cả. Đành gió chiều nào xoay chiều ấy.

Trong thế giới văn minh không ai là vua và cũng không ai là giặc cả. Chính quyền là do dân bầu lên để điều hành đất nước, nếu chính quyền hoạt động kém hiệu quả thì dân chúng lại bầu lên một chính quyền khác, không ai là vua cả. Đất nước là của chung tất cả chúng ta, ai cũng có quyền chia sẻ và gánh vác.

Công bằng mà nói, Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng muốn cho đất nước phát triển lắm chứ, nhưng họ phải hiểu rằng muốn phát triển bền vững thì phải có cạnh tranh lành mạnh. Không chỉ có trong thương trường mới cần cạnh tranh mà trong chính trường cũng cần có cạnh tranh. Phải có đa đảng, phải có đối lập mới kiểm soát được lẫn nhau, chúng ta không thể vừa đá bóng vừa thổi còi được. Tôi nghĩ rằng họ hiểu rất rõ nhưng - vì tâm lý "được làm vua, thua làm giặc" - họ rất sợ có đa đảng và dân chủ, vì nếu không may thất bại trong các cuộc bầu cử họ phải làm "giặc". Theo tôi, có lẽ vì tâm lý này nên họ phải ra tay đàn áp đối lập, kể cả đối lập ôn hòa và tiến bộ, cho dù trong thâm tâm cũng thừa biết những người này không có tội tình gì. Cho dù có phải ra tay đàn áp thì trong lòng họ cũng có ít nhiều sự kính trọng và khâm phục, chỉ vì muốn giữ ngai vàng nên họ đành phải nhẫn tâm. Đây thật sự là một sai lầm, bởi vì chế độ phong kiến đã lụi sâu vào dĩ vãng, tâm lý "được làm vua, thua làm giặc" không còn chỗ đứng trong thế giới văn minh. Liên Xô và Đông Âu sau khi tan rã đâu có cảnh trả thù, bắn giết lẫn nhau? Hơn nữa Việt Nam ta đâu còn là một quốc gia riêng biệt nữa mà muốn làm gì thì làm. Liên Hiệp Quốc, các quốc gia văn minh, các tổ chức bảo vệ nhân quyền... sẽ can thiệp mỗi khi các chính quyền vi phạm những quyền tự do căn bản của con người đã được cả thế giới xác nhận

Dự án *Thành Công Thế Kỷ 21* đã phân tích rõ những nguy cơ này và đề nghị một mô hình chính trị có thể xem là một sự lựa chọn duy nhất đó là chế độ đại nghị và tản quyền. Tâm lý "được làm vua thua làm giặc" sẽ bị loại bỏ hoàn toàn, sự xung khắc giữa đảng cầm quyền và các đảng đối lập sẽ giảm thiểu đến mức tối đa. Chỉ khi chúng ta loại bỏ hoàn toàn tâm lý này thì những người cộng sản và dân chủ mới ngồi lại được với nhau, trong một mục tiêu chung là xây dựng lại đất nước Việt Nam. Những người cộng sản đừng xem đối lập ôn hòa là kẻ thù, là "giặc" nữa, họ cũng đang ưu tư và lo lắng cho tương lai của đất nước. Những người dân chủ cũng không nên có thái độ hằn học với chính quyền cộng sản, tốt hơn là hãy bắt tay nhau cùng xây dựng lại đất nước.

Muốn có sự thay đổi mà không xảy ra sự xáo trộn lớn, đảm bảo bình yên cho dân chúng, chúng ta phải thay đổi **từ trên xuống dưới**, trong trật tự và có kiểm soát. Phải thay đổi thượng tầng chính trị trước như sửa lại hiến pháp, tự do báo chí, tự do ngôn luận, các đảng chính trị được hoạt động v.v. tiến tới bầu cử tự do. Qua đó đất nước mới thật sự có dân chủ, tự do, pháp trị.

Nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn cứ tiếp tục cai trị bằng chế độ độc tài, hà khắc, đất nước còn xáo trộn, lòng người không yên. Do bản chất của độc tài là ngoan cố và mù quáng, họ sẽ đẩy dân chúng vào chỗ bần hàn. Và bất cứ cuộc thay đổi nào **từ dưới lên** - các cuộc nổi dậy của dân chúng, dù tự phát hay có tổ chức, dù to hay nhỏ - cũng để lại những hậu quả vô cùng nghiêm trọng, như vụ ở Thái Bình và Tây Nguyên.

Thay đổi tư duy trong văn hóa không phải là chuyện dễ, nhưng dù muốn hay không chúng ta cũng không có con đường nào khác. Trong cố gắng này, vai trò của tầng lớp trí thức như các chính trị gia, nhà văn, nhà báo, nhà giáo, doanh nhân, những người có lương tâm và hiểu biết là vô cùng quan trọng. Họ phải thực sự từ bỏ tâm lý làm "tôi tớ" cho bất cứ ai, bất cứ một thế lực nào để thực sự nắm lấy vai trò lãnh đạo đất nước, vai trò tiên phong của mình. Họ phải suy nghĩ và hành động bằng sự hiểu biết của chính họ chứ không phải của ai khác. Họ cũng có trách nhiệm là làm cho dân chúng hiểu được những điều mà họ biết và tin.

Vũ Hoàng (Moskva)

"Chế độ độc tài này sẽ là chế độ độc tài cuối cùng tại Việt Nam. Rũ bỏ được nó, đất nước ta sẽ vĩnh viễn đi vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do, dân chủ và bao dung, kỷ nguyên của những cố gắng chung và của thành công chung".
(*Thành Công Thế Kỷ 21*, Tóm lược, trang 142).

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Giá một năm báo là 35 Euros. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Giá một năm báo là 35 Euros. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*,
Konto nr : 00 77 70 82 94 - Bankleitzahl : 50 19 00 00.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamland 76, 7542 CJ Enschede. Giá một năm báo là 35 Euros. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Hoa Kỳ : Thông Luận, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Quan My Lan*. E-mail : qml@thongluan.org.

Một sự kiện thật đáng tiếc :

Báo "THƯ NHÀ" đình bản vĩnh viễn !

LTS : Qua thư sau đây gửi ông Nguyễn Ngọc Lan và các cộng sự viên của báo Thư Nhà, linh mục Chân Tín đã nhận danh chủ nhiệm đình bản vĩnh viễn tờ báo công giáo đối lập này. Đây quả là một sự kiện thật đáng tiếc. Càng đáng tiếc nếu người ta nhớ lại những gì đã xảy ra chung quanh tờ báo giá trị này.

Những người dân chủ Việt Nam hẳn còn nhớ tờ báo Tin Nhà trước đây, một tờ báo rất đặc sắc do một nhóm trí thức công giáo, gồm linh mục Chân Tín, ông Đỗ Mạnh Tri, ông Nguyễn Ngọc Lan, ông Nguyễn Hữu Tấn Đức và một số vị khác mà chúng tôi xin phép không nêu tên, phát hành tại Pháp và phổ biến ở khắp nơi, kể cả Việt Nam. Linh mục Chân Tín và ông Nguyễn Ngọc Lan ở trong nước, các vị khác ở hải ngoại. Tin Nhà đã đem đến cho độc giả những tin tức chính xác và quan trọng, cùng với những bài nhận định thật sâu sắc. Không thể tìm được một ban biên tập vững chắc như vậy. Họ là một nhóm nhỏ thân thiết với nhau và giống nhau trên hầu hết mọi mặt : cùng là tu sĩ hoặc cựu tu sĩ công giáo, cùng là những trí thức có trình độ và đạo đức cao, cùng chia sẻ lập trường khuyển tả trước 1975, cùng đứng trong hàng ngũ

những người dân chủ quyết tâm nhưng ôn hòa, cùng lứa tuổi xấp xỉ 70 hiện nay trừ linh mục Chân Tín ngoài 80 đóng vai trò anh cả. Điều quý giá hơn nữa là không ai trong nhóm có tham vọng cá nhân nào, tất cả chỉ vì dân chủ, đất nước và tôn giáo. Người ta khó có thể tưởng tượng ra một nguyên nhân nào có thể chia rẽ họ. Nhưng bất ngờ một việc khó tưởng tượng lại xảy ra : tờ Tin Nhà đình bản vì bất hòa nội bộ cuối năm 1999. Một thời gian sau, tờ Thư Nhà xuất hiện với linh mục Chân Tín làm chủ nhiệm và ông Nguyễn Ngọc Lan làm chủ bút. Sau gần ba năm và 17 số báo, bây giờ đến lượt tờ Thư Nhà cũng đình bản vì cùng lý do : bất hòa nội bộ.

Phải nghĩ gì ? Năm người rất đáng quý và rất quý mến nhau đã tan rã. Còn lại hai người cũng tan rã. Tất cả đều là những người rất đứng đắn nên không ai có lỗi cả, lý do có thể chỉ giản dị là vì người Việt Nam chúng ta thiếu khả năng làm việc chung nên những nhóm tưởng như không thể đổ vỡ cũng vẫn có thể đổ vỡ. Chỉ biết tiếc mà thôi chứ không thể qui trách ai cả.

Sau đây là nguyên văn thư của linh mục Chân Tín quyết định đình bản vĩnh viễn tờ Thư Nhà.

Sài Gòn, ngày 15-9-2003

Anh Lan và các bạn thân mến,

Sau khi **THƯ NHÀ** số 17 đã phát hành, tôi cũng như anh Lan, tuy không nói gì với nhau về số báo đó, nhưng không tránh được những suy nghĩ trái ngược nhau.

Đi LaVang về, tôi nhận **THƯ NHÀ** số 17. Tôi rất thất vọng vì hai chữ "trần" tình, anh Lan để ở mục lục và thư của cha Nguyễn Văn Lý gửi cho Hội Đồng Giám Mục Việt Nam mà không có một entête nào để giải thích thái độ quay 180 độ của cha Lý trong vấn đề nhân quyền và tự do tôn giáo của chế độ cộng sản Việt Nam. Lối trình bày của anh Lan để lộ rõ ý của anh nhằm lên án cha Lý coi "trần" con người thật của mình, không xót thương. Điều này sẽ làm Đảng và Nhà Nước hả hê, nhưng bạn bè đấu tranh thất vọng.

Tôi không thể chấp nhận cho **THƯ NHÀ** theo lập trường ấy. Tôi là chủ nhiệm **THƯ NHÀ**, tức là có trách nhiệm về đường lối của **THƯ NHÀ** đối với độc giả. Do đó, tôi không hỏi ý kiến anh Lan mà tự ý thêm vào dòng chữ "sau hai năm tẩy não" vào hai chữ "trần" tình của anh Lan và đầu thư của cha Lý. Đồng thời ở trang cuối, tôi cho đăng lá thư cha Nguyễn Văn Lý tuyên bố trước ngày bị bắt : "*Nếu sau ngày tôi bị cộng sản Việt Nam bắt, tôi có viết hoặc có nói điều gì mâu thuẫn tại Tuyên Ngôn 10 điều ngày 24-11-2000 (...) thì chỉ là do THỦ ĐOẠN GIAN DỐI của cộng sản Việt Nam mà thôi*". (Nhà thờ An Truyền, ngày 19-3-2001).

Như vậy, tôi bênh vực cha Lý đã bị "tẩy não" rất đáng thương, đáng trọng tại trại giam Nam Hà (Bắc Việt). Phải có "tẩy não" mới biến đổi một con người can đảm dám đấu tranh với cộng sản Việt Nam, dám nói thẳng nói thật với đảng độc tôn, thành một cái máy không hồn viết ra những gì bọn cai tù nhét vào đầu cha Lý với những phương pháp tẩy não khoa học như tại Liên Xô và Đông Âu ngày trước. Với những lời lẽ rào trước đón sau một cách quá đáng, bọn

cai tù lại làm rõ việc tẩy não : "*Con không bị tra tấn, nhục hình, thẩm vấn, áp lực, yêu cầu, gợi ý gì hết. (...) Không có gì để sợ hãi hay bị mê hoặc bởi thú vui thể tục, không bận tâm đến vinh quang ô nhục trần gian và các vấn đề về bản thân quá nhỏ của con*". (Thư viết tại trại giam Nam Hà, ngày 17-4-2003).

Sự mâu thuẫn giữa lập trường của tôi và anh Lan đã có dịp nổ ra cách đây một năm và tôi đã có ý định thôi làm chủ nhiệm **THƯ NHÀ** như các anh đã biết. Không thể có hai lập trường đối nghịch nhau trong **THƯ NHÀ** về cuộc tranh đấu cho nhân quyền và tự do tôn giáo.

Do đó, để tránh tình trạng "ông nói gà bà nói vịt" trong những vấn đề quan trọng của cuộc đấu tranh cho nhân quyền và tự do tôn giáo trong chế độ cộng sản Việt Nam.

Với tư cách là chủ nhiệm, tôi quyết định đóng cửa vĩnh viễn báo **THƯ NHÀ.**

Tuy thế, chúng ta tiếp tục giữ tình nghĩa anh em đã cùng nhau đấu tranh cho Giáo Hội và Đất Nước.

Tôi nay 83 tuổi, đã mệt mỏi với nghề báo nói thẳng nói thật trong hai chế độ quân phiệt và cộng sản từ năm 1961 đến năm 2003. Tôi cũng muốn nghỉ làm báo, dành ngày giờ còn lại để tiếp tục lo việc dạy giáo lý và truyền giáo.

Xin chân thành cảm ơn anh Lan đã nhọc nhằn trong cương vị chủ bút và các cộng sự viên khác đã chung lòng đấu tranh cho nhân quyền và tự do tôn giáo, trong **THƯ NHÀ**.

Nghỉ viết báo trên **THƯ NHÀ** không có nghĩa là ngưng đấu tranh cho nhân quyền và tôn giáo ở Việt Nam. Chúng ta vẫn tiếp tục đấu tranh qua các phương tiện khác.

Tôi cũng cảm ơn độc giả trong cũng như ngoài nước đã ủng hộ lập trường đấu tranh của chúng tôi trong mấy năm qua và hẹn gặp nhau qua các phương tiện khác.

Thân mến.

Chân Tín

Những trở ngại trong tiến trình dân chủ hóa đất nước

Nguyễn Gia Thường

Tại sao chủ nghĩa cộng sản tại Việt Nam, tại Trung Hoa lục địa và tại Bắc Hàn vẫn còn trụ lập, trong khi chủ nghĩa này đã tàn lụi và không còn chỗ đứng khắp nơi trên thế giới ?

Có lẽ nền văn hóa của người Việt nói riêng và người Á Đông nói chung đã có những điểm mấu chốt nào đó khiến cho chế độ cộng sản vẫn còn tồn tại được tại những nơi này. Phải có một mối tương quan nào đó mà cho đến nay ít ai để ý tìm hiểu. Hoặc giả chúng ta trốn tránh không muốn biết sự thật ; hoặc giả là chúng ta đã tự mãn với bao nhiêu quá khứ mà ta cho là oai hùng và tự ru ngủ để rồi bước sang thế kỷ thứ 21 luôn mãi chấp nhận mình là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới mà không hổ thẹn. Có tìm ra được nguyên do thì chúng ta chắc chắn sẽ thoát ra khỏi những đam mê, những ngu muội đang đưa và tiếp tục đưa dân tộc Việt Nam vào vòng vong thân, vay mượn xứ người, suốt đời nô lệ mà không biết mình nô lệ. Không phải ngẫu nhiên mà chủ nghĩa cộng sản vẫn còn duy trì được tại Á Đông, đặc biệt là ở Việt Nam : chính chủ nghĩa cộng sản đã giúp cho Khổng giáo thực hiện được giấc mơ "thế giới đại đồng".

Một trong những nguyên do chính của sự bén rễ của chủ nghĩa cộng sản tại Á Đông là văn hóa. Và văn hóa của người Á Đông phát xuất phần lớn từ Khổng giáo. Đã có những gợi ý nói lên sự kiện này, nhưng có lẽ vì người Việt không thích ai nói động đến mình, mặc dù là đúng, nên đã có những phản ứng gay gắt và ngừng ở phần tố khổ cá nhân đã phát biểu ý kiến nhưng không đi xa hơn nữa để tìm hiểu xem có phải đúng chủ nghĩa cộng sản là hậu thân của Khổng giáo hay không.

Gần đây ông Pierre Brocheux có viết một quyển sách về ông Hồ Chí Minh (1) và nghĩ rằng ông Hồ đã cố gắng đem áp dụng vào Việt Nam một nền văn hóa hỗn hợp pha trộn Khổng giáo (trong đó có Mạnh Tử, Tuân Tử và Vương Dương Minh) với chủ nghĩa Mác-Lê. Ông Brocheux đã hé mở phần nào khía cạnh tiếp nối của ý thức hệ cộng sản với văn hóa Khổng Mạnh trong phần cuối của quyển sách.

Trong bài tham luận này chúng ta sẽ không luận công cũng như luận tội ông Hồ. Việc này chắc chắn sẽ do lịch sử trong tương lai xét xử, ở đây chúng ta chỉ tìm hiểu xem đã có những hậu thuẫn nào giúp chủ nghĩa cộng sản trụ được tại các nước Á Đông.

Văn hóa Á Đông

Văn hóa Á Đông, trong đó có văn hóa Việt Nam, đã thấm nhuần từ trên ngàn năm nay ba nền đạo giáo lớn, đó là đạo Lão, đạo Khổng và đạo Phật. Cả ba nền đạo giáo này đều chú tâm đến tính hài hòa của con người với xã hội và từ chối không đi vào con đường luận lý trừu tượng.

Một trong những câu chuyện tiêu biểu nhất của văn hóa Á Đông là chuyện "Tái Ông Mất Ngựa" hay là "Họa

Phúc khôn lường" (2). Một ông lão họ Tái ở gần cửa ải có con ngựa tự nhiên đi sang nước Hồ mất. Người quen kẻ thuộc đều đến thăm hỏi. Ông lão nói : "Mất ngựa thế mà phúc cho tôi đấy biết đâu !". Cách mấy tháng con ngựa về lại quyến thêm được một con ngựa hay nữa. Người quen kẻ thuộc đều đến mừng rỡ : "Được ngựa thế mà họa cho tôi biết đâu !". Từ khi được ngựa hay, con ông lão thích cưỡi, chẳng may ngã què chân. Người quen kẻ thuộc đều đến hỏi thăm. Ông lão nói : "Con què thế mà phúc cho tôi đấy biết đâu !". Cách một năm có giặc Hồ. Nhà vua bắt lính đi đánh giặc. Quân lính mười người chết đến chín. Chỉ con ông lão, vì què không phải đi lính, mà cha con vẫn có nhau.

Câu chuyện này tóm tắt nhân sinh quan căn bản của người Á Đông đối với cuộc sống. Thế giới luôn thay đổi và đầy mâu thuẫn. "Họa trung hữu phúc, phúc trung hữu họa" (Trong cái họa có cái phúc, trong cái phúc tiềm ẩn cái họa). Đó cũng là tất cả triết lý của Kinh Dịch. Đạo Lão là nguồn gốc của nghệ thuật trị bệnh Đông phương, áp dụng nguyên lý âm dương và ngũ hành tương sinh tương khắc của Kinh Dịch. Khổng Tử không phải là một lãnh tụ tôn giáo, ông chỉ là một triết gia về luân thường đạo lý. Trong hệ thống này ông đã định vị cho tất cả những mối tương quan của con người với tha nhân, với xã hội. Khổng giáo cũng như Lão giáo không chú trọng đi tìm chân lý mà chỉ chú trọng đi tìm Đạo, tìm lẽ sống trên trần gian này hay đi tìm thầy để học Đạo để tu thành Tiên. Quan niệm thăng tiến riêng cá nhân không có ; những mỹ từ như "Vinh quy bái tổ" hoặc "Áo gấm về làng" nói lên việc cá nhân đỗ đạt hay làm quan là để cả họ được nhờ. Cá nhân phải cố gắng tôn vinh dòng họ, cá nhân chỉ hiện hữu trong mối tương quan với họ hàng với xã hội, cá nhân không thể là một đơn vị độc lập. Chính vì vậy những đệ tử của Khổng giáo tin rằng bản chất con người dễ nhào nặn, uốn nắn để cho vào khuôn phép (tương đương với lò luyện "kỹ sư của tâm hồn" của Staline).

Đạo Lão chú trọng đến thiên nhiên và cuộc sống nông thôn. Đạo Khổng chú trọng đến gia đình, đến vấn đề giáo dục và vấn đề thăng tiến kinh tế. Chính vì vậy nên người ta thường nói khi người Á Đông thành công đó là nhờ đạo Khổng, khi thất bại đó là vì đạo Lão. Có một điều rõ rệt là triết lý Á Đông thiếu hẳn môn tìm hiểu nguồn gốc của sự hiểu biết (epistémologie)(3). Tam Giáo đều quan tâm đến tinh thần hài hòa (harmonie), tính cách toàn diện (holisme) và mối tương quan hỗ tương của một sự vật với mọi sự vật. Thuyết Tam Tài nói lên sự cộng hưởng của ba yếu tố Thiên, Địa, Nhân. Ba yếu tố này giao hưởng với nhau để đi đến sự hài hòa của vũ trụ.

Người Á Đông không thích lý luận trừu tượng, họ rất thực tiễn. Họ thích dùng những ngụ ngôn, ngụ ý và ngụ hình để răn đe dạy đời. Những triết gia Trung Hoa và người Á Đông thời nay nhìn thế giới như là một tổng hợp những

biến chất (cái vòng sinh khắc của Ngũ Hành : Thổ, Kim, Thủy, Mộc, Hỏa). Trong khi đó các triết gia Hy-lạp và phần đông người Tây phương nhìn thế giới là tổng hợp những sự vật rời rạc (các sự vật được cấu tạo bởi nguyên tử, phân tử, điện tử, trung hòa tử, vân vân) và họ đi tìm nguyên lý của những kết hợp đó.

Văn minh của Trung Hoa đã đi tiên phong trong việc khám phá những kỹ thuật mới như sáng chế ra giấy, mực, kinh đào, đồ gốm, đồ sứ, la bàn, vân vân. Họ cũng biết xem xét thiên văn và chế tạo luôn cả chấn động ký (séismographe). Nhưng sau đó họ ngưng, họ không đi xa hơn nữa. Điều này chứng tỏ những phát minh mới của Trung Hoa là do óc thực tiễn hơn là do óc phân tích và tìm hiểu nguồn gốc của sự vật. Chính vì óc thực tiễn cao độ đó, nên tất cả nền triết học Trung Hoa chỉ chú trọng đến những giềng mối của con người với xã hội. Và Khổng giáo đã có công kinh điển hóa và hệ thống hóa mối tương quan này, vạch rõ những tương quan giữa vua và tôi, vợ và chồng, cha và con, bạn bè với bạn bè. Tất cả hệ thống an bài xã hội này đã khiến cho cá nhân cảm thấy mình là một thành phần nhỏ của một cơ chế to lớn hơn, ràng buộc với nhau bằng những khuôn mẫu đạo đức.

Để so sánh với chủ nghĩa cộng sản, con người chỉ là một bộ phận nhỏ bé trong guồng máy của xã hội chủ nghĩa, có thể thay thế một cách dễ dàng không chút thương tiếc để bảo đảm cho một tương lai sáng lạn hơn cho xã hội. Đảng là đỉnh cao của trí tuệ loài người, nên đảng luôn sáng suốt và có tư cách của một minh chúa để dẫn dắt chỉ đạo con dân trên con đường sáng lạn của chủ nghĩa xã hội, nhưng đi mãi mà chẳng bao giờ tới đích.

Ý niệm dân chủ và tự do

Do đó những ý niệm dân chủ và tự do là những ý niệm hoàn toàn xa lạ đối với người Việt Nam cho mãi đến giữa thế kỷ thứ 19, khi người Việt tiếp xúc với văn minh Tây phương và người Việt có được chữ Quốc ngữ vào đầu thế kỷ thứ 17 do công trình của giáo sĩ Alexandre de Rhodes (1591-1660). Tương tự, ý niệm nhân quyền cũng hoàn toàn mới lạ đối với người Việt vào thời đó và cho đến nay vẫn còn mù mờ đối với một số đông người Việt. Người Âu Châu thấm nhuần tư tưởng của những triết gia Hy-lạp coi cá nhân là một đơn vị biệt lập và cá nhân đó có mối giao ước xã hội với những cá nhân khác. Chính quyền là môi giới để bảo đảm quyền lợi, tự do và bổn phận của những cá nhân đó với nhau. Trái lại, người Việt nhìn xã hội không phải là một sự tụ họp của những đơn vị cá nhân mà là một sinh vật to lớn, trong đó cá nhân chỉ là một phần tử. Cá nhân chỉ được hưởng quyền lợi khi nào tập thể xã hội ban bố một phần quyền lợi cho cá nhân đó. Cá nhân không được coi là một thực thể độc lập, có sáng kiến, có tinh thần độc lập và có trách nhiệm. Truyền thống dân chủ phát sinh từ nền văn hóa Hy-lạp, khởi nguyên từ sự tôn trọng cá nhân và ý niệm tự do cũng phát sinh từ đó.

Vào buổi giao thời nước Việt Nam muốn thoát ra khỏi ảnh hưởng của Trung Hoa nhưng lại rơi đúng vào lúc các

thế lực Tây phương đẩy mạnh phong trào mở mạng bờ cõi tiến chiếm thuộc địa. Nước Việt Nam tiếp xúc với văn minh Tây phương trong mối tương quan tổ chủ. Với sự phát sinh của chữ quốc ngữ, người Việt đã gỡ bỏ được phần nào ảnh hưởng của Trung Hoa, nhưng lại không may trở thành thuộc địa của Pháp. Người Việt lại không may một lần nữa: trong công cuộc tìm kiếm độc lập đất nước lại bị chia cắt làm đôi. Sau 30 năm chiến tranh ý thức hệ, anh em tàn sát lẫn nhau, lại thêm một cái không may lần nữa, nước Việt Nam đã chọn con đường gọi là "xã hội chủ nghĩa", những tưởng rằng đem lại "độc lập, tự do, hạnh phúc" cho mọi người dân. Nhưng nó đã trở thành một chế độ phong kiến mới với ông tổng bí thư có quyền lực của một vị vua, với bộ chính trị và trung ương đảng là quần thần trong cung, với cấp cán bộ tại tỉnh tại huyện, tại xã đối xử với dân như một lũ cường hào ác bá. Chủ nghĩa cộng sản đã đưa Khổng giáo đạt đến cao điểm "thế giới đại đồng" mà nó hằng mong ước.

Những cản trở tâm lý

Nền văn hóa Khổng Lão, rất thích hợp với một nền kinh tế chuyên về nông nghiệp, trong đó yếu tố con người hài hòa với thiên nhiên, với xã hội là một yếu tố nổi bật. Nhưng cho đến ngày nay, thế giới đã bước sang kỷ nguyên hậu kỹ nghệ (post-industriel). Những khuôn thước đó không còn thích hợp nữa. Không phải ngẫu nhiên mà các chế độ độc tài xã hội chủ nghĩa Á Đông đang tìm cách tôn vinh trở lại Khổng Tử : bây giờ họ mới nhận định ra Khổng Tử chính là người giúp họ củng cố địa vị, giúp cho họ ổn định xã hội theo chiều hướng họ định đoạt.

Dựa vào tâm lý hài hòa xã hội, Đảng Cộng Sản Việt Nam một mặt triệt tiêu những thành phần ưu tư đến vận mệnh của đất nước đòi hỏi thay đổi thể chế ; và một mặt kêu gọi quần chúng tham gia xây dựng đất nước. Theo như lý luận của họ, tình trạng của Việt Nam đã khá lắm rồi, chỉ nên cải thiện đôi chút là được rồi ; dân chủ đa nguyên theo kiểu Tây phương chỉ đi đến hỗn loạn. Đảng cộng sản tự nhận đã có công trạng lớn trong quá khứ, nay đảng làm gì thì làm, có độc tài, có đàn áp đi nữa, nhân dân cần phải kính trọng đảng, vì đảng hiện nay đang ổn định trật tự xã hội, đảm bảo thái hòa cho đất nước. Đảng không biết rằng đó là sự thái hòa của những bãi tha ma.

Với tâm lý "khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống", người Việt Nam trong thời kỳ bị đô hộ đã tỏ ra khôn ngoan vượt bậc và đã đánh đuổi được mọi nước có ý đồ muốn thôn tính Việt Nam, nhưng một mặt khác nó cũng dẫn đến tâm lý kẻ sĩ chờ thời, tâm lý Khương Tử Nha. Khi đất nước loạn ly, khi thời của tiểu nhân thịnh phát thì người quân tử lui về ở ẩn và chờ thời. Nhưng đôi khi chờ thời mãi, chẳng thấy thời đâu mà chỉ thấy bọn tiểu nhân tung hoành liên tục. Không phải vô cớ mà nước Việt Nam có những kẻ lãnh đạo không có trình độ học vấn cao, chẳng qua một số đông những bậc anh tài của Việt Nam đều cùng có một quan niệm chờ thời, đành để mai một tài năng của mình mặc cho kẻ tiểu nhân lộng hành và tự nguyện rửa vận nước

chưa đến thời thái lai.

Cùng với quan niệm Á Đông "sinh sinh, hóa hóa của vũ trụ", người Việt Nam nghĩ rằng vạn vật đã được an bài theo một chu kỳ nhất định, nên chẳng nhọc công tìm hiểu vũ trụ thêm làm gì cho mệt nhọc. Những cuộc thay đổi ở đời cũng vậy, chỉ là một cuộc hoán chuyển tạm bợ. Với những hành trang tâm lý đó thử hỏi nước Việt Nam có thoát khỏi ảnh hưởng của các thế lực quốc tế không? Chắc chắn là không. Nhưng nếu người Việt Nam không thay đổi quan niệm định mệnh tính của mình, chắc chắn Việt Nam suốt đời không lệ thuộc nước này cũng lệ thuộc nước khác. Cái chữ độc lập chỉ là một mỹ từ để người Việt tự đánh lừa nhau. Cái sự khôn ngoan của người Việt chỉ là để phục vụ cho người khác, giống như sự khôn ngoan của kẻ sĩ phục vụ cho một đế vương hoặc một minh chúa.

Chấm dứt độc tài và thiết lập dân chủ đa nguyên

Hiện nay chế độ cộng sản tại Việt Nam đang mục rữa và nếu người Việt không có phản ứng gì cả, nước Việt Nam sẽ mục nát theo.

Đại đa số người Việt đã đồng ý chế độ độc tài đảng trị là một tai họa và cần phải thay đổi. Giai cấp cầm quyền đã bị phân hóa trầm trọng và khả năng tự tồn như một đoàn thể không còn bao nhiêu. Tất cả những điều kiện để đi đến một cuộc cách mạng đúng ý nghĩa của nó đã hội tụ gần như đầy đủ. Chỉ còn hai yếu tố quan trọng mà chúng ta chưa thực hiện đúng mức: đó là đồng thuận trên một thể chế dân chủ và một tập hợp chính trị có đủ tầm vóc thay thế đảng cộng sản với tập đoàn tư sản đỏ hiện nay. Đảng cộng sản Việt Nam hiện nay không còn thực chất nữa, họ đã mất gần hết chỗ nương tựa, họ chỉ còn mỗi một thần tượng để họ đánh bóng; nhưng càng đánh bóng họ lại càng làm hình ảnh người này lố bịch thêm. Nhưng cái khó khăn trước mắt của chúng ta là người Việt chưa tạo được một đối lực khả tín để từ đó có thể thay đổi chế độ này một cách quyết liệt nhưng không đổ máu. Thể chế tương lai của Việt Nam khả dĩ không thiệt hại đến sinh mệnh của người Việt là dân chủ đa nguyên, trong đó mọi người đều có tiếng nói của mình, đều có chỗ đứng của mình mà không sợ bị bắt bớ và ám hại. Các bạn trẻ hiện nay như Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn và rất nhiều chiến sĩ dân chủ tại Việt Nam đang làm đầu tàu đứng lên đảm trách nhiệm vụ dân chủ hóa đất nước. Chúng ta phải có bốn phận hỗ trợ không ngừng nghỉ những chiến sĩ này. Được sự hỗ trợ của cộng đồng người Việt hải ngoại, chắc chắn phong trào dân chủ trong nước sẽ lan rộng và chế độ độc tài đảng trị hiện nay chỉ là một ác mộng qua mau.

Nguyễn Gia Thuồng (Bruxelles)

(1) *Ho Chi Minh - Du révolutionnaire à l'icône*, Pierre Brocheux, Biographie Payot, 2003.

(2) *Cổ học tinh hoa*, Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Tử An Trần Lê Nhân, Nhà xuất bản Thư Xuân, 1962.

(3) *The geography of thought*, Richard E. Nisbett, The Free Press (A Division of Simon and Schuster Inc.), 2003.

Ký sự:

Người Việt ở Liên Xô

Uông Toàn Phong

Cộng đồng người Việt ở Nga là một cộng đồng được hình thành muộn so với những cộng đồng người Việt hải ngoại khác trên thế giới. Người Việt Nam đầu tiên đặt chân lên đất nước Nga theo hiệp định hợp tác lao động là vào năm 1981, con số này tăng dần lên trong suốt thập kỷ 1990, cho đến năm 1991, thì kết thúc cùng với sự sụp đổ của Liên Xô.

Những người đến Liên Xô thời đó (bao gồm Nga và các nước thuộc Liên Xô cũ như: Ukraina, Bielorussia...) đa số xuất thân từ những gia đình cán bộ, có công với cách mạng, con em của những gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội phục viên...

Một thời kỳ niệm

Chúng tôi đến Nga vào một ngày mùa đông. Cái cảm giác đầu tiên của chúng tôi khi đặt chân đến nước Nga là sự ngỡ ngàng, nó giống như anh nhà quê ra tỉnh, cái gì cũng đều mới mẻ và xa lạ. Chúng tôi được người của nhà máy lên Mátxcơva đón và đưa về thành phố tiếp nhận. Trên đường về tôi có cảm giác nước Nga thật là rộng, đi mãi vẫn chưa thấy hết! Xe đưa chúng tôi đi qua những cánh đồng tuyết phủ trắng xóa, thỉnh thoảng gặp một vài ngôi nhà nóc phủ một lớp tuyết dày, ống khói nhả ra từng làn khói mỏng. Lúc đó chúng tôi có cảm giác như đang lạc vào xứ sở của những chuyện thần tiên hay cổ tích. Nhưng khi vừa vào đến thành phố những cảm giác đó liền biến mất, thay vào là sự ảm đạm với những ngôi nhà cao tầng lạnh lẽo, u tối, đứng sừng sững giữa cảnh vật im lìm và trầm trụi. Đường phố vắng vẻ không người qua lại, cây cối đều rụng hết lá chỉ còn trơ trụi những cành cây khẳng khiu, xám xịt... Dường như không có sự sống trong thành phố.

Chúng tôi bắt đầu cuộc sống mới với tâm trạng nhớ nhà, cô đơn, buồn tủi, xa lạ... Thế rồi sau ba tháng học tiếng Nga chúng tôi bắt tay vào công việc, thật ra là lao động chân tay. Vì làm theo dây chuyền nên công việc cũng khá nhẹ nhàng và đơn giản. Người Việt vốn thông minh và học nhanh nên chẳng bao lâu đã thành thạo. Chỉ có các công nhân xây dựng là hơi vất vả vì phải "dầm mưa (tuyết), dãi nắng" suốt ngày ở ngoài trời.

Chúng tôi sống trong các kí túc xá, bốn người một phòng, đi làm cùng giờ, về cùng giờ, trang phục bảo hộ, áo khoác, giày dép giống hệt nhau, cứ như là trong quân trại của những người lính. Ăn uống thì hồi đầu ở nhà ăn, sau khi đi làm thì ăn ở nhà máy, vì ở Liên Xô không có lệ nghỉ trưa lâu để có thể về nhà ăn trưa và nghỉ ngơi như ở Việt Nam. Sau này, do thức ăn của nhà máy không hợp khẩu vị với nhiều người, chúng tôi quyết định tự đi chợ và nấu ăn lấy.

Liên Xô là một đất nước rộng lớn bao gồm rất nhiều

thành phố, người lao động Việt Nam sống rải rác trên hầu hết các thành phố lớn nhỏ. Thời đó những người phụ trách phân phối dân cư lao động Việt Nam thường sắp xếp theo phái tính, do đó có nhiều thành phố tập trung hàng nghìn công nhân nữ mà không hề có một nam nhân trai nào, và ngược lại. Chúng tôi vô cùng thiếu thốn tình cảm và rồi những người con xa xứ, cô đơn thường tìm đến nhau để chia sẻ nỗi buồn xa xứ. Cứ mỗi cuối tuần là cùng rủ nhau đi thành phố khác chơi, nếu là con trai thì tìm đến các thành phố có đông con gái, và con gái thì tìm đến những thành phố có đông con trai. Không biết bao nhiêu kỉ niệm vui buồn đã để lại những dấu ấn không bao giờ quên trong tâm trí mỗi người. Thường thì kỉ niệm vui nhiều hơn kỉ niệm buồn, những ngày ấy mỗi lần cánh đàn ông chúng tôi làm khách đến thăm các kĩ túc xá nữ thì không có gì hạnh phúc và sung sướng cho bằng. Cho dù bạn và tôi có xấu xí hay khó nhìn đến đâu đi nữa thì đến đó cũng sẽ được các cô đón tiếp như những ông vua thật sự. Những nữ công nhân son trẻ sẽ bằng mọi cách kéo đến xem mặt bạn và lần la bắt chuyện ; nếu bạn bước chân vào nhà nào đó chơi thì đó là một vinh hạnh cho gia chủ. Đến bữa ăn, bạn chỉ cần nếm qua mỗi món một miếng thôi là cũng đủ no rồi, hình như đây là những dịp để các cô gái trở tòi nội trợ khéo léo của mình nên đã làm không biết cơ man nào món ăn, mà chính họ cũng thừa hiểu là Thánh cũng không thể ăn hết.

Và chỉ độ đôi tiếng sau là lại phải ăn bữa nữa. Cảm giác tuyệt vời của thời đó đó đến giờ vẫn còn nguyên vẹn trong tôi. Thời đó chúng tôi cảm thấy sống thật là đẹp, thật là tình cảm và trong sáng, bây giờ có mơ cũng không thể tìm lại những ngày hạnh phúc như thế. Cuộc sống của chúng tôi rất là giản dị, chưa biết làm ăn, buôn bán là gì. Kinh tế thị trường vẫn còn quá xa lạ với người Nga và chúng tôi cũng vậy. Đi làm về là chỉ biết tìm đến nhau để vui chơi thôi.

Rồi ngày tháng trôi qua, chúng tôi đã biết góp nhặt và tiết kiệm từng đồng lương ít ỏi của mình để mua đủ thứ bà rằng : xoong nồi, ấm điện, bàn là, tủ lạnh, xe máy Minsk (Minsk)... để đóng thùng gửi về Việt Nam. Về chuyện này đa số chúng tôi đều rất buồn phiền bởi nhiều lý do : gia đình và người Nga. Gia đình chúng tôi đã không những không hiểu hoàn cảnh khó khăn của chúng tôi, phải tiết kiệm từng đồng để mua quà gửi về nhà và không phải ai trong chúng tôi cũng biết buôn bán, mà còn mong đợi chúng tôi gửi hàng về nhiều hơn nữa. Lúc đó Liên Xô đang còn là một quốc gia xã hội chủ nghĩa nên buôn bán là một việc làm tội lỗi và cũng là một sự nhục nhã, người ta cho rằng buôn bán là lừa đảo, ngồi mát ăn bát vàng, không chịu lao động, lười biếng... Vì vậy những thùng hàng ít ỏi mà chúng tôi gửi về thăm đấm mồ hôi, nước mắt, và cả sự ê chề nữa, mỗi khi phải nghe những lời cạnh khỏe, mỉa mai của những dân Nga địa phương. Thế nhưng người ở nhà đã không biết cách sử dụng đồng tiền cho có hiệu quả để thoát ra khỏi cảnh nghèo đói, hoặc giữ lại ít vốn cho con cháu sau này, mỗi khi túng thiếu họ chỉ biết mang hàng hóa nhận được ra bán để lấy tiền tiêu xài, rồi trông đợi chúng tôi tiếp tục gửi hàng về trong tháng sau... để tiêu xài. Có

lẽ người nông dân Việt Nam ta không thích nghi với đổi mới nên có lẽ sẽ còn khổ dài dài.

Sau khi Liên Xô sụp đổ, các nhà máy, xí nghiệp quốc doanh lần lượt bị đóng cửa, cộng đồng người Việt Nam tại Liên Xô mất việc làm. Về hay ở lại ? Đó là một câu hỏi khó. Sau một thời gian suy nghĩ, khoảng 2/3 lao động Việt Nam chọn trở về nước vì ở lại cũng sẽ không tìm được việc làm, và không có việc làm thì rất khó sống... Hơn nữa ở lại chưa hẳn là thức thời vì nhà máy không có tiền trả lương sẽ đành đem con bỏ chợ, sống chết mặc bay. Những người về nước liền thất vọng nhanh chóng, tiền của họ gửi về cho gia đình đã tan theo mây khói như chưa từng hiện hữu trên cõi đời này. Các Cụ nói không sai "tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống" nghèo vẫn hoàn nghèo.

Cộng đồng người Việt tại Nga

Cộng đồng người Việt tại Nga chỉ chính thức định hình từ sau những năm 1990, khi Liên Xô sụp đổ, nhiều người quyết tâm ở lại bám trụ, một phần do không có tiền mua vé máy bay để về nước, một phần thì do biết rằng tương lai không lấy gì làm tốt đẹp đang chờ họ ở Việt Nam.

Cộng đồng người Việt ly hương tại cựu Liên Bang Xô Viết này tiếp tục được bổ sung và tăng lên theo thời gian. Đó là những người đã từng sinh sống tại Liên Xô cũ sau khi trở về nước đã bằng mọi cách trở lại đây vì thất vọng. Họ đã về nước với rất nhiều háo hức được gặp lại người thân sau một thời gian dài xa cách, rồi cảm giác mừng tủi thương yêu đó nhanh chóng qua đi để trở về với cuộc sống bình thường. Họ đã cố gắng để hòa nhập với cuộc sống mới, nhưng đời lắm nỗi trái ngang, họ không thể tìm cho mình được một công việc nào cho thích hợp, cho nên đành phải liên lạc với bạn bè cũ còn bên Nga để tìm cách sang lại. Thành phần thứ hai là những người có thân nhân như anh, em, cô bác... bên này, nên khi được bảo lãnh, hay chạy chọt giấy tờ, sang Nga họ có ngay việc làm để không phải bơ vơ, đầu đường xó chợ. Dòng người này cho đến bây giờ vẫn không ngừng chảy đến nước Nga. Thành phần thứ ba là những người sinh sống ở nông thôn, muốn đổi đời. Cuộc sống tại Việt Nam quá ư cơ cực và không có tương lai, nếu ở lại Việt Nam thì cả cuộc đời cũng không kiếm đủ tiền để mua một chiếc xe gắn máy rẻ tiền của Trung Quốc. Họ muốn ra đi đến những miền đất hứa với tâm niệm kiếm một ít vốn rồi về Việt Nam làm ăn.

Với những ước mơ cháy bỏng và chính đáng đó, rất nhiều người Việt tại Nga đã bị lừa, bởi người đứng và bởi chính họ. Trong số những người ở Nga về cũng có một số người có tiền, họ xây nhà cao tầng, cho anh em bà con tiền và mua sắm... Nhưng phần lớn là không có tiền, tay trắng trở về. Cũng vì ảo tưởng quá lớn, những người muốn đổi đời chỉ nhìn vào những người thành đạt và cố quên đi những người thất bại, tay trắng trở về. Nếu có ai đó nhắc nhở họ thì họ cũng tự đánh lừa mình rằng : chắc là do những người này không chịu chí thú làm ăn, mải mê cờ bạc, rượu chè... mới thế ! Và cũng chính vì những ảo tưởng đó nhiều người trong số họ khi đặt chân đến Nga đã nhanh chóng vỡ mộng và thất vọng...

Vì trong thực tế, nước Nga không phải là một thiên đường mà là một địa ngục thì đúng hơn. Sau 1990, những người thi hành pháp luật đã lơ là để cho bọn tội phạm mặc sức hoành hành và người Việt là những nạn nhân đầu tiên được đưa vào tầm ngắm. Có thể nói đây là giai đoạn đen tối nhất của người Việt tại Liên Xô. Không biết bao nhiêu người đã bỏ mạng trên đất này...

Nước Nga thời xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế tự cung tự cấp, cho nên hầu như cái gì cũng thiếu... Có lẽ nước Nga dưới thời cộng sản là một đất nước kì quặc nhất trong lịch sử loài người vì người dân có tiền nhưng không biết để làm gì, không biết mua gì? Vì bao nhiêu năm vẫn đói đầy, vẫn kiểu áo đầy, tất cả vẫn như vậy, nhà cửa xe cộ đều bán phân phối. Tất cả xí nghiệp, nhà máy đều là quốc doanh cho nên những việc làm cơ bản nhất của một nền kinh tế thị trường như: cạnh tranh, đổi mới công nghệ, tạo ra một sản phẩm mới, đẹp, bền rẻ, theo nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng... là điều không hề có trong suy nghĩ của các giám đốc. Nhiều người Nga bây giờ vẫn thường than rằng: cuộc đời thật là vô lí và bất công, ngày xưa khi có tiền thì không có gì để mua còn ngày nay thì cái gì cũng có chỉ có điều không có tiền để mua.

Người Việt bám trụ tại Nga đã nhanh chóng lấp vào khoảng trống này, công việc duy nhất của họ là buôn bán ở các chợ trời để tồn tại. Họ đã biết đánh hàng từ Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ... vào để bán. Đầu mối tập kết là Matxcơva và sau đấy tỏa đi khắp nơi, ngoài giờ đi làm nhà máy người Việt tranh thủ ra chợ bán hàng. Đây cũng là thời kì vàng son của những người đi bán hàng, vì người dân Nga sẵn sàng mua bất cứ hàng gì, từ thượng vàng đến hạ cám đều bán được và với giá rất cao.

Nhiều người trở nên giàu có một cách nhanh chóng, nhưng vì chưa có luật dành cho những người buôn bán nên nếu không may gặp công an là coi như mất sạch. Nổi tiếng nhất là các vụ Đôm 5 và Đôm 11. Đây là hai khu nhà cao tầng được người Việt thuê lại để ở, sau đó biến thành hai trung tâm bán sỉ lớn nhất của người Việt tại Liên Xô cũ, khu này được mệnh danh là thủ đô của người Việt tại Nga. Các đội cảnh sát kinh tế Moskva đã nhiều lần tấn công và mang đi tất cả hàng hóa, tiền nong của người Việt tại đây với tội danh... trốn thuế. Nhiều người đang là ông chủ giàu có trong phút chốc trở thành trắng tay, tứ cố vô thân...

Sau vụ những vụ càn quét này, người Việt tiếp tục làm lại từ đầu. Nhưng lần này có sự giúp đỡ tận tình của những người nghiên cứu sinh, sinh viên, Việt kiều... sau khi học xong đã ở lại Nga làm ăn. Nhờ thông thạo ngôn ngữ và biết cách dằn xếp với các cấp chính quyền... họ đã dần dần tạo cho người Việt tại Nga một chỗ đứng danh dự hơn.

Nhưng có một vấn đề là hầu như tất cả người Việt tại Nga đều có một tâm lí chung là xem nước Nga như một sân ga, một mảnh đất giúp họ kiếm ít tiền mang về bến Việt Nam. Ít ai nghĩ đến chuyện hội nhập vào xã hội Nga để cùng thăng tiến cho nên mỗi khi gặp hoạn nạn, họ chỉ biết cắn răng than thân trách phận chứ không dám làm gì hơn. Do đó, giữa lúc tình hình an ninh tại Nga đang còn lộn xộn, người Việt luôn là đối tượng để bọn tội phạm tấn công và

để công an làm tiền, vì thân phận của người Việt tại Nga rất bọ bọ, thấp cổ bé họng chẳng biết kêu ai.... Tòa đại sứ Việt Nam tại Nga cũng tỏ ra bất lực, thế mà không hiểu tại sao ông Nguyễn Mạnh Cẩm lúc đó là đại sứ lại được rút về nước để làm phó thủ tướng?

Với bọn tội phạm, cướp của người Việt là dễ nhất: chỉ cần một chiếc xe ô tô giả làm taxi chờ trước cổng chợ đợi người Việt đón xe về nhà là chờ thẳng lên đôi Lênin cướp sạch tài sản và thủ tiêu luôn người. Với công an cũng vậy, trấn lột người Việt là dễ nhất bởi vì đa số người Việt tại Nga đều thể hiện ít nhiều tính bất hợp pháp trong việc cư ngụ hay sinh hoạt buôn bán. Chỉ cần chặn xét bất cứ người Việt nào ra vào hay đi lại trên đất Nga đều mang lại lợi lộc (tiền hoặc của hối lộ để được yên hay do bỏ của chạy lấy thân vì đang sinh hoạt bất hợp pháp).

Người Việt tại Nga rất sợ bị cướp cho nên bao nhiêu tiền kiếm được họ đều tìm cách chuyển về Việt Nam. Còn bên này họ sống tạm bợ trong những kí túc xá chật chội và bẩn thỉu... và nhiều khi họ cũng chẳng thèm để ý đến thể diện quốc gia hay là danh dự của bản thân họ nữa. Họ chỉ như cái máy kiếm tiền và kiếm tiền mà thôi.

Thời gian rồi sẽ đổi thay, đến một lúc nào đó nước Nga sẽ ổn định. Người Việt sẽ được nhìn nhận như là một bộ phận dân cư, họ sẽ có nhiều quyền lợi hơn và tâm lí tạm bợ kiểu sân ga sẽ không còn nữa. Các doanh nghiệp Việt Nam trong nước cũng sẽ không bị lãng quên một cách phi phạm như bây giờ nữa vì người Việt có mặt ở hầu hết các thành phố lớn nhỏ trên toàn lãnh thổ cựu Liên Bang Nga, công việc của họ chủ yếu là buôn bán, họ sẽ giúp tiêu thụ hàng hóa sản xuất tại Việt Nam thay vì làm đại lí và bán hàng cho người Trung Quốc và người Thổ... Nhà nước Việt Nam phải tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước có mặt trong thị trường Nga, tuy đầy rủi ro nhưng rất hứa hẹn này.

Về tư duy, cộng đồng người Việt tại Nga hiện nay không quan tâm mấy đến chính trị và thời cuộc, kể cả người và Việt Nam, bận tâm hàng đầu của họ là kiếm cho được nhiều tiền để lo cho gia đình, vợ con, những người thân ở Việt Nam... Có lẽ vì đã mất lòng tin vào Đảng vào Nhà nước, phản ứng của họ là lấy mũi ni che tai... Châm ngôn của mọi người là ta phải cứu lấy thân ta thôi, của người làm gì thì mặc xác các người... Vấn đề của cộng đồng người Việt tại Nga là tuy mang số phận bọ bọ, nhưng họ không hiểu rằng nước có nổi thì bèo mới trôi, số phận của mỗi người gắn liền với số phận chung của cả đất nước và dân tộc, cả nơi sinh trưởng lẫn nơi cư ngụ. Họ không thể sống sung sướng trong khi bên cạnh còn rất nhiều mảnh đời rách nát...

Chúng tôi tin rằng tư duy của những người Việt sống ở Nga, hiện nay khoảng 200.000 người, sẽ thay đổi theo thời gian để thật sự trở thành một cộng đồng Người Việt tại hải ngoại có kiến thức, đầy khả năng và năng động, có thể đóng góp nhiều hơn nữa cho quê hương, cho đất nước như họ đã từng làm, đang làm và còn sẽ làm mãi mãi cho gia đình và vòng đai thân thuộc.

Uông Toàn Phong (Moskva)

Mùa xuân (chợt) nhớ chuyện mai sau

Tưởng Năng Tiến

*Ở mỗi thời kỳ, mỗi dân tộc sẽ phải
cam chịu hay có một số phận xứng đáng
với sự lựa chọn và cách sống của họ.*

Ngô Thế Vinh

Có lẽ do ảnh hưởng khí hậu cũng như thời tiết của mùa Xuân, và vì - dường như - bữa đó, trong không khí, có thoang thoảng chút hương vị Tết nên tôi uống (chắc) nhiều. Cao hứng tôi cất tiếng ngợi khen một nhà văn thứ dữ, ông... Võ Phiến :

- Cái bài anh viết về những bản thảo cũ của Nhất Linh, đăng trên *Thế Kỷ 21* (số tháng 7 năm 2002) đọc hay quá xá. Sao anh minh mẫn, hóm hỉnh và trí nhớ vẫn còn tốt quá trời quá đất như vậy - há ?

Thỉnh thoảng thăm hỏi và nói với nhau đôi lời chân thành và tử tế - kể cả vào lúc (có hơi) quá chén như thế - vốn không phải là chuyện vẫn thường xảy ra giữa hai người Việt ! Bởi vậy, tôi cứ ngỡ là ông Võ Phiến sẽ cảm động chết luôn và sẽ mỉm cười (vô cùng) sung sướng.

Tôi lầm. Ông không cười (cười gượng cũng không luôn); đã thế, còn hóa đăm chiêu rồi bỗng dưng coi nghiêm và buồn - thấy rõ :

- Tui đọc cuốn *Xóm Cầu Mới* của Nhất Linh vài chục năm trước, nhiều đoạn bây giờ vẫn còn nhớ như in... Nhưng cái đầu của mình bây giờ lạ lắm, nó chỉ linh hoạt khi nghĩ tới những chuyện xa xưa, và hay loay hoay tìm về dĩ vãng, chớ không thiết tha gì đến tương lai nữa.

Nghe rồi, tôi cũng thấy buồn luôn, và cũng "hóa đăm chiêu", đầu chùng... nửa tháng. Ông Võ Phiến, dù lập gia đình muộn chẳng nữa, vẫn dư sức có một thằng con trai út - lóc nhóc cỡ tuổi tôi. Tôi trẻ hơn ông rất nhiều mà sao cái đầu cũng quyết liệt từ chối không nghĩ tới tương lai nữa. Coi có ghê chớ không chớ ? Mà đây không phải chỉ là "chuyện riêng" của tôi và ông Võ Phiến đâu nha. In tuồng như là cả dân tộc Việt Nam - bất kể tuổi nào, bất kể đang sống nơi đâu - cũng đều như vậy tuốt !

Cầm thử bất cứ một cuốn đặc san nào đó xuất bản ở hải ngoại mà xem. Khỏi cần coi kỹ, chỉ cần đọc tựa của mấy bài viết không thôi là cũng đủ thấy ngậm ngùi, xót dạ và buồn rầu hết biết : quê xưa - chốn cũ, thầy xưa - trường cũ, chiến trường xưa - đồng đội cũ, người xưa - tình cũ, giòng sông xưa - con đò cũ, xóm làng xưa - bè bạn cũ...

Và đó mới chỉ là những nỗi buồn hạng nhẹ, của những người không nặng ký - chỉ tâm tâm cỡ thường dân - những kẻ mà tâm sự có thể giải bày trong những bài thơ nhỏ, hoặc vài ba trang tùy bút. Những nhân vật quan trọng thì họ viết nguyên cả một cuốn hồi ký đằng hoàng.

Cuốn nào cũng đều mang nặng cả "trời tâm sự". Đôi khi, tâm sự của người này lại đụng chạm đến tâm sự của người kia - hoặc của nhóm người kia - nên sinh ra tùm lum xung đột, hiềm khích, oán thù, tranh chấp... rất ồn ào và (thường khi) rất không cần thiết !

Đó là chưa kể đến những bài khảo cứu công phu về "chuyện xưa tích cũ" (liên quan đến nhân vật này, áng văn kia hay những lỗi lầm - trong quá khứ - của tôn giáo này hoặc tôn giáo nọ), cùng với những giòng thơ văn hoài cổ... đầy nhóc trong sách báo xuất bản ở hải ngoại.

Một đám người thua cuộc, nhà tan cửa nát, hốt ha hốt hải bỏ của chạy lấy người - thoát thân, rồi nằm buồn rầu thoi thóp ở một góc trời xa lạ - và cứ ngoái trông về cố lý mà thương nhớ mãi bến nước xưa, cây cầu cũ, hay cứ tiếc nuối hoài những ngày tháng an bình (hoặc vàng son) đã mất thì (tưởng) cũng là chuyện bình thường thôi chớ ? Có gì lạ đâu mà kiếm chuyện (cà khịa) nãy giờ vậy, cha nội ?

Ý Trời, đừng nói vậy chớ ! Như vậy là gieo tiếng ác và mang tội chết (mẹ) à nha. Tui thiệt tình không (bao giờ) dám kiếm chuyện đăm hơi hay châm chọc gì ai. Nói tình ngay, chả qua vì sợ dĩ vãng của chúng ta quá nặng nề khiến mọi người hóa lè lè (khi xoay trở với hiện tại) và á ngại khi nghĩ đến tương lai (nếu không phải là chuyện tương lai của *riêng* mình) nên tôi thấy có hơi kỳ (và "bàn ra") chút đỉnh - vậy thôi.

Hơn nữa - như đã thưa - cái tâm cảm "*nước còn cau mặt với tang thương*", không phải chỉ tìm thấy nơi những kẻ sống ở nước ngoài hay những người bại trận. Nhà thơ Nguyễn Duy (một chiến sĩ và thi sĩ nổi tiếng của phe thắng trận) ghé về thăm quê - sau hơn một thập niên, kể từ ngày "đất nước được hoàn toàn giải phóng" - cũng đã không nén được bùi ngùi :

Cha ta cầm cuốc trên tay

nhà ta xơ xác hơn ngày xa xưa

lưng còng bạc nặng thêm mưa

bụng nhăn lép kẹp như chưa có gì

(Thanh Hóa, cuối năm Thìn 1988)

Bây giờ là đầu năm Thân, thêm mười sáu năm nữa đã trôi qua. Dân quê Việt Nam vẫn cứ sống trong những căn "nhà xơ xác hơn ngày xa xưa", và vẫn tiếp tục "cầm cuốc trên tay" - như nông dân của thời Trung Cổ. Những kẻ sinh sau đẻ muộn, không còn đất để cuốc, dất dúi nhau rời bỏ làng quê, lần vào thành phố kiếm ăn.

Họ đi xin (nếu không có máu hay có thân hình bán được), hoặc bán sức lao động - dưới mọi hình thức - để sống qua ngày. Giản dị nhất là trở thành cửu vạn. Khỏi phải làm đơn, đờ tốn tiền "cò", không cần hộ khẩu, và cũng chả lo đến lý lịch - kể cả loại lý lịch trích ngang - vì dân cửu vạn chỉ là một thứ một thứ phụ phen (xuống cấp) của thời đại mới. Họ là những kẻ sống bên lề, lề đường, của xã hội cộng sản Việt Nam.

Họ đứng ngồi chờ trực suốt ngày (và suốt đêm) để đợi người "ới" đi làm. Họ sẵn sàng làm tất cả việc nặng nhọc và bẩn thỉu : khuôn vác, dọn nhà, dọn vườn, móc cống, vét rãnh, thông cầu... Và tiền công thì hoàn toàn tùy thuộc vào lòng hảo tâm của người đối diện !

"Giảng Võ, 12 giờ đêm. Đám người lao động ngoại tỉnh,

kẻ đứng người nằm la liệt trên suốt hơn 1 km đoạn đường từ đầu ngã tư Cát Linh - Giảng Võ - Đề La Thành. Thôi thì đủ quê từ Hà Tây, Thái Bình, Nam Định nhưng đông hơn cả vẫn là Thanh Hóa...

Trung bình một ngày họ kiếm được từ 15-20 ngàn đồng, rất vất vả. Thông thường mỗi buổi sáng họ thức dậy từ 6 giờ, quần vải mưa, chần chiếu dúi vào một góc nào đó để tản ra «đứng đường» chờ việc. Trưa và tối thì tạt vào những hàng cơm bụi với mỗi suất ăn giá khoảng 2.000 đồng, thậm chí những hôm không có ai thuê, đành nhịn".

(Quang Hiệu và Vương Linh, "Cửu Vạn Đêm", Lao Động 11-8-2002).

Dễ có đến chừng nửa dân số Việt Nam đang sống (dở) và chết (dở) - như thế - trong những căn "nhà xơ xác" ở thôn quê, hay trên những vỉa hè ở phố thị. Với họ, khi "bàn" đến tương lai, có lẽ tất cả sẽ đều nghĩ ngay đến một nắm xôi - cho buổi sáng sớm mai !

Phần dân chúng còn lại ở Việt Nam thì hẳn là phải có một mức sống khả kham (hoặc khá giả) hơn như vậy. Dù ở thôn quê hay thành thị họ cũng có đủ cơm ăn áo mặc, có nhà cửa (hay "cơ ngơi") tử tế. Dự phóng về tương lai của họ, đối với không ít kẻ, đã vượt qua những nhu cầu vật chất "cơ bản" (như đồng hồ hay xe đạp...) từ lâu. Với những người này - cũng như phần lớn những đồng bào "ăn nên làm ra" của họ ở nước ngoài - khi nói đến chuyện mai sau, họ có thể nghĩ đến tốt... cái sân sau (đang trồng cây ăn trái) hoặc mảnh bằng trước mặt của đứa con vừa (hay sắp) vào đại học. Không ít kẻ còn lo xa cả đến một chỗ để nằm, sau khi tắt thở !

Chung cuộc - xem ra - dường như chỉ có những người đang nắm quyền ở Việt Nam là có khả năng thích ứng với thực tại, và có viễn kiến về tương lai. Sau khi mở cửa với thế giới bên ngoài, chấp nhận luật chơi của kinh tế thị trường, đến khóa họp trung ương đảng kỳ V - từ 18 tháng 2 đến ngày 2 tháng 3 năm 2002 - Đảng Cộng Sản Việt Nam đã chính thức cho phép đảng viên được phép làm kinh doanh tư nhân.

Quyết định "lột xác" biến (cái ọp) từ cộng sản sang tư sản của họ, tiếc thay, đã không được dân Việt hoan nghênh hay khích lệ. Không những thế, một công dân hiện đang sống trong nước đã đưa ra một nhận định (vô cùng) khinh thị - như sau :

"Như thế là mọi chuyện bất chính, bất lương, bất hợp pháp nay trở thành danh chính ngôn thuận hết. Cứ việc nhân danh Đảng mà phù phép biến hóa của công thành của riêng, xí nghiệp quốc doanh thành xí nghiệp tư nhân, của tham nhũng hối lộ thành bổng lộc hợp pháp. Một tuyệt chiêu lưu manh vô địch" (TTN, "Tư Bản Đỏ", Đàn Chim Việt, Sept. 2002, trong 31).

"Tuyệt chiêu" này cũng không được tán thưởng bởi những người Việt khác, dù họ đang sống ở (tận) nước ngoài:

"Đừng để bị huyền hoặc vì danh xưng "tư sản đỏ". Tư sản không có màu sắc, không có tư sản đỏ và tư sản xanh, chỉ có tư sản kinh doanh trong một nước dân chủ pháp trị lành mạnh và tư sản lưu manh trong một chế độ độc tài tùy tiện.

Tư sản đỏ tại Trung Quốc và Việt Nam hiện nay là bọn tư sản lưu manh. Chúng không kinh doanh, chúng bóp nghẹt kinh doanh và làm giàu bằng hối mại quyền thế. Chúng không làm kinh tế thị trường, chúng bóp nghẹt thị trường và làm giàu bằng đặc quyền đặc lợi. Chúng không mưu lợi cho đất nước, chúng cướp đoạt tài nguyên và tiềm năng đất nước để mưu lợi cho riêng chúng. Chúng không cần tài năng dù chúng đứng đầu những công ty lớn, vì chúng không phải cạnh tranh với ai cả. Chúng không cởi mở và tiến bộ dù chúng đi xe hơi sang trọng và du lịch khắp thế giới. Chúng càng không phải là một chặng đường trong cuộc chuyển hóa về dân chủ, trái lại chúng chống lại cuộc đấu tranh cho dân chủ để giữ nguyên đặc quyền đặc lợi".

(Nguyễn Gia Kiểng, "Ai Cầm Quyền", Thông Luận, Dec. 2002, tr. 06).

Khi mà gần nửa dân tộc chỉ nghĩ được tới nắm xôi, nửa còn lại cũng không mấy kẻ nghĩ xa hơn... tô phở - hay bún bò hoặc hủ tiếu... gì đó - và những người lãnh đạo đất nước lại là những kẻ "lưu manh vô địch", chỉ chăm chăm "cướp đoạt tài nguyên và tiềm năng đất nước để chỉ mưu lợi riêng cho chúng" thì chuyện non sông ("gấm vóc") kể như là... rồi - chớ còn (khí) gì nữa ?

Vậy mà vẫn còn có một... nhóm người - có tên là Nhóm Bạn Cửu Long (<http://www.mekongriver.org>) cứ bần khoản mãi về sinh mệnh của một dòng sông. Theo họ: "*Cửu Long Cạn Dòng (là) Biển Đông Dậy Sóng*". Đây cũng là tên tác phẩm mới nhất của nhà văn Ngô Thế Vinh, đã được nhà xuất bản Văn Nghệ (Hoa Kỳ) tái bản hồi đầu năm 2002.

Khi trả lời phỏng vấn của *Tập San Hợp Lưu* (số 56, tháng 12-2000 & 1-2001, do Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện), Ngô Thế Vinh đã bày tỏ sự quan ngại về tình trạng toàn vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long có nguy cơ bị tràn ngập bởi nước mặn, với hậu quả là "...vĩnh viễn chẳng còn đâu một nền Văn Minh Miệt Vườn và cũng không còn đâu vựa lúa để nuôi sống ngót 100 triệu dân của cả nước".

Nếu "cả nước" - từ trong ra ngoài - chỉ quay đầu nhìn về dĩ vãng (để nuôi tiếc hay hậm hực) hoặc chỉ cúi đầu (vì bận kiếm ăn hay vì sợ bị ở tù), và "trộn gói" non sông mang giao cho những kẻ "lưu manh" - những kẻ đủ nhẫn tâm để tháo cạn nước của một giòng sông và đốt cháy nguyên một khu rừng, khi cần vài con cá nướng trui cho bữa ăn chiều trong gia đình họ - thì hiểm họa đang đe dọa dòng sinh mệnh của cả dân tộc Việt, chứ đâu có riêng chi một dòng sông.

Nói chuyện tương lai, giữa những mùa xuân ly loạn, đã không có gì vui mà (dám) còn làm cho không ít người buồn. Nếu lỡ như vậy thì tôi mong được sự bao dung và độ lượng của "toàn thể đồng bào" trong ba ngày Tết. Nếu không có Tết, và không có rượu, bà nội mẹ tui cũng không dám làm mịch lòng - cùng lúc - cả đồng người như thế !

Tưởng Năng Tiến

Tìm đọc Thông Luận và nhiều tiết mục khác
trên internet :

<http://www.thongluan.org>

QUÊ HƯƠNG CỦA STALIN

Bước vào kỷ nguyên dân chủ

Lần đầu tiên một thay đổi chế độ đã diễn ra trực tiếp dưới ống kính của các đài truyền hình. Ngày 23-11-2003, giữa lúc tổng thống Edouard Shevardnadze đang đọc diễn văn trước quốc hội Georgia thì đoàn người biểu tình ở bên ngoài phá được hàng rào cảnh sát xông vào quốc hội. Shevardnadze bỏ chạy và chế độ của ông ta sụp đổ.

Georgia tuy là một nước nhỏ với không đầy 5 triệu dân, nhưng lịch sử lại rất nhiều biến động. Năm 1936, Georgia bị sát nhập vào Nga, thành một nước cộng hòa trong Liên Bang Nga (trước đây Liên Bang Nga là một trong những cộng hòa của Liên Bang Xô Viết, nhưng chính trong nước Nga cũng có những nước "cộng hòa tự trị"). Sự sát nhập này đã không bị người Georgia coi là một tội nhục, vì người chúa tể Liên Bang Nga và Liên Bang Xô Viết lúc đó là Stalin, một người Georgia.

Năm 1991, sau khi Liên Xô tan vỡ, Georgia giành được độc lập, nhưng đã lập tức rơi vào một cuộc nội chiến ngắn nhưng đẫm máu, đưa đến cái chết của tổng thống Gamsakhurdia. Cuối cùng Shevardnadze giành được chức tổng thống năm 1992, nhưng cũng chết hụt nhiều lần trong nhiều vụ ám sát.

Là một cấp lãnh đạo cộng sản kỳ cựu, Shevardnadze được bầu vào Bộ chính trị Đảng Cộng Sản Liên Xô, rồi được làm bộ trưởng ngoại giao của Gorbachev. Ông trở về quê hương cũ sau khi Liên Xô tan vỡ và coi Georgia như của riêng mình. Trong 12 năm cầm quyền, Shevardnadze đã làm cho Georgia suy sụp vì tham nhũng và độc tài.

Trong cuộc bầu cử quốc hội đầu tháng 11-2003, các lực lượng dân chủ đối lập đã thắng lớn, nhưng Shevardnadze đã trắng trợn gian lận, tự tuyên bố đắc cử. Các cuộc xuống đường rầm rộ đã lập tức bùng ra khiến ông ta phải rút lui một cách ô nhục.

Lãnh tụ đối lập, Saakashvili đã tỏ ra khôn khéo và chừng mực, ông tuyên bố sẽ không truy tố Shevardnadze hay bất cứ ai và sẽ tổ chức lại bầu cử quốc hội và tổng thống, thực hiện hòa giải dân tộc. Ông gọi cuộc cách mạng này là cuộc "cách mạng nhung". Có mọi triển vọng ông sẽ thành công.

PHÁP

Giá phải trả cho một tham vọng

Từ sau khi đắc cử tổng thống nhiệm kỳ hai, tháng 6-2001, với một tỷ số áp đảo (hơn 82%), tổng thống Jacques Chirac thay đổi hẳn chính sách đối ngoại cũng như thế chiến lược toàn cầu của Pháp. Mặc dầu vẫn là đồng minh của Hoa Kỳ, Pháp muốn được nhìn nhận như một siêu cường ngang hàng với Mỹ trên chính trường quốc tế. Vấn

đề là Pháp không có tầm vóc của Hoa Kỳ để giải quyết các vấn đề quốc tế. Tham vọng vượt quá khả năng giống như một cuộc tự sát.

Hậu quả của thái độ này đã rất tai hại cho nước Pháp, cả về kinh tế lẫn quan hệ xã hội. Từ 10 năm qua chưa bao giờ đời sống của dân chúng Pháp xuống thấp như hiện nay : từ một quốc gia xếp vào hạng thứ tư về giàu có nay tụt xuống dưới hạng thứ mười, và sẽ còn thấp hơn nữa trong những năm sắp tới. Sự xuống cấp này đã làm cho chất liệu nhân xã của xã hội của Pháp gần như tan rã : uy quyền của chính phủ tại nhiều nơi gần như không còn (quân

khủng bố Corse và thành phần bất hảo Bắc Phi và Hồi Giáo cực đoan tại những khu dân cư bình dân tự do lộng hành), các tổ chức vô chính phủ, cực tả và cực hữu, được sự khuyến khích của một số cấp lãnh đạo địa phương, đang trở thành một

đe dọa lớn trong sinh hoạt chính trị và kinh tế quốc gia.

Về kinh tế vĩ mô, trừ ngành xây dựng mà mức tăng trưởng còn ở trên số âm (+ 0,4% nhờ được chính phủ trợ cấp), tất cả những hoạt động kinh tế khác đều bị sút giảm: tiêu thụ gia đình giảm 0,2%, xuất cảng - 0,6%, đầu tư - 0,4%... Trong sinh hoạt vi mô, tuy chưa đến cuối năm đã có trên 45.800 công ty, xí nghiệp bị tuyên bố khánh tận. Đây là con số phá sản kỷ lục, cao nhất từ sau 1993 đến nay. (Thử so sánh với những quốc gia cùng trọng lượng kinh tế với Pháp trong Liên Hiệp Châu Âu, con số những công ty và xí nghiệp khánh tận năm 2003 tuy có cao nhưng không cao bằng Pháp : Đức có 40.500 vụ, Ý : 16.000 vụ, Anh : 15.200 vụ, Bỉ : 7.650, Hòa Lan : 4.500 vụ). Hậu quả của những vụ phá sản này làm đội quân thất nghiệp ngày lớn thêm, gần 3 triệu thất nghiệp vào cuối năm, 10% dân số hoạt động. (Trong thực tế con số này cao hơn nhiều, khoảng 5 triệu người thất nghiệp mới đúng, vì những người thất nghiệp đang tu nghiệp, sinh viên học sinh vừa ra trường và những người hết được trợ cấp thất nghiệp chính thức đã không được tính vào). Mãi lực kinh tế càng thấp, bất ổn xã hội càng cao, không biết những gì sẽ xảy ra trong những ngày sắp tới. Nhiều cuộc xung đột giữa thanh niên gốc Bắc Phi không tìm được việc làm với lực lượng an ninh đã xảy ra tại những nơi có tỷ lệ thất nghiệp cao.

Theo dự đoán khách quan của những chuyên gia kinh tế và tài chánh quốc tế, mức tăng trưởng của Pháp năm 2003 sẽ từ - 1% đến - 1,3% (chứ không là + 0,3% như chính quyền dự đoán). Tỷ lệ thâm hụt ngân sách năm 2003 được ước tính là 4,3%, vượt xa tỷ lệ lạm phát mà "Khế ước ổn định" (pacte de stabilité) Liên Hiệp Châu Âu cho phép (3%). Mặc dù thoát khỏi sự chế tài của Ủy Ban Châu Âu về vấn đề này, Pháp rất khó trở về mức thâm hụt ngân sách dưới 3%. Tăng trưởng kinh tế phải ở mức + 5% mỗi năm mới có thể bù lấp được vì mỗi năm nước Pháp phải sử dụng 3,3% tổng sản lượng quốc gia (PIB) để trả nợ. Theo dự trù, chỉ số tăng trưởng kinh tế năm 2004 của Pháp chỉ ở khoảng 1,5%, có thể còn thấp hơn nếu tình trạng suy thoái kinh tế này còn kéo dài.

QUỐC HỘI MỸ

lên án nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đàn áp Phật Giáo

Ngày 30-10-2003, trong khóa họp thứ 108, hạ viện Mỹ đã thông qua quyết nghị lên án chính quyền cộng sản Việt Nam liên tục đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất từ gần 30 năm qua.

Bản quyết nghị, sau khi tường thuật khá chi tiết và chính xác những biện pháp đàn áp, với đầy đủ tên các tu sĩ Phật Giáo đang bị bắt giam hoặc quản chế, như việc bắt giam và lưu đầy hai vị lãnh đạo Phật Giáo là Huyền Quang và Quảng Độ, việc bắt và tra tấn tới chết hòa thượng Thích Thiện Minh, việc đưa công an sang tận Cam-bốt bắt cóc thượng tọa Trích Trí Lực, v.v. đã kết luận :

- Hoan nghênh và ủng hộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ;

- Đòi hỏi nhà cầm quyền Việt Nam tôn trọng tự do tôn giáo, trả tự do cho những người bị bắt giữ ;

- Yêu cầu quốc hội Mỹ biểu quyết và tổng thống Mỹ ban hành một đạo luật về nhân quyền tại Việt Nam.

Như thường lệ, phát ngôn viên bộ ngoại giao Việt Nam, ông Lê Dũng, đã lên tiếng bác bỏ nghị quyết này, coi đó như là một can thiệp vào nội tình Việt Nam.. Ông Lê Dũng hình như không hiểu rằng những nghị quyết như nghị quyết này là thông lệ của quốc hội Mỹ và tùy Việt Nam có thực hiện hay không, chính quyền Mỹ sẽ căn cứ vào đó để qui định chính sách ngoại giao và hợp tác.

Áp lực ngoại giao đòi Hà Nội tôn trọng nhân quyền đang tiếp tục gia tăng. Ngày 17-11-2003, 37 dân biểu thuộc tiểu bang California cũng đã ký tên chung trong một thư gửi chủ tịch nhà nước Việt Nam Trần Đức Lương, thủ tướng Phan Văn Khải, tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam Nông Đức Mạnh, chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An, yêu cầu đảng và nhà nước Việt Nam "ngừng mọi đàn áp, bắt bớ và cải thiện tình trạng nhân quyền".

Mặt khác, tổ chức Human Rights Watch, một tổ chức tranh đấu cho nhân quyền rất có uy tín, đã yêu cầu các nước trợ giúp Việt Nam gắn liền sự trợ giúp Việt Nam với việc tôn trọng nhân quyền.

Chính quyền cộng sản Việt Nam sẽ không thể làm ngơ trước những đòi hỏi về nhân quyền mà không bị thiệt hại.

VIỆT NAM

Dân số và lực lượng lao động

Kết quả điều tra dân số và tình hình lao động của Tổng Cục Thống Kê và Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội năm 2003 cho biết : dân số Việt Nam hiện nay là 80,782 triệu người, trong đó thành thị có 20,512 triệu người (25,39%), nông thôn có 60,270 triệu người (74,61%). Chia theo giới tính, phái nam có 39,717 triệu người (49,17%), phái nữ có 41,065 triệu người (50,83%). Tuy giới tính được phân phối tương đối cân bằng nhưng Việt Nam là một quốc gia nông nghiệp, 3/4 dân số vẫn còn tập trung ở nông thôn.

Việt Nam là một dân tộc tương đối trẻ vì số người trong độ tuổi lao động (từ 15 đến 65 tuổi) chiếm 61,22% dân số với 42,128 triệu người, trong đó lao động thành thị là 10.186.900 triệu người (24,18% dân số lao động) và lao động nông thôn là 31.941.500 người (75,82%). Số còn lại, dưới 15 tuổi chiếm 27,62% dân số và trên 65 tuổi : 11,16%.

Trong thực tế, số người thực sự tham gia hoạt động kinh tế chỉ chiếm 33,24% dân số lao động (25,755 triệu người), vì số người tuy đủ tuổi lao động nhưng không tham gia sản xuất chiếm 27,98% (16,373 triệu người), trong đó sinh viên học sinh : 6,325 triệu (10,81%), nội trợ : 2,547 triệu (4,35%), bệnh tật : 932.000 người (1,59%), già yếu (từ 60 đến 65 tuổi) : 5,527 triệu người (9,44%), không có nhu cầu làm việc (giàu có) : 441.500 người (0,75%), và tình trạng khác (tù tội, lao động hay công tác nước ngoài) : 601.300 người (1,02%). Trình độ văn hóa và kỹ thuật của những người ở độ tuổi lao động còn thấp : 18,27% tốt nghiệp trung học, 4,35% mù chữ và chưa tới 21% (8,844 triệu người) có trình độ chuyên môn và kỹ thuật. Sự phân phối lao động cũng không đồng đều, phần lớn lực lượng lao động vẫn còn tập trung vào khu vực thứ nhất (nông lâm ngư mục) : 59% ; khu vực thứ hai (công nghiệp và xây dựng) chiếm 16,4% và khu vực thứ ba (dịch vụ) chiếm 24,6%.

Tỷ lệ thất nghiệp thành thị trung bình cho cả nước là 5,78% dân số, nhưng trong thực tế con số này cao hơn rất nhiều : số người ghi tên xin đi lao động nước ngoài ngày càng đông đảo, không một thanh niên nào nhìn nhận không có công ăn việc làm vì sợ bị đưa đi lao động cưỡng bách... Tỷ lệ người thất nghiệp tại nông thôn tuy không được nêu ra trong bản báo cáo nhưng khủng khiếp hơn nhiều, cao nhất vào mùa mưa và mùa khô. Chỉ cần quan sát đoàn người từ nông thôn ra thành thị kiếm sống là đủ thấy, trong đó hơn 50% không tìm được công ăn việc làm vì không đủ trình độ văn hóa và chuyên môn cần thiết, họ sẵn sàng làm bất cứ việc gì kể cả tội ác.

LAO ĐỘNG XUẤT KHẨU

Hàng hóa chứ không phải con người

Tuy chưa hết năm, chính quyền cộng sản Việt Nam đã ăn mừng xuất khẩu lao động vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2003 : 67.000 người, bằng 134%. Trong thực tế sẽ có khoảng 70.000 lao động được xuất khẩu vào trước cuối năm 2003 và 100.000 người trong năm tới. Năm 2002 Việt Nam đã xuất khẩu 46.000 lao động, thu về 1,3 tỷ USD lợi tức. Khách hàng chính là Nhật Bản, Hàn Quốc, Mã Lai, Đài Loan, Lybia, các quốc gia Ả Rập vùng Vịnh và châu Phi da đen Na Uy và Hy Lạp.

Lao động xuất khẩu hiện nay là nguồn lợi béo bở mà chính quyền Hà Nội không thể bỏ qua và đang tận tình khai thác. Ngoài khoảng thù lao do dịch vụ buôn bán lao động mang lại từ quốc gia nhập khẩu (trên 2 tỷ USD năm 2003), chính quyền cộng sản cũng không ngần ngại làm tiền những người xin đi làm việc ở nước ngoài. Trung bình mỗi người ghi danh phải nộp ít nhất 8 loại lệ phí (khoảng 5.000

USD) cho nhà nước để hồ sơ được xét duyệt : phí đặt cọc (một vé máy bay khứ hồi và ba tháng lương theo hợp đồng), phí dịch vụ xuất khẩu lao động, phí đào tạo và giáo dục định hướng, phí khám sức khỏe, phí làm hồ sơ, thủ tục xuất nhập cảnh đi làm việc ở nước ngoài...

Cũng nên biết, được đi lao động ở nước ngoài ở Việt Nam hiện nay là một may mắn lớn cho chính đương sự và là niềm hãnh diện chung cho cả gia đình. Lý do là vì ở Việt Nam rất khó tìm được việc làm, cho dù với đồng lương thật thấp, khi làm việc ở nước ngoài đương sự được trả bằng đô la Mỹ và nếu biết xoay sở, nghĩa là làm thêm ngoài giờ chính thức, lợi tức sẽ tăng thêm.

Hiện nay làm đơn xin đi lao động nước ngoài là cả một phong trào toàn quốc, từ thành thị đến thôn quê người ta chấp nhận đi vay mượn nặng lãi để làm hồ sơ. Đối với nhiều người, đi lao động nước ngoài còn là một hình thức vượt biên bán chính thức để thoát khỏi sự nghèo khó tại quê nhà, nhất là những thiếu nữ nghèo khó hy vọng tìm được chồng người nước ngoài.

Biết được ước muốn này, những nhân viên phụ trách làm hồ sơ đã không ngần ngại trấn lột triệt để những người này. Trong thực tế người xin đi lao động nước ngoài phải chi ít nhất 10.000 USD để hồ sơ được chấp nhận ; chi phí này cao hay thấp tùy thuộc vào trình độ chuyên môn và lý lịch của cá nhân và gia đình đương sự.

Tuy vậy không phải người lao động xuất khẩu nào cũng gặp may mắn, đa số bị phân biệt đối xử, bạc đãi và khinh bỉ. Một số chủ nhân thuê mượn nguồn lao động Việt Nam đã đối xử với những người này như là nô lệ, nghĩa là muốn hành hạ hay sai khiến gì cũng được. Nhiều người đã phải bỏ về vì còn chút tự trọng và tự ái dân tộc, những người khác cắn răng chịu đựng với hy vọng dành dụm được một ít tiền mang về cho gia đình khi mãn hạn hợp đồng.

Trong một quốc gia bình thường, xuất khẩu lao động là chuyện chẳng đáng dừng, bắt đầu dĩ lắm mới làm, vì danh dự quốc gia và nhân phẩm người lao động. Nếu có chẳng thì cũng chỉ giới hạn trong một khoảng thời gian nhất định và với một số lượng cố định, vì lao động là một tài nguyên quốc gia. Chỉ nguồn lao động này mới góp phần làm gia tăng trị giá tổng sản lượng quốc gia, do đó bất cứ chính quyền nào cũng phải chăm sóc và bồi dưỡng nguồn tài nguyên quý báu này để không bị thất thoát ra nước ngoài. Cũng bằng mọi cách các quốc gia có nguồn lao động dồi dào thường mở rộng cửa khuyến khích tư bản nước ngoài vào đầu tư, như vậy cả hai cùng có lợi : tư bản nước khai thác được nguồn nhân công rẻ tiền tại chỗ, tổng sản lượng của quốc gia sở tại sẽ tăng cao và như vậy lợi tức đầu người cũng tăng theo. Đáng này, chính quyền cộng sản Việt Nam đã làm hoàn toàn ngược lại, chỉ thấy quyền lợi trước mắt mà bất chấp quyền lợi lâu dài của quốc gia.

Không những chính quyền cộng sản đã đưa lao động xuất khẩu lên hàng quốc sách mà còn muốn chứng tỏ họ là những cai thầu tận tụy với giới chủ nhân để được khen thưởng, được độc quyền xuất khẩu nguồn lao động. Những người lao động vi phạm kỷ luật của giới chủ nhân ngoại quốc bị chính quyền cộng sản Việt Nam chế tài khắt khe,

bằng tiền hoặc cấm ra nước ngoài. Người lao động không còn được nhìn nhận là con người nữa mà là một hàng hóa.

PHỤ NỮ VIỆT NAM bị đem bán đấu giá tại Đài Loan

Một dân biểu Đài Loan thuộc đảng đối lập Trung Hoa Quốc Dân Đảng, ông Hsu Chung Hsiung, đã lên tiếng ngày 25-11-2003 đòi nhà cầm quyền truy tố một Website quảng cáo để bán đấu giá phụ nữ Việt Nam.

Website (báo điện tử đọc được trên mạng Internet) này có tên là KIMO, quảng cáo là có thể bán các phụ nữ Việt Nam còn trinh, biết nói tiếng Bắc Kinh và biết nấu ăn với giá từ 250.000 tiền Đài Loan trở lên. Họ cũng trưng hình ảnh một số phụ nữ.

Ông Hsu coi đây là một hành động mọi rợ cần phải bị trừng trị. Bộ trưởng nội vụ Đài Loan tuyên bố sẽ điều tra. Ngay sau đó các hình ảnh được bỏ đi nhưng quảng cáo vẫn còn.

Cũng nên biết phong trào làm trung gian cho người Đài Loan lấy vợ Việt Nam đã phát triển rất mạnh từ nhiều năm qua. Báo chí Việt Nam đã nhiều lần báo động về tệ nạn này. Nhiều phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan tìm cách về được nhà đã cho biết họ thường phải lấy những người chồng rất già, đôi khi tàn tật, có người mắc bệnh tâm thần.

Nhà cầm quyền Đài Loan kiểm tra được khoảng 43.000 phụ nữ trẻ Việt Nam, thường là phụ nữ nông thôn nghèo, đang ở trên đảo sau khi lấy chồng Đài Loan. Trên thực tế đây chỉ là dịch vụ buôn người.

DU HỌC Một hình thức mất trắng chất xám

Gởi con em đi du học ra nước ngoài ngày nay không còn là một ước muốn quá xa vời đối với người Việt Nam. Theo ước tính của Hội Khuyến Học Việt Nam, năm 2001 đã có khoảng 10.000 du học sinh theo học tại các trường đại học, cao đẳng nước ngoài. Con số này không ngừng tăng theo với thời gian, năm 2002 có trên 12.000 học sinh, năm 2003 15.000, và năm 2005 ta dự trù sẽ có khoảng 20.000 học sinh xin đi du học. Số học sinh được cấp học bổng không thay đổi, trung bình 200 học sinh mỗi năm.

Những quốc gia được chiếu tới nhiều nhất là Hoa Kỳ, Canada, Úc, Anh, Pháp, Đức, kể mới đến Nhật Bản, Trung Quốc và Đài Loan. Các ngành được chọn theo học là quản trị kinh doanh, ngoại ngữ, tin học và một số ít chọn các ngành mỹ thuật (âm nhạc, hội họa, kiến trúc...). Các ngành khoa học, kỹ thuật, chế biến, sinh học, thông tin, y học, du lịch... rất ít người theo vì sẽ không tìm được việc làm khi về nước.

Chi phí du học tự túc ở mà số nước nói tiếng Anh rất cao. Chẳng hạn như chi phí một năm học tự túc tại những đại học và trường cao đẳng tranh bình tại Úc và Canada khoảng 12.000 USD/năm, Hoa Kỳ : 20.000 USD/năm, Anh

25.000 USD/năm. Chi phí ghi danh tại những trường lớn thì cao hơn rất nhiều, trung bình khoảng từ 30.000 đến 50.000 USD/năm. Chỉ có Pháp là rẻ nhất vì lệ phí ghi danh rất thấp, khoảng 200 Euros/năm, thêm vào đó mỗi sinh viên còn được cấp học bổng (tuy không cao nhưng đủ sống) khoảng 200 Euros/tháng và trợ cấp 50% tiền thuê nhà.

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, du học là lối thoát cho những ai mong muốn con em mình ra khỏi một xã hội không có tương lai, đa số các du học sinh này sau tốt nghiệp sẽ không về nước hoạt động vì không tìm được việc làm thích hợp với ngành học. Có thể nói đây là một hình thức tăng không chất xám, có lợi cho những quốc gia đón nhận vì không những không mất một chi phí dưỡng dục nào mà còn sử dụng được một chuyên viên nước ngoài, nhất là người Việt Nam, chỉ biết làm việc và không gây bất ổn xã hội.

USS VANDEGRIFT Chiến hạm Mỹ ghé bến Sài Gòn

Lần đầu tiên, ngày 19-11-2003, sau 28 năm chiến tranh Việt Nam kết thúc, một hộ tống hạm Mỹ thuộc hạm đội 7 Thái Bình Dương, do trung tá thuyền trưởng Richard A. Rogers chỉ huy, đã từ căn cứ Yokosuka (Nhật Bản) chính thức cập bến Sài Gòn. Biển cố này đánh dấu một bước ngoặt mới trong quan hệ Việt-Mỹ về an ninh và quốc phòng vì trước đó một tuần, bộ trưởng quốc phòng Việt Nam, tướng Phạm Văn Trà, đã dẫn một phái đoàn quân sự cao cấp chính thức đến thăm Hoa Kỳ trong bốn ngày, từ ngày 9 đến 12-11-2003.

Cũng nên biết từ sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt đầu thập niên 1990 và nhất là từ sau ngày 11-9-2001, chiến lược phòng thủ của Hoa Kỳ đã hoàn toàn thay đổi : những kẻ thù ngày hôm qua có thể là những bạn mới ngày hôm nay, nếu cùng chia sẻ một ưu tư chung là chống khủng bố và củng cố an ninh khu vực.

Tại châu Á - Thái Bình Dương, ngoài quyết tâm làm chủ biển cả về mặt quân sự, chiến lược phòng thủ của Hoa Kỳ cũng đã thay đổi : dân chủ hóa toàn khu vực, tăng cường trao đổi kinh tế và văn hóa, giảm thiểu sự hiện diện quân sự (tại Philippines và Nam Hàn), tái vũ trang Nhật Bản, củng cố quan hệ chiến lược với Thái Lan (bài trừ ma túy) và Philippines (chống khủng bố Hồi giáo), kềm chế sự bành trướng quân sự của Trung Quốc về phía Nam, giúp Việt Nam thoát khỏi ảnh hưởng của Trung Quốc. Tất cả chỉ nhằm củng cố sự sống chung trong hòa bình của khu vực Đông Nam Á trong ít nhất vài thập niên tới.

Việt Nam chỉ là ưu tiên sau cùng của Hoa Kỳ trong khu vực, vì không còn giữ một vị trí chiến lược quan trọng trong việc ngăn ngừa sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản. Mặc dù vậy, với một dân số trên 80 triệu người và hai triệu Việt kiều trên đất Mỹ, Việt Nam là một thị trường đầy tiềm năng cần được giúp đỡ để phát triển. Nếu Việt Nam trở nên giàu mạnh, sự lệ thuộc vào Trung Quốc sẽ giảm đi và những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam sẽ bạo

dạng hơn trong sự hợp tác với Hoa Kỳ.

Trong quan hệ hợp tác mới này, Việt Nam không có gì để mất, chỉ có lợi. Nhưng lợi cho dân tộc Việt Nam về lâu về dài chứ không có lợi cho chế độ độc tài và cho một đảng trong nhất thời. Tất cả vấn đề là ở đó.

ÚC Người Việt biểu tình chống đài SBS phổ biến VTV4

Liên tiếp trong hai tháng liền người Việt tại Úc đã bày tỏ sự bất bình về việc đài truyền hình SBS của Úc phổ biến bản tin thời sự truyền hình của đài VTV4 Việt Nam. Các cuộc biểu tình diễn ra thường xuyên, ngày càng có tổ chức và đông đảo hơn. Ba cuộc biểu tình lớn nhất là ngày 28-10 với hơn 5.000 người, ngày 21-11 với khoảng 10.000 người và ngày 2-12-2003 với khoảng 12.000 người. Ngoài ra vô số thư, điện thư và kiến nghị đã được gửi tới đài SBS và chính quyền Úc yêu cầu chấm dứt việc phổ biến này.

VTV4 là một chương trình truyền hình của Việt Nam được mệnh danh là "dành cho người Việt xa tổ quốc". Nó có khá nhiều mục : phim truyện, ca nhạc, phóng sự, đồ vui và thời sự. Đài SBS phát lại phần thời sự, khoảng 30 phút.

Dĩ nhiên là VTV4 có mục đích tuyên truyền cho chế độ hiện nay tại Việt Nam. Nhà cầm quyền cộng sản cũng hiểu rằng người Việt hải ngoại có nhiều nguồn tin khác nhau, hơn nữa lại kỳ tuyên truyền và trong đại bộ phận chống chính quyền cộng sản, nên họ cũng cẩn thận, chỉ đưa những bản tin tương đối vô tư và cũng không dám tuyên truyền nhiều vì sợ quá lộ liễu sẽ phản tác dụng. Tuy vậy tính tuyên truyền vẫn thể hiện.

Nhưng mục đích tuyên truyền đánh bóng chế độ có đạt được không là một vấn đề khác. Đối với những người xuống đường biểu tình phản đối thì chắc chắn là phải có. Những cuộc biểu tình này phải được coi là rất đông đảo bởi vì 10.000 người biểu tình trong một cộng đồng khoảng 200.000 người là một tỷ lệ rất lớn. Tuy nhiên nếu theo dõi kỹ các chương trình này thì có thể nói chúng phản tác dụng. Các hình ảnh cho thấy một xã hội nghèo khổ, các phụ nữ lao động lam lũ, bên cạnh những cán bộ ăn mặc bảnh bao với vẻ mặt thỏa mãn và sử dụng ngôn từ lưỡi gươm nhiều khi lộ bịch hóa chính quyền cộng sản. Các phim tuyên truyền phơi bày một xã hội Việt Nam sa đọa, tham nhũng, buôn lậu, mất niềm tin, chạy theo đồng tiền một cách thô bỉ.

Lý do chính và thầm kín khiến người Việt tại Úc phản nộ là vì họ ghét chế độ cộng sản, không muốn nhìn thấy và nghĩ đến nó nữa chứ không phải vì tác dụng tuyên truyền của nó. Đài SBS chỉ chiếu lại phần thời sự, nghĩa là phần ít tác dụng xấu nhất đối với chế độ, nhưng chương trình thời sự này cũng không đánh lừa được ai, nó còn cho thấy một xã hội vừa giả tạo vừa rất tụt hậu so với thế giới.

Một phụ nữ Việt Nam trong đám biểu tình đã diễn tả đúng tâm lý của người Việt tại Úc : "*Chúng tôi đã bỏ tất cả để ra đi vì không thể chấp nhận chế độ cộng sản, thế mà bây giờ nó lại theo chúng tôi sang đây*".

Thư độc giả

Danh dự người Việt Nam đang bị tổn thương nặng

Tôi là một Việt kiều sinh sống tại Pháp từ hơn 45 năm qua. Nay tuổi đã già không biết còn sống đến ngày nào, tôi chỉ nhắn đến các ông một điều là làm sao phục hồi lại danh dự cho dân tộc Việt Nam. Tôi chỉ mong muốn như thế thôi trước khi nhắm mắt.

Trước kia, khi còn chống Pháp và chống Mỹ, tôi đã rất hãnh diện mình là người Việt Nam. Đi đâu tôi cũng tự hào mình là người Việt. Làm sao không thể tự hào khi một dân tộc nhỏ yếu như Việt Nam đã không những đánh bại được hai đế quốc hùng mạnh nhất thế giới mà còn giành được độc lập, thống nhất đất nước? Phải nói là thời đó tôi rất hãnh diện mình là người Việt, tôi ủng hộ chính quyền cộng sản Việt Nam và cụ Hồ Chí Minh. Ngày nay, niềm hãnh diện đó đã phai tàn theo thời gian, tôi sẽ rất ngượng nếu ai đó hỏi tôi có phải là người Việt không.

Từ khi đất nước được hoàn toàn thống nhất, tôi đã về nước nhiều lần, và lần nào cũng thấy toàn cảnh chướng tai gai mắt. Những người trong nước thường khoe khoang, chỉ cho tôi xem hình ảnh những trận chiến, công lao đánh Mỹ Ngụy, còn tôi thì chỉ quan tâm đến đời sống người dân và chỉ biết tận tình giúp đỡ những cơ quan chăm sóc người nghèo khó. Trong 28 năm qua tôi đã gởi tặng không biết bao nhiêu là tiền của nhưng thật là vô vọng, người khổn khổ ngày càng đông thêm và bất công xã hội ngày càng rộng lớn.

Vì là phụ nữ tôi quan tâm rất nhiều đến thân phận người phụ nữ trong nước. Tôi không kể thân phận những người phụ nữ làm việc trong guồng máy nhà nước, họ là những người của chế độ, ăn trên ngồi trước và đầy quyền uy, ăn nói rất ngang ngược. Ưu tư của họ là làm sao kiếm được nhiều tiền hơn để khoe khoang, mà không cần biết đến sự khổ cực của người khác.

Ở đây tôi chỉ đề cập tới thân phận những người phụ nữ bình dân mà tôi thường gặp hàng ngày mỗi khi về nước. Phải thành thật mà nói, rất là đáng buồn. Thân phận của những người phụ nữ này rất là đáng thương. Nếu gặp được một người chồng biết thương yêu và chăm sóc vợ con, đó là một may mắn lớn, nhưng tiếc thay số người may mắn này lại rất ít. Phần lớn những trường hợp tôi gặp rất là bi đát.

Ở trong Nam, vai trò của người phụ nữ là buôn bán, nội trợ và chăm lo cho con cái, nói chung là phải làm tất cả để nuôi gia đình. Nếu không chu toàn phận sự này thì bị la rầy hay bị đánh đập, đó là chưa nói thường xuyên bị phản bội. Hình như không một người đàn ông nào trong nước trung thành với vợ. Khi ra ngoài đường người ta chỉ thấy phụ nữ buôn bán. Nam giới thì làm những nghề vặt vãnh như chuyên chở, khuôn vác ;

Mục lục

1. Mỹ sa lầy ?
Thông Luận
2. Hai phiên tòa, một thực tại
Nguyễn Văn Huy
3. Mơ ước sẽ trở thành đòi hỏi
Nguyễn Gia Kiểng
5. Thổi bùng ngọc lửa tự do !
The Economist
6. Thơ - Nguyễn cầu mùa Giáng Sinh
Sông Lô
7. Canada thay đổi lãnh đạo trong êm thầm
Tôn Thất Thiện
9. Nhiều câu hỏi chờ được trả lời
Jeanne Mai
11. Thực chất từ đại hội đảng lần thứ IX là vấn đề gì?
Nguyễn Chí Trung
18. Vài suy nghĩ sau khi đọc Tổ Quốc Ân Nhân
Vũ Hoàng
20. Báo Thư Nhà đình bản vĩnh viễn !
Chân Tín
21. Những trở ngại trong tiến trình dân chủ hóa đất nước
Nguyễn Gia Thường
23. Người Việt ở Liên Xô
Uông Toàn Phong
26. Mùa xuân (chợt) nhớ chuyện mai sau
Tướng Năng Tiến
28. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Danh dự người Việt Nam đang bị tổn thương nặng
Agnès Trần Thị Lam

phần đông còn lại là đi lang thang hoặc ngồi ăn uống, nhậu nhẹt trong các hàng quán, chưa kể là ngôn ngữ trao đổi rất là khó nghe. Ở thôn quê cũng thế, chỉ thấy người phụ nữ làm lụng vất vả trên ruộng rẫy. Miền Trung và ngoài Bắc cũng không hơn gì, trên các ruộng đồng, trong các mỏ than và hăng xương, người ta chỉ thấy toàn là phụ nữ đảm trách các công việc nặng nhọc, chỉ khác hơn một chút là đàn ông ở hai miền này chịu khó làm việc hơn đàn ông ở miền Nam.

Sự kiện làm tôi bất bình nhất là danh dự người Việt Nam bị chà đạp. Không hiểu vì sao một dân tộc đánh thắng được hai đế quốc sừng sỏ nhất thế giới ngày nay lại chấp nhận để người ngoại quốc vào nước mua bán phụ nữ một cách công khai. Chính quyền không những đã không ngăn cản mà còn cho phép thành lập những cơ quan tuyển chọn trung gian xuất khẩu phụ nữ Việt Nam sang Đài Loan và các quốc gia Ả Rập làm hầu để ăn hoa hồng. Đó là chưa kể thành phần xã hội đen tự do tổ chức các đường dây buôn bán thiếu nữ xinh đẹp Việt Nam sang Kampuchia và Trung Quốc làm gái mãi dâm.

Vì sao đất nước ta phải ra nông nổi này? Danh dự người Việt Nam đang bị tổn thương nặng, các ông hãy cố gắng làm sao phục hồi lại cho dân tộc để con cháu chúng tôi được nhờ. Cảm ơn các ông.

Agnès Trần Thị Lam (Bordeaux)